



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 61 - Số 619 / Kỳ I - 4/2022



TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI **QUÝ I NĂM 2022**



TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH **CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG NĂM 2022**



QUẢNG NAM VƯỢT "BÃO" COVID-19 **VÀ NHỮNG KỲ VỌNG PHỤC HỒI, PHÁT TRIỂN TRONG NĂM DU LỊCH QUỐC GIA 2022**



KHỦNG HOẢNG CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA CĂNG THẲNG NGA-UKRAINE

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 4/2022 (619) Ra hàng tháng. Năm thứ 61

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại **Công ty TNHH In Tân Thăng Long**

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hợp báo công bố số liệu thống kê Kinh tế - Xã hội quý I năm 2022
2. Hội nghị trực tuyến tập huấn nghiệp vụ Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2022
3. Tổng cục Thống kê làm việc với Ban Kinh tế Trung ương về phối hợp triển khai công tác số liệu
4. Hội thảo về khoảng trống dữ liệu thống kê di cư lao động quốc tế tại Việt Nam
5. Hội thảo tính Chỉ số phát triển con người (HDI) tại Việt Nam
6. Đẩy mạnh hợp tác thống kê Việt - Lào nhân "Năm đoàn kết hữu nghị Việt - Lào" 2022
7. Điều tra doanh nghiệp 2022 một số nội dung chủ yếu
9. Đổi mới trong Điều tra doanh nghiệp năm 2022

KINH TẾ - XÃ HỘI

11. Tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2022
16. Diễn biến lạm phát quý I năm 2022, sức ép các tháng còn lại của năm và giải pháp
Nguyễn Trung Tiến
18. Động lực tăng trưởng quý I năm 2022 và khuyến nghị đối với mục tiêu tăng trưởng năm 2022
Lê Trung Hiếu
21. Sản xuất công nghiệp quý I/2022 - Tiếp tục phục hồi và tăng trưởng
Phí Thị Hương Nga
23. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong năm 2022
ThS. Nguyễn Hữu Bình - ThS. Lưu Thị Duyên

26. Phát triển Logistics xanh tại Việt Nam

ThS. Nguyễn Thị Phương Liên

29. Dấu ấn ngành Lâm nghiệp năm 2021 và những nỗ lực trong giai đoạn tới

Thu Hòa

32. Quản lý dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài - Thực trạng và giải pháp

35. Đào tạo kỹ năng số cho lao động con đường đi đến thành công chuyển đổi số quốc gia

ThS. Nguyễn Thị Vân Anh

38. Khởi sắc kinh tế - xã hội Hà Nội quý I/2022

Trần Phương Thảo

41. Quảng Nam: Vượt "bão" Covid-19 và những kỳ vọng phục hồi, phát triển trong năm du lịch quốc gia 2022

Gia Linh

44. Tin địa phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

46. Các yếu tố ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bán lẻ hàng tiêu dùng Việt Nam

TS. Trần Ngọc Trang

QUỐC TẾ

49. Dự báo tình hình kinh tế thế giới quý I và cả năm 2022

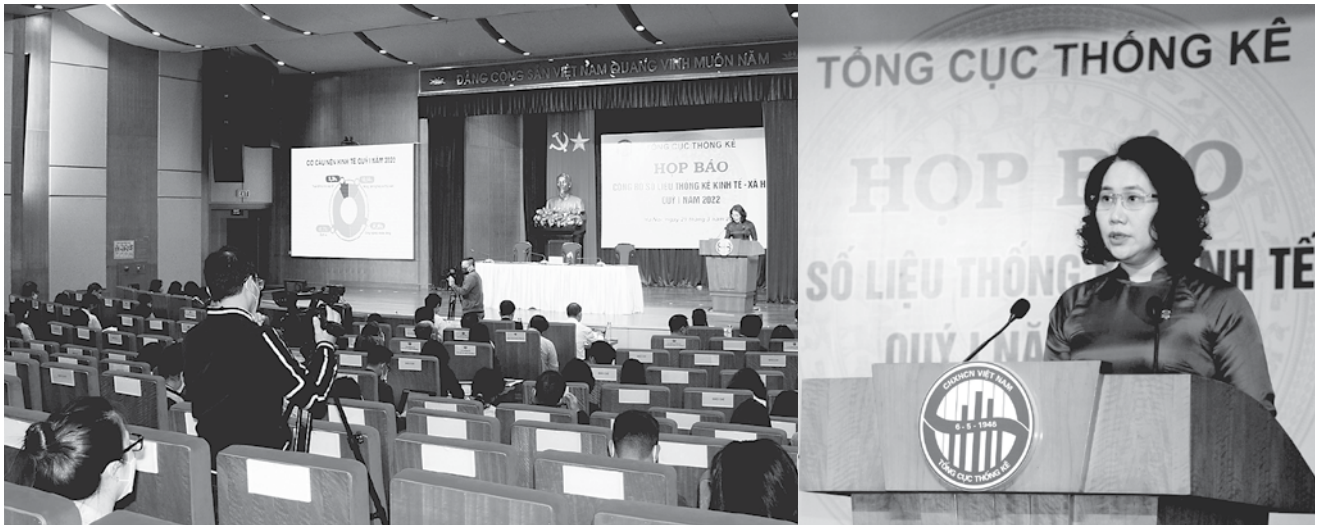
52. Khủng hoảng chuỗi cung ứng toàn cầu trước tác động của căng thẳng Nga-Ukraine

Tiến Long

Giá: 27.000 đ



HỌP BÁO CÔNG BỐ SỐ LIỆU THỐNG KÊ KINH TẾ - XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2022



Sáng ngày 29/3/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê đã tổ chức Hội báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý I năm 2022. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương chủ trì buổi hội báo. Tham dự trực tiếp buổi hội báo có Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến, thủ trưởng và chuyên viên một số đơn vị liên quan thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê, đại diện một số Bộ, ngành cùng với sự góp mặt của các cơ quan truyền thông, báo chí. Buổi Hội báo được kết nối trực tuyến tới các Cục Thống kê của 63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Tại cuộc hội báo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đã trình bày những nội dung chính về tình hình KTXH của cả nước quý I năm 2022. Theo đó, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I năm 2022 ước tính tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,72% của quý I năm 2021 và 3,66% của quý I năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,85%

của quý I năm 2019. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,45%, đóng góp 5,76% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,38%, đóng góp 51,08%; khu vực dịch vụ tăng 4,58%, đóng góp 43,16%.

Khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp quý I năm 2022 tăng 7,07% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 6,44% của quý I năm 2021, đóng góp 2,42 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 7,79%, đóng góp 2,05 điểm phần trăm. Khu vực dịch vụ trong quý I năm 2022 bắt đầu tăng trưởng khi nhiều hoạt động dịch vụ sôi động trở lại.

Tình hình đăng ký doanh nghiệp quý I năm 2022 có nhiều khởi sắc, số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động

trong quý I năm 2022 tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước; tổng vốn đăng ký vào nền kinh tế tăng 21%, trong đó vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động tăng 34,5%. Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa đang hồi phục mạnh mẽ. Tính chung quý I năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 176,35 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 12,9%; nhập khẩu tăng 15,9%...

Đây là kết quả quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế thời gian qua của Quốc hội và Chính phủ, tạo niềm tin, động lực cho cộng đồng doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh...

Theo Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương, trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, kinh tế - xã hội Việt Nam quý I năm 2022 đạt được mức tăng trưởng khá trên các lĩnh vực là do sự vào cuộc

của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Tuy nhiên, bước sang quý II, kinh tế - xã hội nước ta còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi tình hình chính trị thế giới phức tạp, khó lường, kinh tế thế giới phục hồi chậm lại, giá hàng hóa thiết yếu tăng cao, nguy cơ lạm phát cao trên toàn cầu. Do đó, việc đạt mục tiêu tăng trưởng 6,5% là thách thức lớn, cần sự chung sức, đồng lòng của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân. Các ngành, các cấp tăng cường dự báo, chủ động điều hành linh hoạt, phù hợp với tình hình mới, kịp thời ứng phó với các tình huống phát sinh, tập trung triển khai hiệu quả đồng bộ các chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Tại buổi họp báo, Tổng cục Thống kê đã dành nhiều thời gian giải đáp thỏa đáng câu hỏi của các nhà báo xoay quanh các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2022 ở các lĩnh vực như: Tăng trưởng kinh tế, mục tiêu tăng trưởng, ảnh hưởng của xung đột Nga- Ucraina đến phát triển kinh tế, Thị trường lao động, việc làm, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến hộ gia đình, điểm sáng sản xuất công nghiệp, FDI, chỉ số giá, lạm phát.../.

Thu Hiền

Hội nghị trực tuyến tập huấn nghiệp vụ Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2022

Sáng ngày 21/3/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội nghị trực tuyến tập huấn nghiệp vụ Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2022. Phó tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến chủ trì hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo, chuyên viên Cục thu thập dữ liệu và ứng dụng Công nghệ thông tin; Vụ thống kê Dân số và Lao động và các đơn vị liên quan thuộc TCTK.

Tại điểm cầu trực tuyến có đại diện lãnh đạo, chuyên viên của 63 Cục thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.



Phát biểu chỉ đạo hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết, đây là cuộc điều tra thống kê quen thuộc của ngành Thống kê trong thời gian qua và đã được ngành Thống kê triển khai rất bài bản. Do đó để tập trung cho cuộc điều tra này, Phó tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến yêu cầu các giảng viên cần làm rõ các điểm đổi mới, điểm khác biệt so với cuộc điều tra cũ. Các giảng viên tập trung đi vào những nội dung cần nghiên cứu, thảo luận để làm tốt cuộc điều tra.

Đối với các học viên tại các điểm cầu cần tập trung nghiên cứu tài liệu, nghe giảng viên giảng bài và tích cực tham gia đóng góp ý kiến trao đổi nghiệp vụ giúp các học viên hiểu và thực hiện tốt khi triển khai cuộc điều tra. Đặc biệt Phó tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến yêu cầu các Cục thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần tập trung nghiên cứu các phần mềm và khi triển khai trong quá trình điều tra nếu hạ tầng công nghệ thông tin có phát sinh vấn đề đề nghị các Cục Thống kê phải có trao đổi ngay với Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin để kịp thời có kế hoạch xử lý, từ đó đáp ứng tốt nhất nhu cầu đề ra của cuộc điều tra.

Tại hội nghị các đại biểu được nghe trình bày hướng dẫn về các nội dung như: Giới thiệu phương án điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2022; giới thiệu phiếu hộ; những tình huống lỗi thường gặp khi điều tra.

Ngoài ra, hội nghị cũng dành thời gian hướng dẫn các học viên sử dụng trang web quản lý giám sát của cuộc điều tra và sử dụng phần mềm CAPI; thảo luận, giải đáp thắc mắc về nghiệp vụ điều tra.

Với tinh thần làm việc nghiêm túc, tại Hội nghị tập huấn các giảng viên đã truyền tải đầy đủ, hiệu quả nội dung quan trọng của cuộc điều tra tới các học viên tham gia tại hội nghị./.

M.T

TỔNG CỤC THỐNG KÊ LÀM VIỆC VỚI BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG VỀ PHỐI HỢP TRIỂN KHAI CÔNG TÁC SỐ LIỆU

Sáng ngày 18/3/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã có buổi làm việc với Ban Kinh tế Trung ương (Ban KTTU) về việc phối hợp triển khai công tác số liệu phục vụ xây dựng Đề án "Chủ trương, chính sách công nghiệp hóa hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

Tham dự buổi làm việc, về phía Tổng cục Thống kê có Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương, đại diện lãnh đạo, chuyên viên một số đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục; Về phía Ban Kinh tế Trung ương có Phó Trưởng ban Ban Kinh tế Trung ương, thành viên Ban chỉ đạo Trung ương, Tổ trưởng Tổ biên tập xây dựng Đề án Nguyễn Đức Hiến cùng lãnh đạo Trung tâm Thông tin, Phân tích và Dự báo kinh tế; đại diện một số đơn vị liên quan.

Phát biểu tại buổi làm việc, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, với quan điểm sẵn sàng hợp tác, chia sẻ thông tin với Ban KTTU, các đơn vị nghiệp vụ của TCTK sẽ phối hợp và thống nhất cách làm với Ban KTTU trong việc cung cấp số liệu để đáp ứng kịp thời yêu cầu của Ban KTTU và tham mưu tốt cho Đảng và Nhà nước xây dựng những chính sách điều hành.

Phát biểu tại cuộc họp Phó Trưởng Ban KTTU Nguyễn Đức Hiến cho biết, Ban KTTU được giao phối hợp với các Ban, bộ, ngành Trung ương triển khai Đề án "Chủ trương, chính sách công nghiệp hóa hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

Theo Phó Trưởng Ban KTTU Nguyễn Đức Hiến, những định hướng, chủ trương lớn về công



nh nghiệp hóa đã được nêu từ văn kiện Đại hội VI, tuy nhiên đến nay, Việt Nam chưa định hình một cách thực sự rõ mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho đến những chủ trương, chính sách lớn. Năm 2018, TCTK đã phối hợp với Ban KTTU hoàn thành nghiên cứu để ban hành Nghị quyết 23 ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia. Trong tổng thể những vấn đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì chính sách phát triển công nghiệp quốc gia chỉ là một trong những nội dung trong khi vấn đề công nghiệp hóa hiện đại hóa đòi hỏi rộng hơn. Hiện, Tổ Biên tập đã hoàn thành một số nội dung xây dựng đề án. Cụ thể, đã triển khai đặt hàng một số bộ, ngành, chuyên gia trong nước và một số tổ chức quốc tế để xây dựng các chuyên đề, nội dung; yêu cầu 63 tỉnh, thành báo cáo tình hình phát triển công nghiệp, công nghiệp hóa và hiện đại hóa...

Phó Trưởng ban KTTU Nguyễn Đức Hiến nhấn mạnh, một trong những nhiệm vụ quyết định

thành công trong Đề án là phải có các dữ liệu để minh chứng đầy đủ rõ ràng. Tổ Biên tập dự kiến một số nội dung đề xuất về mặt số liệu và gửi TCTK phối hợp. Đồng thời kiến nghị Tổng cục trưởng giao cho một số đơn vị chủ trì về mặt kỹ thuật có thể đề xuất về các bảng số liệu số liệu cần thiết, một số các trường dữ liệu cần thiết phục vụ trực tiếp cho Đề án. Đặc biệt mong muốn TCTK xây dựng chuyên đề dự báo về phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu đề ra trong văn kiện, làm căn cứ xây dựng kịch bản chung trong phát triển công nghiệp cũng như phát triển kinh tế - xã hội.

Kết thúc cuộc họp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho rằng, trên cơ sở trao đổi làm việc hai bên đã có những thống nhất về những nội dung của Ban KTTU đề xuất với TCTK trong việc cung cấp số liệu, TCTK sẵn sàng hợp tác, chia sẻ cung cấp số liệu trung thực và chính xác để giúp giúp Tổ biên tập hoàn thành Đề án trình Ban Chấp hành Trung ương./.

M.T

Chiều ngày 23/3/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Tổ chức lao động quốc tế (ILO) tổ chức Hội thảo về khoảng trống dữ liệu thống kê di cư lao động quốc tế (ILMS). Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có đại diện Chương trình, Văn Phòng ILO Việt Nam; đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành có liên quan; các Sở, ban ngành trung ương và địa phương; lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK; lãnh đạo Cục và lãnh đạo Phòng tại 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố; các tổ chức quốc tế.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết, kể từ khi bắt đầu thực hiện “đổi mới” năm 1986, Việt Nam đã tận dụng hiệu quả, tổng hợp các nguồn lực trong và ngoài nước, từ nguồn vốn, kinh nghiệm và đặc biệt là nguồn lao động di cư quốc tế chất lượng cao để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, các thông tin thống kê về lao động di cư quốc tế chưa có cơ quan nào đứng ra làm đầu mối tổng hợp, công bố để sử dụng chung, thống nhất, một cách đầy đủ và hiệu quả. Thời gian gần đây, TCTK đã phối hợp với Tổ chức lao động quốc tế (ILO) nghiên cứu các nguồn dữ liệu sẵn có về lao động di cư quốc tế ở Việt Nam.

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến hy vọng, qua Hội thảo này, Thống kê Việt Nam cùng với các bộ, ngành, các chuyên gia trong nước và quốc tế có cơ hội để làm việc, chia sẻ với nhau các kiến thức, kinh nghiệm nhằm giúp Thống kê Việt Nam có thêm năng lực để tìm ra được các nguồn thông tin, từ đó có thể khai thác, tổng hợp,

HỘI THẢO VỀ KHOẢNG TRỐNG DỮ LIỆU THỐNG KÊ DI CƯ LAO ĐỘNG QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM

tính toán một cách tốt nhất các chỉ tiêu thống kê về lao động di cư quốc tế, để thông tin trong lĩnh vực này ngày càng đầy đủ, chính xác và kịp thời, được các tổ chức trong và ngoài nước sử dụng hiệu quả và đánh giá cao.

Hội thảo này là một dấu mốc quan trọng hướng tới hoàn thiện dữ liệu thống kê về di cư lao động; góp phần thực hiện Quyết định 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di cư lao động một cách nhất quán và có sự kết nối với số liệu thống kê của các bộ, ngành phục vụ công tác hoạch định kế hoạch chính sách tại Việt Nam cũng như thu thập thông tin về tiến độ thực hiện MTPTBV.

Ông Nguyễn Hoàng Hà, đại diện Chương trình, Văn Phòng ILO Việt Nam cho biết, lĩnh vực di cư lao động nước ngoài đang đặt ra nhu cầu lớn về số liệu thống kê chính xác, được phân tách theo giới tính và thường xuyên cập nhật, phục vụ công tác hoạch định chính sách và xây dựng các can thiệp kịp thời, giúp người di cư, đặc biệt là phụ nữ tối đa hóa được lợi ích từ việc di cư lao động của mình, cũng như giảm thiểu các nguy cơ bị bạo lực và bóc lột có thể xảy ra. Tăng cường nỗ lực thu thập dữ liệu về di cư lao động thông qua việc áp dụng các cách tiếp cận và khái niệm nhất quán sẽ giúp quản lý rủi ro và tận dụng các cơ hội mà di cư lao động quốc tế mang lại.

Một số nội dung chính được trình bày tại hội thảo như: Tổng quan về tình hình thu thập, quản lý thông tin liên quan đến di cư

lao động quốc tế (đi, đến), số liệu người dân đi lao động nước ngoài tại các quốc gia khu vực ASEAN; Thực trạng cung cấp thông tin của Việt Nam trong Bộ cơ sở dữ liệu ILMS, tập trung vào số liệu được bóc tách theo giới tính; những khó khăn, thách thức trong quá trình thu thập và cung cấp số liệu cho ILMS cũng như khuyến nghị; Thực trạng công tác quản lý thông tin về lao động di cư quốc tế của Việt Nam tại Bộ Ngoại giao; Đánh giá thực trạng công tác quản lý và thống kê về lao động di cư của Việt Nam và của nước ngoài qua biên giới;...

Trên cơ sở các tham luận được trình bày tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã thảo luận, đóng góp ý kiến cũng như đưa ra các khuyến nghị liên quan đến các vấn đề về khoảng trống dữ liệu thống kê di cư lao động quốc tế.

Kết luận Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến ghi nhận và đánh giá cao các bài tham luận cũng như các ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự. TCTK sẽ phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành và địa phương triển khai nghiên cứu các kiến nghị tại Hội thảo để đưa ra các giải pháp lấp đầy khoảng trống, xây dựng bộ cơ sở dữ liệu di cư quốc tế đạt yêu cầu đề ra... Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cũng mong muốn TCTK sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ và đồng hành của các tổ chức quốc tế trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về di cư lao động quốc tế tại Việt Nam./.

Thu Hường



HỘI THẢO

TÍNH CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI (HDI) TẠI VIỆT NAM

Với mong muốn hoàn thiện phương pháp tính và cung cấp số liệu HDI với chất lượng cao nhất, sáng ngày 30/3/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo tính Chỉ số phát triển con người (HDI) tại Việt Nam. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì hội thảo.

Tham dự hội thảo tại điểm cầu trực tiếp có Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến; ông Trần Kim Đồng, chuyên gia kinh tế, nguyên Vụ trưởng Vụ Thống kê Tổng hợp TCTK. Bà Đỗ Lê Như Ngọc, trợ lý Trưởng đại diện Cơ quan thường trú Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam; đại diện lãnh đạo và chuyên viên một số đơn vị liên quan thuộc TCTK; đại diện một số Bộ, ban, ngành.

Tại điểm cầu trực tuyến có ông Vũ Quang Việt, chuyên gia kinh tế, nguyên Vụ trưởng Vụ Tài khoản Quốc gia Liên hợp quốc.

Phát biểu khai mạc hội thảo Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, chỉ số phát triển con người (HDI) là một trong những chỉ tiêu tổng hợp, đo lường sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, vùng lãnh thổ hay một địa phương do Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) khởi xướng từ năm 1990 và đang được nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế tính toán, công bố thường xuyên.

Trong những năm gần đây, TCTK đã biên soạn, công bố HDI của cả nước trong Niên giám

thống kê và một số sản phẩm thông tin thống kê khác. HDI do TCTK biên soạn, công bố được các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế tin cậy, sử dụng. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, phát huy kết quả đạt được, TCTK chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thống kê Bộ, ngành và sự hỗ trợ kỹ thuật từ UNDP lần đầu tiên TCTK đã tiến hành biên soạn Báo cáo "Chỉ số phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020".

Tại hội thảo, các đại biểu đã nghe đại diện lãnh đạo Vụ Thống kê Dân số và Lao động trình bày Báo cáo kết quả thực hiện biên soạn Báo cáo Chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020.

Theo đó, trong giai đoạn 2016 - 2020, kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và sự phát triển con người nói riêng đạt được những thành tựu quan trọng. Chỉ số tổng hợp HDI đã tăng từ 0,682 năm 2016 lên 0,687 năm 2017; 0,693 năm 2018; 0,703 năm 2019 và 0,706 năm 2020. Nhờ đạt được sự gia tăng liên tục qua các năm, Việt Nam đã từ nhóm trung bình những năm 2016-2018 lên nhóm cao trong năm 2019-2020. Thứ hạng HDI của Việt Nam tăng từ vị trí 118 năm 2016; 119 năm 2017 và 118 năm 2018 lên vị trí 117 năm 2019 trong tổng số 180 quốc gia, vùng lãnh thổ thế giới.

Hội thảo đã dành thời gian để các chuyên gia đóng góp ý kiến vào việc tính toán chỉ số thu nhập

và thảo luận cho ý kiến vào tính chỉ số phát triển con người. Các đại biểu đánh giá cao kết quả tính toán và số liệu trong báo cáo TCTK đưa ra cũng như tính thống nhất và phương pháp luận với thế giới.

Phát biểu tại hội thảo, bà Đỗ Lê Như Ngọc, trợ lý Trưởng đại diện Cơ quan thường trú Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam cho biết, UNDP đề cao việc tính và biên soạn Báo cáo Chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 của TCTK đã sử dụng phương pháp tính thống nhất với UNDP.

Kết thúc hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao sự chủ động nghiên cứu của ban soạn thảo và những ý kiến đóng góp tâm huyết của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu và các đại biểu trong tính chỉ số phát triển con người và yêu cầu Vụ Thống kê Dân số và Lao động tiếp tục củng cố và nghiên cứu để đảm bảo theo đúng chuẩn của quốc tế ở cả chỉ tiêu cấp quốc gia và cấp tỉnh; đánh giá đúng thực trạng Việt Nam trong thời gian tới và rà soát thông tin đầu vào; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong TCTK về các chỉ tiêu có liên quan. Về thực tiễn cấp quốc gia cần bổ sung thêm so sánh theo chuỗi thời gian với quốc tế. Đối với UNDP, Tổng cục trưởng mong muốn UNDP tiếp tục đồng hành cùng TCTK củng cố thêm kỹ thuật tính toán giúp TCTK có thêm tài liệu cũng như kinh nghiệm quốc tế để TCTK đưa ra phương án phù hợp./. **M.T**



ĐẨY MẠNH HỢP TÁC THỐNG KÊ VIỆT - LÀO NHÂN "NĂM ĐOÀN KẾT HỮU NGHỊ VIỆT - LÀO" 2022

Từ ngày 21-23/3/2022, đoàn đại biểu Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam do Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng, Chủ tịch Ủy ban hợp tác Việt Nam - Lào làm Trưởng đoàn đến thăm và làm việc tại Lào. Tháp tùng Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về phía Tổng cục Thống kê (TCTK) có Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương. Trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc tại Lào, Tổng cục trưởng TCTK đã có buổi thăm và làm việc với Cơ quan Thống kê Lào. Tại buổi làm việc, Tổng cục trưởng cơ quan thống kê hai nước đã trao đổi về định hướng hợp tác giữa hai cơ quan trong thời gian tới; đồng thời nhất trí giao Vụ Hợp tác quốc tế của hai bên phối hợp chặt chẽ để xây dựng kế hoạch hợp tác cụ thể cho năm 2022.

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng thân thiết, núi liền núi, sông liền sông, nhân dân hai nước gắn bó lâu đời và ngày càng phát triển. Trong những năm qua, mối quan hệ đặc biệt hai nước ngày càng được củng cố vững chắc, đi vào chiều sâu và phát huy hiệu quả thiết thực trên mọi lĩnh vực hợp tác, mang lại lợi ích cho nhân dân hai nước. Trên cơ sở quan hệ hợp tác truyền thống giữa hai Chính phủ, hợp tác trong lĩnh vực thống kê giữa Tổng cục Thống kê Việt Nam và Cơ quan Thống kê Lào đã được các thể chế lãnh đạo hai cơ quan chú trọng và ưu tiên hàng đầu.

Hoạt động hợp tác thống kê Việt - Lào liên tục phát triển

Hai cơ quan thống kê Việt - Lào đã có những hoạt động hợp tác dưới nhiều hình thức khác nhau. Cụ thể:

Về đào tạo công chức: Từ năm 2004 đến nay, Tổng cục Thống kê đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho Cơ quan Thống kê Lào dưới hình thức đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê tại Việt Nam cho công chức lãnh đạo, công chức làm công tác nghiệp vụ thống kê. Tổng số lượt người được đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2004-2019 là 165 người. Các khóa đào tạo bồi dưỡng đều được Cơ quan Thống kê Lào đánh giá hiệu quả, thiết thực.

Về trao đổi đoàn: Trao đổi đoàn cấp cao, đoàn nghiệp vụ giữa hai cơ quan thống kê được thực hiện thường xuyên qua các năm. Cụ thể:

Năm 2013, Tổng cục Thống kê đón hai đoàn Cơ quan Thống kê Lào sang khảo sát, học tập kinh nghiệm về Tổng điều tra dân số và chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng công nghệ quét (scanning), xử lý phiếu tổng điều tra áp dụng cho Tổng điều tra dân số của Lào thực hiện năm 2015.

Năm 2016, Tổng cục đón một đoàn Thống kê Lào sang khảo sát, học tập kinh nghiệm về Luật Thống kê, Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam và đào tạo thống kê.

Tháng 11/2019, Tổng cục Thống kê cử hai chuyên gia sang Lào để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với Thống kê Lào về tổ chức thực hiện Tổng điều tra kinh tế.

Ngoài ra, còn có các hoạt động chia sẻ nghiệp vụ chuyên môn, chia sẻ thông tin giữa cơ quan thống kê hai nước. Các hoạt động thiết thực đó đã góp phần tăng cường năng lực chuyên môn, hợp tác thống kê giữa hai nước nói riêng và quan hệ bền chặt trên mọi lĩnh vực giữa hai nước nói chung.

Chương trình hành động của ngành Thống kê Việt Nam hưởng ứng “Năm đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào” 2022

Để chào mừng Kỷ niệm 60 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào và 45 năm Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào; Hưởng ứng “Năm đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào” 2022, TCTK đã chủ động thiết kế chương trình và đề xuất sẽ triển khai một số hoạt động như: Tuyên truyền về hợp tác thống kê giữa Việt Nam và Lào được đăng tải trên một số cơ quan báo chí và cổng thông tin điện tử của ngành Thống kê; Thực hiện trao đổi đoàn cấp cao giữa Việt Nam - Lào nếu điều kiện cho phép; Triển khai khóa đào tạo thống kê cho Cơ quan Thống kê Lào; gửi Thư chúc mừng của Tổng cục trưởng TCTK nhân dịp 60 năm thành lập Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào và 45 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị Việt Nam - Lào...

Đồng thời, Tổng cục Thống kê cũng đưa góp ý và đề xuất “Tăng cường trao đổi kinh nghiệm về công tác thống kê thông qua đoàn chuyên gia cấp cao và khóa đào tạo nghiệp vụ cho thống kê Lào” vào dự thảo “Thỏa thuận hợp tác giữa hai Bộ giai đoạn 2022 - 2023”/.

Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế

ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP 2022 MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU

Mục đích điều tra

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 thu thập các thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp) nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành, đánh giá và dự báo tình hình kinh tế - xã hội, lập chính sách, kế hoạch phát triển của toàn bộ nền kinh tế và từng địa phương. Bên cạnh đó, phục vụ tính chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2021, các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia và các chỉ tiêu thống kê của các chuyên ngành kinh tế; Biên soạn “Sách Trắng doanh nghiệp năm 2023” và “Sách Trắng hợp tác xã năm 2023”; Cập nhật cơ sở dữ liệu làm mẫu của các cuộc điều tra thống kê về doanh nghiệp...

Phạm vi điều tra

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là tỉnh, thành phố) đối với các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc tất cả các ngành trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018) trừ 3 ngành: Ngành O - Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc; Ngành U - Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế; Ngành T- Hoạt động làm thuê các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình (do đối tượng điều tra không phát sinh trong các ngành này).

Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là tổ chức, cá nhân (được xác định là đơn vị cơ sở hay còn được gọi là đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn), thỏa mãn các điều kiện sau: (1)

Có địa điểm xác định trên lãnh thổ Việt Nam để trực tiếp thực hiện hoặc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh; (2) Có người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động, có lao động chuyên nghiệp; (3) Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh; (4) Mỗi đơn vị cơ sở chỉ đóng tại một địa bàn xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) và chỉ tiến hành một loại hoạt động kinh tế thuộc ngành kinh tế cấp 3.

Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là doanh nghiệp và các tập đoàn, tổng công ty.

Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập và chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp; Luật Hợp tác xã/Liên hiệp HTX, các quỹ tín dụng nhân dân hoạt động theo Luật hợp tác xã và các doanh nghiệp được thành lập, chịu sự điều chỉnh bởi các Luật chuyên ngành như: Luật Bảo hiểm, Luật Chứng khoán, ...

Tập đoàn, tổng công ty gồm 64 tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp có hoạt động hạch toán toàn ngành (bao gồm 03 tập đoàn, tổng công ty thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng - danh sách kèm theo tại Phụ lục I).

Nội dung điều tra

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 thu thập các thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng: Thông tin định danh của đơn vị điều tra; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; loại hình doanh nghiệp; cơ sở trực thuộc của doanh nghiệp.

- Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: Số lao động; thu nhập của người lao động.

- Thông tin về kết quả, chi phí sản xuất kinh doanh: Kết quả



hoạt động, chi phí sản xuất kinh doanh; vốn đầu tư; sản lượng sản xuất của sản phẩm; tiêu dùng năng lượng; các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 là cuộc điều tra thực hiện điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu. Điều tra toàn bộ áp dụng đối với toàn bộ doanh nghiệp nhằm thu thập thông tin cơ bản về thông tin định danh, ngành nghề sản xuất kinh doanh, lao động, kết quả sản xuất kinh doanh. Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra nhằm mục đích mở rộng nội dung điều tra, phục vụ tính các chỉ tiêu chuyên ngành, giúp nâng cao chất lượng điều tra nhất là đối với các câu hỏi phức tạp, chuyên sâu.

Thời điểm điều tra được tiến hành vào ngày 15/4/2022. Các chỉ tiêu thu thập theo thời điểm

điều tra được quy định cụ thể trong từng phiếu điều tra.

Thời kỳ thu thập thông tin đối với các chỉ tiêu của cuộc điều tra là số liệu năm 2021. Các chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ như: Kết quả sản xuất kinh doanh, vốn đầu tư thực hiện, sản lượng sản phẩm sản xuất và một số chỉ tiêu khác.

Thời gian điều tra được tiến hành từ ngày 15/4/2022 đến hết ngày 30/5/2022.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 sử dụng phương pháp điều tra gián tiếp thông qua hình thức thu thập thông tin trực tuyến.

Các đơn vị điều tra thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê (Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê - Cục TTDL).

Dự kiến, quý I/2023 công bố kết quả chính thức kết quả điều tra và biên soạn Sách Trắng doanh nghiệp và Sách Trắng hợp tác xã./.

Nguồn: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê - TCTK



TRONG ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2022

Điều tra doanh nghiệp là một trong các cuộc điều tra thống kê quốc gia được thực hiện hàng năm nhằm thu thập các thông tin phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển doanh nghiệp. Kết quả của điều tra này còn được sử dụng để tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 được thực hiện theo Quyết định 966/QĐ-TCTK của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc tổ chức Điều tra doanh nghiệp nănghiệp. Đây là cuộc điều tra chọn mẫu kết hợp với việc lập danh sách toàn bộ doanh nghiệp với một số thông tin chung của doanh nghiệp, quy mô mẫu của cuộc điều tra là 12% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh. Đơn vị điều tra là các doanh nghiệp được thành lập và chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thuộc các ngành kinh tế (trừ ngành hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, đảm bảo xã hội bắt buộc). Thời gian

thu thập thông tin tại các doanh nghiệp từ ngày 15/4/2022 đến ngày 20/5/2022, thời kỳ số liệu của cuộc điều tra là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2021.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 được thực hiện trong bối cảnh Tổng điều tra kinh tế năm 2021 đã được hoàn thành, toàn bộ doanh nghiệp được điều tra để thu thập thông tin giúp cho việc tổng hợp thông tin và lập dàn chọn mẫu cho Điều tra doanh nghiệp năm 2022. Bên cạnh đó, dữ liệu về báo cáo tài chính được sử dụng để cập nhật thông tin phục vụ cho công tác chọn mẫu doanh nghiệp để thu thập thông tin của cuộc điều tra. Để nâng cao chất lượng thông tin điều tra, đáp ứng nhanh nhu cầu thông tin và nâng cao hiệu quả chi phí của cuộc điều tra, Điều tra doanh nghiệp năm 2022 có một số điểm đổi mới như sau:

(1) Cải tiến về nội dung và cách tiếp cận thu thập thông tin điều tra

Song song với việc thu thập thông tin hàng năm phục vụ đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để so sánh theo thời gian, Điều tra

doanh nghiệp năm 2022 thu thập bổ sung một số thông tin phục vụ biên soạn các chỉ tiêu liên quan đến tài khoản quốc gia, kinh tế số, thương mại điện tử, sản xuất sản phẩm số. Các thông tin này giúp bổ sung nguồn thông tin còn thiếu phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Cụ thể, Điều tra doanh nghiệp năm 2022 bổ sung các câu hỏi phản ánh về tình hình bán hàng qua thương mại điện tử qua Website, ứng dụng trên điện thoại, sàn giao dịch điện tử, mạng xã hội, ... Điều tra bổ sung thông tin thu thập về hoạt động sản xuất các sản phẩm ở định dạng kỹ thuật số; thông tin về tài sản cố định của doanh nghiệp và một số thông tin cơ bản của doanh nghiệp hoạt động vì mục đích giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng nhằm phục vụ biên soạn các chỉ tiêu kinh tế phân tử theo khu vực thể chế.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 hỏi thông tin về sản phẩm sản xuất của doanh nghiệp tương tự như Tổng điều tra kinh tế năm 2021 thay cho việc tiếp cận theo ngành kinh tế như đã thực hiện từ năm 2020 trở về trước. Việc thu thập thông tin liên quan đến sản phẩm sản xuất của doanh nghiệp

để xác định ngành sản phẩm và ngành kinh tế sẽ giúp cho doanh nghiệp dễ trả lời hơn và sát với thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặc dù, với một số cải tiến trong Điều tra doanh nghiệp năm 2022 như đã nêu trên nhưng kết quả của cuộc điều tra này không tổng hợp chỉ tiêu đến cấp huyện, do vậy quy trình thu thập thông tin không thực hiện đối với địa điểm sản xuất kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp mà chỉ tiến hành thu thập thông tin đến các chi nhánh trực thuộc doanh nghiệp.

(2) Sử dụng kết hợp dữ liệu hành chính với dữ liệu điều tra

Sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê là xu thế tất yếu và được ngành Thống kê đặc biệt quan tâm giúp bổ sung hoặc thay thế các thông tin thu thập từ các cuộc điều tra thống kê.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 sử dụng triệt để các dữ liệu hành chính, đặc biệt cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) nhằm giảm thiểu các thông tin yêu cầu thu thập trong điều tra doanh nghiệp năm 2022. Cụ thể: Loại bỏ một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD), tài sản nguồn vốn do thu được từ dữ liệu hành chính chỉ tiến hành thu thập các thông tin không có trong dữ liệu báo cáo tài chính. Cụ thể:

- Tổng cục Thống kê đã sửa dụng dữ liệu về đăng ký Thuế do Tổng cục Thuế cung cấp và kết hợp với dữ liệu Tổng điều tra kinh tế năm 2021 để làm dần mẫu tiến hành chọn mẫu cho điều tra doanh nghiệp năm 2022.

- Thông tin từ tờ khai Thuế hàng tháng, hàng quý được cập nhật vào dần chọn mẫu để tiến hành chọn mẫu đảm bảo độ chính xác cao hơn trong việc lựa chọn mẫu điều tra so với các năm trước đây.

- Sử dụng triệt để dữ liệu từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp do Tổng cục Thuế cung cấp để giảm tải các thông tin cần thu thập trong phiếu điều tra. Toàn bộ các thông tin đã có trong báo cáo tài chính sẽ không được tiến hành thu thập trong phiếu điều tra doanh nghiệp năm 2022.

(3) Ứng dụng công nghệ thông tin

Sau thành công về ứng dụng công nghệ thông tin trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và Tổng điều tra kinh tế năm 2021, đồng thời với quyết tâm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cuộc điều tra thống kê, Điều tra doanh nghiệp năm 2022 tiếp tục ứng dụng triệt để công nghệ thông tin vào tất cả các công đoạn của cuộc điều tra: Từ công tác chuẩn bị, thu thập thông tin, xử lý và công bố kết quả điều tra. Theo đó, trong khâu thu thập thông tin doanh nghiệp sẽ trực tiếp đăng nhập vào hệ thống qua trang web thongkedoanhnghiep@gso.gov.vn để kê khai thông tin. Điều tra viên sẽ hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin đăng nhập, nghiệp vụ và hướng dẫn cách điền thông tin.

Tuy nhiên, với phương pháp thu thập thông tin trực tuyến, ý thức tự giác chấp hành pháp luật, cung cấp thông tin điều tra thống kê của từng doanh nghiệp cần được phát huy. Thực tế, đa phần các doanh nghiệp nghiêm chỉnh chấp hành Luật Thống kê, thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu. Tuy nhiên, vẫn còn không ít doanh nghiệp cố tình trốn tránh, chây ỳ không cung cấp thông tin hoặc cung cấp chiếu lệ, không đầy đủ, không chính xác, không kịp thời,...

Việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp nâng cao chất lượng

số liệu, nắm bắt thông tin về tiến độ điều tra thực tế và kiểm soát chất lượng điều tra kịp thời, tăng cường tính minh bạch và chặt chẽ trong các quy trình sản xuất thông tin thống kê. Từ đó việc xử lý, tổng hợp có thể rút ngắn được thời gian giúp cho việc công bố kết quả điều tra được sớm hơn. Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra doanh nghiệp năm 2022 được áp dụng cụ thể:

- Xây dựng hệ thống thu thập thông tin trực tuyến đảm bảo cho các doanh nghiệp đăng nhập vào hệ thống cung cấp thông tin một cách thuận lợi.

- Ứng dụng các cảnh báo logic, các bước nhảy và hướng dẫn người cung cấp thông tin điền thông tin theo đúng nội dung và số liệu cần thu thập.

- Xây dựng hệ thống tích hợp dữ liệu điều tra với dữ liệu báo cáo tài chính do ngành Thuế cung cấp để có được bộ dữ liệu đầy đủ phục vụ tổng hợp các chỉ tiêu thống kê.

- Toàn bộ công tác kiểm tra, xử lý làm sạch được thực hiện trên hệ thống chung của điều tra doanh nghiệp, tất cả dữ liệu được lưu trữ tập trung và xử lý đồng bộ trên cùng một nền tảng và cùng một ứng dụng.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 là một cuộc điều tra quy mô lớn, thời gian thực hiện không dài với nhiều nội dung chuyên sâu để giúp tổng hợp bức tranh chung về tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên cả nước. Do vậy, sự tham gia và đồng hành của các doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác theo tình hình thực tế tại doanh nghiệp là rất quan trọng, góp phần vào thành công của cuộc điều tra.

Nguồn: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê - TCTK

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

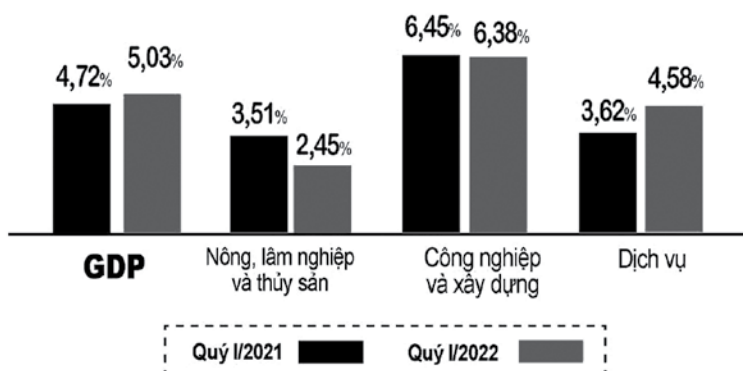
QUÝ I NĂM 2022

BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Kinh tế - xã hội nước ta 3 tháng đầu năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn duy trì đà hồi phục, các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu bắt đầu được khơi thông. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và U-crai-na đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc ảnh hưởng nặng nề đến tăng trưởng toàn cầu. Giá các loại hàng hóa trên thị trường thế giới tăng cao, đặc biệt là giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng mạnh nhất kể từ năm 2011, tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu.

Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không lỡ nhịp với đà phục hồi của kinh tế thế giới, đồng thời đạt được mục tiêu của Nghị quyết Đại hội XIII, ngày 30/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình. Các Bộ, ngành, địa phương đã tập trung xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện đồng bộ các giải pháp. Cùng với đó, sự ủng hộ của nhân dân cả nước và niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã phát huy tác dụng, hiệu quả, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Tốc độ tăng GDP quý I so với cùng kỳ năm trước



I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I năm 2022 ước tính tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,72% của quý I năm 2021 và 3,66% của quý I năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,85% của quý I năm 2019. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,45%, đóng góp 5,76% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,38%, đóng góp 51,08%; khu vực dịch vụ tăng 4,58%, đóng góp 43,16%.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 7,79% so với cùng kỳ năm trước. Đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường như sau: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,75%; ngành vận tải, kho bãi tăng 7,06%; ngành bán buôn và bán lẻ tăng 2,98%; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 1,79%.

Về cơ cấu nền kinh tế quý I năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,94%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,97%; khu vực dịch vụ chiếm 41,70%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,39% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2021 là 11,61%; 36,61%; 42,38%; 9,40%).

Về sử dụng GDP quý I năm 2022, tiêu dùng cuối cùng tăng 4,28% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 3,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 5,08%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,20%.

2. Sản xuất nông nghiệp quý I năm 2022 tuy diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi cho lúa đông xuân sinh trưởng và phát triển nhưng do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và tiêu thụ nông sản.

a) Nông nghiệp

Tính đến trung tuần tháng Ba, cả nước gieo trồng được 2.959,7 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 99,5%

cùng kỳ năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc đạt 1.048,8 nghìn ha, bằng 99,1%; các địa phương phía Nam đạt 1.910,9 nghìn ha, bằng 99,6%, riêng vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.507 nghìn ha, bằng 99,2%. Đến nay, vùng đồng bằng sông Cửu Long đã cho thu hoạch 52,1% diện tích gieo cấy và bằng 114,8% cùng kỳ năm trước, năng suất ước tính đạt 71,8 tạ/ha, giảm 0,5 tạ/ha so với năm trước; sản lượng ước tính đạt 10,8 triệu tấn, giảm 165,2 nghìn tấn.

Trong quý I năm 2022, sản lượng thu hoạch một số cây công nghiệp lâu năm như sau: Chè búp đạt 171,3 nghìn tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước; hồ tiêu đạt 166,1 nghìn tấn, tăng 3,8%; cao su đạt 127 nghìn tấn, tăng 2,4%;... Hầu hết sản lượng cây ăn quả tăng so với cùng kỳ năm trước: Chuối đạt 654,3 nghìn tấn, tăng 3,3%; cam đạt 263 nghìn tấn, tăng 2,1%; dứa đạt 211,2 nghìn tấn, tăng 3,4%; xoài đạt 180,9 nghìn tấn, tăng 2,4%; bưởi đạt 158,2 nghìn tấn, tăng 3,2%; riêng sản lượng thanh long đạt 349,7 nghìn tấn, giảm 3,2% do gặp khó khăn trong xuất khẩu.

Chăn nuôi trâu, bò trong quý bị ảnh hưởng bởi rét đậm, rét hại xảy ra trong tháng Hai. Chăn nuôi lợn và gia cầm đang hồi phục do các doanh nghiệp, trang trại, hộ chăn nuôi chủ động được nguồn giống, liên kết tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Sản lượng thịt lợn trong quý I đạt 1041,1 nghìn tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2021; thịt gia cầm đạt 507,3 nghìn tấn, tăng 5,3%; sữa đạt 304,4 nghìn tấn, tăng 10,5%...

b) Lâm nghiệp

Ước tính quý I năm 2022, diện tích rừng trồng mới tập trung của cả nước đạt 35,4 nghìn ha, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước;

số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 27 triệu cây, tăng 8,2%; sản lượng gỗ khai thác đạt hơn 3,1 triệu m³, tăng 3,6%; sản lượng củi khai thác đạt 4,7 triệu ste, tăng 0,9%. Diện tích rừng bị thiệt hại là 216,5 ha, giảm 40,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Diện tích rừng bị cháy là 7,8 ha, giảm 93,2%; diện tích rừng bị chặt phá là 208,7 ha, giảm 15,9%.

c) Thủy sản

Tính chung quý I năm 2022, sản lượng thủy sản ước tính đạt 1.863,6 nghìn tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.385,2 nghìn tấn, tăng 1,7%; tôm đạt 180,5 nghìn tấn, tăng 5,7%; thủy sản khác đạt 297,9 nghìn tấn, tăng 1,2%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng quý I năm 2022 ước tính đạt 988 nghìn tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung quý I năm 2022, sản lượng cá tra đạt 342,6 nghìn tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 47 nghìn tấn, giảm 0,8%; sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 89,1 nghìn tấn, tăng 12,9%.

Sản lượng thủy sản khai thác quý I năm 2022 ước tính đạt 875,6 nghìn tấn, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước (sản lượng thủy sản khai thác biển ước đạt 835,3 nghìn tấn, giảm 1,3%).

3. Sản xuất công nghiệp trong quý I năm 2022 tiếp tục khởi sắc với giá trị tăng thêm toàn ngành tăng 7,07% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,79%; sản xuất và phân phối điện tăng trưởng ổn định ở mức 7,42%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,54%; ngành khai khoáng tăng 1,23% do sản lượng khai thác than tăng 3,2%; khai thác quặng kim loại tăng 5%.

Tính chung quý I năm 2022, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2021. Chỉ số tồn kho ước tính tại thời điểm 31/3/2022 tăng 4,8% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 17,7% so với cùng thời điểm năm trước. Tỷ lệ tồn kho bình quân quý I năm 2022 là 79,9% (bình quân quý I năm 2021 là 75,1%).

4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp quý I năm 2022 có nhiều khởi sắc, số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước; tổng vốn đăng ký vào nền kinh tế tăng 21%, trong đó vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động tăng 34,5%. Bên cạnh đó, kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy doanh nghiệp lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý II năm 2022 với 82,3% doanh nghiệp đánh giá sẽ ổn định và tốt hơn so với quý I năm 2022.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, cả nước có gần 34,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 471,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 243,5 nghìn lao động, tăng 18,1% về số doanh nghiệp, tăng 5,2% về vốn đăng ký và giảm 0,9% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 13,6 tỷ đồng, giảm 10,9% so với cùng kỳ năm 2021. Nếu tính cả 706,7 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 11,8 nghìn doanh nghiệp tăng vốn, tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 3 tháng đầu năm 2022 là 1.177,9 nghìn tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 25,6 nghìn doanh nghiệp quay

trở lại hoạt động (tăng 73,6% so với cùng kỳ năm 2021), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 3 tháng đầu năm 2022 lên 60,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 20 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Cũng trong 3 tháng đầu năm 2022, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn 35,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 49,7% so với cùng kỳ năm trước; 11,3 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 0,1%; hơn 4,3 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 16,7%. Bình quân một tháng có 17,1 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

5. Hoạt động thương mại và dịch vụ khá sôi động, số lượt khách quốc tế đến Việt Nam tăng mạnh do nước ta đã mở cửa du lịch và nhiều đường bay quốc tế được khôi phục trở lại;...

Tính chung quý I năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1.318 nghìn tỷ đồng, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 1,6%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Nghìn tỷ đồng

	Ước tính tháng 3 năm 2022	Ước tính quý I năm 2022	Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
			Tháng 3 năm 2022	Quý I năm 2022
Tổng số	438,0	1.318,0	9,4	4,4
Bán lẻ hàng hóa	352,0	1.062,2	10,7	5,8
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	41,5	124,4	5,9	1,2
Du lịch lữ hành	1,1	3,1	29,9	1,9
Dịch vụ khác	43,4	128,3	3,2	-2,5

Vận tải hành khách quý I năm 2022 đạt 740,8 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 23,6% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 34,8 tỷ lượt khách.km, giảm 15,8%. Vận tải hàng hóa quý I đạt 501,8 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 94,3 tỷ tấn.km, tăng 8,8%.

Khách quốc tế đến Việt Nam, tính chung quý I năm 2022, khách quốc tế đến nước ta ước đạt gần 91 nghìn lượt người, tăng 89,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách đến bằng đường hàng không đạt 82,3 nghìn lượt người, chiếm gần 90,5% lượng khách quốc tế đến Việt Nam, tăng 165,2%; bằng đường bộ đạt 8,6 nghìn lượt người, giảm 49,1%; bằng đường biển đạt 36 lượt người và giảm 72,1%.

6. Quý I năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục giữ nguyên mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng trưởng ổn định; thị trường chứng khoán có nhiều triển vọng.

Tính đến thời điểm 21/3/2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 2,49% so với cuối năm 2021; huy động vốn của các tổ chức tín dụng

tăng 2,15%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 4,03%.

Doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm quý I năm 2022 ước tính tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 15%, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 9%.

Trên thị trường cổ phiếu, tính đến ngày 25/3/2022, chỉ số VNIndex đạt 1.498,5 điểm, tăng 0,5% so với thời điểm ngày 31/12/2021. Đến ngày 14/3/2022 mức vốn hóa thị trường đạt 7.628,6 nghìn tỷ đồng, tăng 28% so với cùng thời điểm năm 2021. Tính từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch đạt 31.409 tỷ đồng/phiên, tăng 18,1% so với bình quân năm trước.

Trên thị trường trái phiếu, tính chung quý I năm 2022 giá trị giao dịch bình quân đạt 13.149 tỷ đồng/phiên, tăng 15,3% so với bình quân năm 2021.

Trên thị trường chứng khoán phái sinh, tính từ đầu năm đến nay, khối lượng giao dịch bình quân của sản phẩm hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 đạt 139.076 hợp đồng/phiên, giảm 26% so với bình quân năm trước; giá trị giao dịch bình quân sản phẩm chứng quyền có bảo đảm đạt 38,42 tỷ đồng/phiên, giảm 46%.

7. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong quý I năm 2022 tăng trưởng tích cực. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 562,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước ước đạt 136,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,3% tổng vốn đầu tư và tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 323,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 57,5%, tăng 9,1%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 102,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,2% và tăng 7,9%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/3/2022 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 8,91 tỷ USD, giảm 12,1% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 3 tháng đầu năm 2022 có 24 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 180,2 triệu USD, tăng 28,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 211,5 triệu USD, giảm 63% so với cùng kỳ năm trước.

8. Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2022 đạt 359,9 nghìn tỷ đồng, bằng 25,5% dự toán năm, trong đó: Thu nội địa đạt gần 289 nghìn tỷ đồng, bằng 24,6%; thu từ dầu thô đạt 10,7 nghìn tỷ đồng, bằng 37,8%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 60,3 nghìn tỷ đồng, bằng 30,3%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2022 đạt 278,8 nghìn tỷ đồng, bằng 15,6% dự toán năm, trong đó: Chi thường xuyên đạt 205 nghìn tỷ đồng, bằng 18,4%; chi đầu tư phát triển 47,4 nghìn tỷ đồng, bằng 9%; chi trả nợ lãi 26,2 nghìn tỷ đồng, bằng 25,3%.

9. Trong quý I/2022, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa hồi phục mạnh mẽ, tính chung quý I năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 176,35 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

a) Xuất nhập khẩu hàng hóa

Tính chung quý I năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 88,58 tỷ USD, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước

đạt 23,27 tỷ USD, tăng 22%, chiếm 26,3% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 65,31 tỷ USD, tăng 10%, chiếm 73,7%. Trong quý I năm 2022 có 15 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 80% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 5 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 58%).

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 87,77 tỷ USD, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 29,43 tỷ USD, tăng 13,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 58,34 tỷ USD, tăng 17,1%. Trong quý I năm 2022 có 16 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 76,1% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Tính chung quý I năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 809 triệu USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 2,76 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 6,16 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 6,97 tỷ USD.

b) Xuất, nhập khẩu dịch vụ

Trong quý I/2022, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 1,05 tỷ USD, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ du lịch đạt 77 triệu USD (chiếm 7,3% tổng kim ngạch), tăng 75%; dịch vụ vận tải đạt 140 triệu USD (chiếm 13,4%), tăng 97,2%.

Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ quý I năm nay ước đạt 5,18 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 2,6 tỷ USD (chiếm 49,4% tổng kim ngạch), tăng 11,3%; dịch vụ du lịch đạt 1,1 tỷ USD (chiếm 20,3%), tăng 16,7%.

Nhập siêu dịch vụ quý I năm 2022 là 4,13 tỷ USD (trong đó phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu là 2,1 tỷ USD).

II. TÌNH HÌNH XÃ HỘI

1. Chính sách thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 giúp cho thị trường lao động quý I năm 2022 có nhiều tín hiệu khởi sắc. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước quý I năm 2022 ước tính là 51,2 triệu người, tăng 441,1 nghìn người so với quý trước và tăng 158,9 nghìn người so với cùng kỳ năm 2021; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đạt 68,1%, tăng 0,4 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; lao động 15 tuổi trở lên có việc làm ước tính là 50 triệu người, tăng 132,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của cả nước quý I năm 2022 ước tính là 2,46%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 2,88%; khu vực nông thôn là 2,19%.

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động của cả nước quý I năm 2022 ước tính là 3,01%, trong đó tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 2,39%; khu vực nông thôn là 3,40%.

2. Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội được chính quyền các cấp quan tâm thực hiện:

Trong quý I, có hơn 25,5 triệu thẻ BHYT/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng chính sách trên địa bàn cả nước. Ngoài ra, để đảm bảo người dân không bị ảnh hưởng do thiếu đói giáp hạt, ngày 15/3/2022 Chính phủ ra Quyết định số 340/QĐ-TTg cấp xuất 1.006,6 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho tỉnh Sơn La và Điện Biên.

Tính đến ngày 28/02/2022, cả nước có 5.650/8.233 xã (68,6%) đạt chuẩn nông thôn mới; có 561 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 221/664 đơn vị cấp huyện

thuộc 54 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới; có 14 tỉnh đạt 100% số xã chuẩn nông thôn mới.

3. Trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, ngành Giáo dục đã triển khai nhiều giải pháp nhằm hướng dẫn địa phương tổ chức dạy học linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế với phương châm “Tạm dừng đến trường nhưng không dừng học”. Đến nay, nhiều địa phương đủ điều kiện phòng chống dịch đã đón học sinh trở lại trường học tập trực tiếp và đã tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

4. Dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp. Việt Nam hiện là một trong 6 quốc gia có tỷ lệ bao phủ vắc xin phòng Covid-19 cao nhất trên thế giới.

Tính đến ngày 25/3/2022, tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã được tiêm là 204.566 nghìn liều, trong đó tiêm mũi 1 là 79.974,2 nghìn liều; tiêm mũi 2 là 76.301 nghìn liều; tiêm mũi 3 (tiêm bổ sung, tiêm nhắc và mũi 3 liều cơ bản) là 48.290,8 nghìn liều.

Khái quát lại, trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, song nền kinh tế đạt mức tăng trưởng 5,03%, đây là mức tăng trưởng khá so với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp... là do sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước;...

Tuy nhiên, bước sang quý II, kinh tế - xã hội nước ta còn phải

đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi tình hình chính trị thế giới phức tạp, khó lường, kinh tế thế giới phục hồi chậm lại, giá hàng hóa thiết yếu tăng cao, nguy cơ lạm phát cao trên toàn cầu. Dịch Covid-19 tuy đã cơ bản được khống chế ở Việt Nam nhưng còn diễn biến phức tạp trên thế giới. Do đó, để kinh tế Việt Nam đạt mục tiêu tăng trưởng 6,5% là thách thức lớn, cần sự chung sức, đồng lòng của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân. Các ngành, các cấp tăng cường dự báo, chủ động điều hành linh hoạt, phù hợp với tình hình mới, kịp thời ứng phó với các tình huống phát sinh, tập trung triển khai hiệu quả đồng bộ các chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội. Đồng thời, tập trung một số nội dung trọng tâm sau đây:

Một là, tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”; triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ trong Nghị quyết số 11/NQ-CP về chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế năm 2022-2023; đặc biệt bảo đảm giải ngân hết 100% số vốn đầu tư công được giao tạo động lực thúc đẩy kinh tế.

Hai là, kiên trì giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát giá cả, thị trường, bảo đảm nguồn cung, lưu thông hàng hóa và các cân đối lớn của nền kinh tế. Liên tục cập nhật các kịch bản dự báo về tăng trưởng, lạm phát để chủ động điều hành ứng phó với các tình huống phát sinh. Theo dõi chặt chẽ diễn biến giá các mặt hàng thiết yếu nhất là mặt hàng xăng dầu, xây dựng các phương án điều tiết nguồn cung, hạn chế việc tăng giá đột biến

nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến lạm phát và đời sống người dân.

Ba là, thúc đẩy sản xuất trong nước tiến tới tự chủ về nguồn cung nguyên nhiên vật liệu trong nước. Đồng thời đẩy nhanh các dự án về điện đảm bảo đáp ứng nhu cầu khi sản xuất tăng cũng như nhu cầu của người dân nhất là trong những tháng hè sắp tới.

Bốn là, đẩy mạnh thị trường nội địa, thúc đẩy xuất khẩu bền vững, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Xây dựng chuỗi giá trị ngành hàng từng loại nông sản, gắn với phát triển hạ tầng logistics nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo chuỗi cung ứng thị trường trong nước.

Năm là, khẩn trương khôi phục thị trường du lịch, tạo thuận lợi cho lưu chuyển hành khách quốc tế, trong nước, hỗ trợ phù hợp các doanh nghiệp du lịch gắn với an toàn dịch bệnh đón mùa du lịch sắp tới.

Sáu là, đẩy mạnh cải cách hành chính, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, vướng mắc cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh. Tích cực và đẩy nhanh hơn việc hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp Việt Nam trong mọi lĩnh vực, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số thiết thực, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi tối đa các doanh nghiệp.

Bảy là, theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, chủ động phương án phòng chống thiên tai, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại tới sản xuất và cuộc sống của người dân. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm. Thực hiện tốt công tác trợ giúp đột xuất, bảo đảm người dân khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời. Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ./

Nguồn Tổng cục Thống kê

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT QUÝ I NĂM 2022, SỨC ÉP CÁC THÁNG CÒN LẠI CỦA NĂM VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Trung Tiến

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

Công tác quản lý, điều hành giá của Chính phủ quý I năm 2022 đạt kết quả tốt, lạm phát được kiểm soát, tránh được bão giá góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển sản xuất kinh doanh của nền kinh tế

Quý I/2022, kinh tế thế giới phục hồi, nhu cầu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất tăng cao trong khi nguồn cung bị đứt gãy khiến giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế có xu hướng tăng mạnh. Áp lực lạm phát tăng cao tại nhiều nước, gồm cả những nền kinh tế lớn và là đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước châu Âu. Lạm phát của Mỹ tháng 02/2022 tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước, cao nhất kể từ tháng 01/1982, lạm phát tại Anh lên mức cao nhất trong 30 năm qua (tháng Hai tăng 6,2%). Lạm phát tháng 2/2022 của các nước khác thuộc khu vực châu Âu cũng tăng cao như: Pháp tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước, Đức tăng 5,1%, Tây Ban Nha tăng 7,6%, I-ta-li-a tăng 5,7%... Ở châu Á, Nhật Bản tháng thứ 6 liên tiếp có lạm phát tăng (tháng Một tăng 0,5%, tháng Hai tăng 0,9%), Hàn Quốc tháng 2 tăng 3,7%. Các nước thuộc khu vực ASEAN đều có mức lạm phát tháng Hai cao hơn Việt Nam như In-đô-nê-xi-a tăng 2,1%, Ma-lai-xi-a tăng 2,2%, Phi-li-pin tăng 3,0%, Xin-ga-po tăng 4,3%, Thái Lan tăng 5,3%... Thêm vào đó,

xung đột giữa Nga và Ucraina cùng với các biện pháp trừng phạt kinh tế của Mỹ và các nước đối với Nga, nước xuất khẩu khí đốt tự nhiên lớn nhất và xuất khẩu dầu mỏ lớn thứ hai trên thế giới đã đẩy giá năng lượng toàn cầu lên cao, đặc biệt giảm mạnh nguồn cung cho các nước châu Âu vốn phụ thuộc đáng kể vào việc nhập khẩu năng lượng từ Nga. Nga cũng là nước xuất khẩu phân bón và lúa mì quan trọng, tình trạng thiếu hụt hai mặt hàng này làm tăng giá lương thực toàn cầu và gây áp lực lạm phát thêm trầm trọng.

Trong nước, kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng trong điều kiện bình thường mới với tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I năm 2022 ước tính tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước. Nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cùng với tác động của giá hàng hóa thế giới đã đẩy giá một số hàng hóa tăng lên nhưng nhìn chung mặt bằng giá vẫn cơ bản được kiểm soát tốt. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) quý I/2022 tăng 1,92% so với cùng kỳ năm trước, tuy cao hơn mức tăng 0,29% của quý I/2021 nhưng thấp hơn mức tăng của quý I các năm 2017-2020. Lạm phát của Việt Nam trong quý I năm nay không tăng cao như nhiều quốc gia khác trên thế giới chủ yếu do một số nguyên nhân:

- Danh mục hàng hóa và dịch vụ đại diện tính CPI của các quốc gia khác nhau do phụ thuộc vào

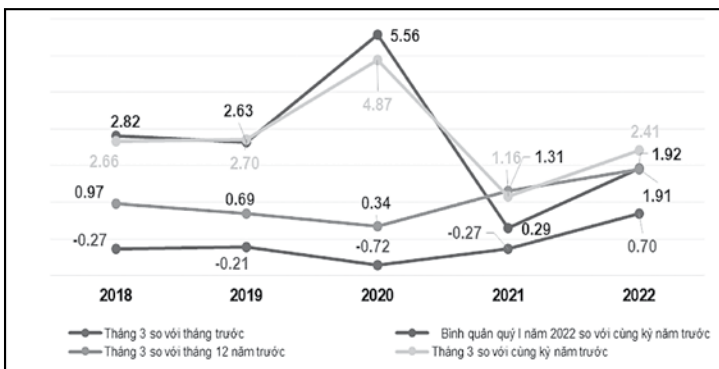
tập quán tiêu dùng, đồng thời cơ cấu chi tiêu dùng của hộ gia đình cũng không đồng nhất. Mỹ và châu Âu chi tiêu dùng cho các nhóm nhà ở, điện, nước, khí đốt, giao thông, văn hóa, giải trí chiếm tỷ trọng lớn trong khi Việt Nam chủ yếu chi tiêu dùng cho lương thực, thực phẩm (chiếm tỷ trọng 27,68%). Cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina đã khiến giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng nhanh hơn trong thời gian vừa qua. Mỹ và các nước phương Tây có tỷ trọng chi tiêu dùng các nhóm hàng này lớn nên tỷ lệ lạm phát cao hơn Việt Nam.

- Việt Nam là quốc gia có nguồn cung ứng các mặt hàng lương thực, thực phẩm dồi dào, bên cạnh việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân còn xuất khẩu ra thế giới nên giá cả khá ổn định. Nhóm thực phẩm quý I/2022 giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI giảm 0,26 điểm phần trăm. Trong đó, giá thịt lợn giảm 21,55%; mỡ ăn giảm 22,6% và giá thịt chế biến giảm 4,63%. Giá thịt lợn giảm sâu chủ yếu do Việt Nam đã sản xuất được vaccine dịch tả lợn châu Phi nên chủ động trong phòng ngừa dịch khiến nguồn cung đảm bảo, trong khi giá thức ăn chăn nuôi đang tăng cao làm cho các hộ chăn nuôi phải bán sớm cắt lỗ. Bên cạnh đó, giá dịch vụ giáo dục giảm 4,24% do một số địa phương miễn giảm học phí từ học kỳ I năm học 2021-2022 làm CPI

giảm 0,23 điểm phần trăm. Nhiều hộ gia đình trong quý I đã giảm giá hỗ trợ người thuê nhà trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp khiến giá thuê nhà ở giảm 15,14%.

- Để chủ động ứng phó với những thách thức trước áp lực lạm phát gia tăng, trong thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp bình ổn giá, hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Các chính sách, giải pháp tài chính tiền tệ được ban hành kịp thời đã giảm áp lực đáng kể lên mặt bằng giá như: Ổn định lãi suất cho vay ở mức thấp; giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ từ 10% xuống còn 8% từ ngày 01/02/2022; giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01 đến hết 31/12/2022; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí trong 6 tháng đầu năm 2022. Đồng thời, công tác điều hành giá xăng dầu theo sát diễn biến giá thế giới, nguồn cung xăng dầu được chỉ đạo khắc phục kịp thời. Các địa phương tăng cường quản lý giá trên địa bàn, nhiều doanh nghiệp tích cực tham gia chương trình bình ổn giá.

Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 3 và quý I các năm giai đoạn 2018-2022 (%)



Sức ép lạm phát tăng cao, các giải pháp kiểm chế

Mặt bằng giá trong nước quý I/2022 vẫn cơ bản được kiểm soát tốt nhưng áp lực lạm phát trong những tháng còn lại của năm là rất lớn. Kinh tế thế giới đang trong giai đoạn phục hồi khi dịch Covid-19 được kiểm soát khiến tổng cầu tăng nhanh. Ở trong nước, với đà tăng trưởng của quý I, cùng với tác động của gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng, trong đó tập trung cho đầu tư hạ tầng, kinh tế Việt Nam có khả năng sẽ phục hồi mạnh hơn trong các quý tiếp theo. Các hoạt động du lịch, dịch vụ vui chơi, giải trí, ăn uống ngoài gia đình sẽ khôi phục trở lại, khi đó nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng đẩy giá cả lên cao vào các tháng tiếp theo, tạo áp lực cho lạm phát.

Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn gần 200% nhưng nguồn nguyên, nhiên vật liệu sản xuất hàng hóa sử dụng trong nước và xuất khẩu phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu

nên rủi ro nhập khẩu lạm phát không thể tránh khỏi¹. Hiện nay, giá hàng hóa trên thế giới đang tăng mạnh, đặc biệt thị trường cung cấp nguyên vật liệu chính cho Việt Nam là Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách Zero Covid, hạn chế xuất nhập khẩu đường bộ, các doanh nghiệp phải tìm cách chuyển sang nhập khẩu bằng đường biển, đường hàng không, dẫn đến tăng thời gian vận chuyển và chi phí rất lớn. Việc nhập khẩu nguyên liệu với mức giá cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước lên cao. Thêm vào đó, chiến sự Nga - Ucraina đang làm tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng trở nên trầm trọng hơn. Đặc biệt, giá xăng dầu đang tạo áp lực rất lớn đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp và tiêu dùng của người dân. Trong quý I, giá xăng dầu trong nước tăng 48,81% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm tăng 1,76 điểm phần trăm trong mức lạm phát chung của toàn nền kinh tế là 1,92%². Bên cạnh đó, mặc dù là quốc gia có nguồn lương thực, thực phẩm dồi dào nhưng Việt Nam không tránh khỏi những ảnh hưởng từ giá thế giới khi nguồn cung phân bón và ngũ cốc dùng làm thức ăn chăn nuôi của các nước hiện nay đang sụt giảm mạnh làm cho chi phí sản xuất khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng cao³. Giá các dịch vụ liên quan đến du lịch, vui chơi giải trí, giáo dục, y tế... sẽ tăng do mở cửa nền kinh tế. Giá điện, nước nhiều khả năng tăng vào các tháng tiếp theo để đáp ứng nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp và tiêu dùng

1. Tỷ giá thương mại hàng hóa (Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa so với chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa) quý I/2022 giảm 3,13% so với cùng kỳ năm trước do chỉ số giá xuất khẩu có mức tăng thấp hơn mức tăng của chỉ số giá nhập khẩu, phản ánh Việt Nam đang ở vị trí không thuận lợi khi giá hàng nhập khẩu có lợi thế hơn so với giá hàng xuất khẩu.

2. Giá xăng dầu thế giới phụ thuộc rất nhiều vào cuộc chiến tranh Nga-Ucraina, việc giải quyết xung đột dự báo sẽ còn trong thời gian dài nên năm 2022 xăng dầu là nguyên nhân chính làm tăng chỉ số giá tiêu dùng.

3. Do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao nên các hộ chăn nuôi lợn bán sớm để tránh lỗ làm giá thịt lợn quý I giảm sâu 21,55%. Tình trạng "càng nuôi càng lỗ" khiến người dân hạn chế tái đàn, dự báo nguồn cung thịt lợn những tháng tiếp theo sẽ thiếu dần. Bên cạnh đó, diện tích gieo trồng lúa và màu lương thực quý I/2022 giảm so cùng kỳ năm trước cũng sẽ tác động vào nguồn cung lương thực trong thời gian tới.

của người dân⁴. Do vậy, giá đầu vào của các ngành, lĩnh vực tăng cao gây áp lực lạm phát chi phí đẩy cho nền kinh tế.

Để bảo đảm kiểm soát tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2022 ở mức khoảng 4% theo mục tiêu Quốc hội đề ra, công tác quản lý, điều hành giá trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện một cách thận trọng, chủ động và linh hoạt, tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

- Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả, lạm phát trên thế giới, kịp thời cảnh báo các nguy cơ ảnh hưởng đến giá cả, lạm phát của Việt Nam. Đặc biệt, cần đánh giá, nhận định các mặt hàng, nguyên vật liệu nào có khả năng thiếu hụt tạm thời hay trong dài hạn để từ đó đưa ra được chính sách phù hợp. Kiểm soát giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, tăng cường sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước dần thay thế nguồn nhập khẩu. Việc điều chỉnh giá các mặt hàng do nhà nước quản lý cần đúng thời điểm, đặc biệt trong thời điểm áp lực lạm phát đang cao như hiện nay thì không nên điều chỉnh giá dịch vụ y tế hay dịch vụ giáo dục theo lộ trình.

- Đối với mặt hàng xăng dầu, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính cần theo dõi sát diễn biến giá xăng dầu thế giới, đảm bảo nguồn cung xăng dầu cho hoạt động sản xuất và tiêu dùng ở trong nước, giảm bớt sự lệ thuộc và tác động tiêu cực của giá xăng dầu thế giới tăng cao đến sự ổn định và phát triển kinh tế. Xu hướng giá dầu thế giới được các tổ chức quốc tế dự báo sẽ tiếp tục ở mức cao, do đó cần chuẩn bị sẵn các kịch bản với các giải pháp tương ứng theo diễn biến của giá thế giới trong thời gian tới, sử dụng linh hoạt quỹ bình ổn kết hợp với các công cụ thuế, phí để bình ổn giá xăng dầu.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có các giải pháp hợp lý để bình ổn giá phân bón, thức ăn chăn nuôi, khuyến khích việc tăng tái đàn gia súc, diện tích nuôi thủy sản và cây trồng để đảm bảo nguồn cung cho nhu cầu tiêu dùng, mở cửa du lịch trong nước cũng như xuất khẩu.

- Các địa phương cần chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng của người dân, đặc biệt là các hàng hóa thiết yếu. Đồng thời, cần phải kiểm soát giá, niêm yết giá và sử dụng hiệu quả mạng lưới phân phối của các siêu thị để bình ổn giá. Ngoài ra, cần phải tăng cường kiểm tra, thanh tra thị trường, chống việc găm hàng, thổi giá, tránh tình trạng lợi dụng giá xăng dầu để tăng giá hàng hóa bất hợp lý.

- Các công cụ chính sách tiền tệ cần được điều hành linh hoạt, đồng bộ (hạn chế tối đa nguồn tiền ra thị trường, quản lý và siết chặt cho vay đầu tư bất động sản) nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, đồng thời góp phần hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh và đời sống người dân chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông nhằm đưa thông tin kịp thời, minh bạch, ổn định tâm lý người tiêu dùng, ổn định lạm phát kỳ vọng./.

4. Năm 2021, Chính phủ đã giảm giá điện theo các Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 2/6/2021 về phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện đợt 3, Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/7/2021 về phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện đợt 4; Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 28/8/2021 thống nhất phương án hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Động lực tăng trưởng quý I năm 2022

Tăng trưởng kinh tế quý I năm 2022 của nước ta đạt 5,03%, cao hơn tốc độ tăng trưởng của quý I năm 2020 và 2021, điều này cho thấy nền kinh tế dần được hồi phục qua 2 năm bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Đạt được kết quả này là nhờ vào những động lực tăng trưởng cụ thể như sau:

Thứ nhất, ngành công nghiệp chế biến chế tạo (CBCT) tiếp tục thể hiện vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 7,79%. Trong đó, nhiều sản phẩm tăng trưởng tốt như: Linh kiện điện thoại tăng 19%; bột ngọt tăng 15,7%; ô tô tăng 13,4%; nhôm tăng 12,6%; quần áo tăng 12,4%; thép thanh, thép góc tăng 11%; sữa tươi tăng 9,2%; thủy hải sản chế biến tăng 8,9%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 8,7%.

Bên cạnh đó, ngành khai khoáng tăng trưởng 1,23%, đây là mức tăng trưởng dương sau nhiều năm tăng trưởng âm ở quý I từ năm 2016, chủ yếu do khai thác than và quặng kim loại tăng đáp ứng thị trường tiêu thụ đang thuận lợi, giá cao (riêng than đá xuất khẩu quý I/2022 tăng 216%).

Thứ hai, bên cạnh ngành công nghiệp CBCT tăng trưởng tốt thì ngành nông nghiệp tiếp tục thể hiện là trụ đỡ nền kinh tế trong lúc khó khăn với mức tăng trưởng khá 2,45%. Kết quả đạt được do lúa vụ mùa ĐBSCL được mùa với năng suất tăng 7,4 tạ/ha; ngành chăn nuôi đang dần phục hồi, sản lượng thịt hơi xuất chuồng quý I năm 2022 đều tăng so với cùng kỳ năm trước (thịt lợn tăng 4,3%, thịt bò tăng 3,4%, thịt gia cầm tăng 5,3%); chế biến và xuất khẩu tiêu thụ gỗ có nhiều tín hiệu tích cực; nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định, giá cá tra, tôm nuôi trồng đang ở mức cao do nhu cầu xuất khẩu tăng mạnh

ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG QUÝ I NĂM 2022 VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG NĂM 2022

Lê Trung Hiếu

Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - TCTK

(kim ngạch xuất khẩu thủy sản quý I/2022 tăng 39%, trong đó tôm tăng 40%, cá tra tăng 82%).

Thứ ba, khu vực dịch vụ có tăng trưởng khởi sắc, khi nhiều hoạt động dịch vụ trước đây do ảnh hưởng nặng của dịch Covid-19 đã sôi động trở lại như: (1) Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tiếp tục có mức tăng ấn tượng với 9,75%, khi các hoạt động sản xuất dần khôi phục thì nhu cầu vốn tăng; (2) Ngành vận tải, kho bãi tăng 7,06% (quý I/2020 tăng 2,39% và quý I/2021 giảm 0,6%), điều này thể hiện các hoạt động vận chuyển, đặc biệt là vận chuyển hàng hóa phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu được tăng cường; hoạt động vận chuyển hành khách bằng đường hàng không mở cửa trở lại và có mức tăng trưởng cao; (3) Ngành bán buôn và bán lẻ tăng 2,98%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm; (4) Dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 1,79% (quý I các năm 2020, 2021 giảm lần lượt 17,6% và 5,5%), đây là mức giảm thấp.

Thứ tư, hoạt động thương mại và dịch vụ dẫn sôi động trở lại với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 9,4% so cùng kỳ năm trước. Quý I/2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước (cao hơn quý I năm 2020 và 2021: tăng 3,5% và 2,6%).

Thứ năm, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa quý I/2022 đạt 176,4 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 12,9%; nhập khẩu tăng 15,9%; Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 809 triệu USD. Riêng nhập khẩu tư liệu sản xuất đạt 82,4 tỷ USD tăng 14% so cùng kỳ năm trước (chiếm đến 94% tổng kim ngạch nhập khẩu). Như vậy, các doanh nghiệp đã chủ động về nguồn nguyên liệu nhập khẩu để thúc đẩy sản xuất trong các tháng tiếp theo phục vụ xuất khẩu.

Qua động lực tăng trưởng quý I.2022, nhiều ngành tiếp tục được dự báo đạt mức tăng trưởng cao trong các quý tiếp theo của năm 2022 do các hoạt động dần thích ứng với dịch bệnh, ngành du lịch mở cửa trở lại, thu nhập của người lao động tăng lên (dẫn đến chi tiêu dùng tăng)... thúc đẩy các ngành dịch vụ thị trường phát triển mạnh trên nền tảng trưởng thấp hoặc âm ở 2 năm 2020 và 2021.

Kịch bản tăng trưởng các quý tiếp theo và khuyến nghị với mục tiêu tăng trưởng

Hoạt động kinh tế Việt Nam 3 tháng đầu năm 2022 đã có nhiều thay đổi tích cực và khả quan so với năm 2021, các ngành dịch vụ đang trên đà phục hồi mạnh mẽ, ngành công nghiệp cũng phát triển khá tốt (đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo).

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I đạt 5,03% so với cùng kỳ, cao hơn tương đối so với mức tăng quý I của các năm 2021 và năm 2020 (lần lượt là 4,72% và 3,66%).

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đang bị đe dọa do xung đột chính trị Nga - Ukraine khiến giá cả thế giới leo thang, cầu thế giới cao nhưng chuỗi cung ứng toàn cầu đang khó khăn... những yếu tố đó đặt ra áp lực lạm phát cao năm 2022, tuy nhiên, cơ hội tăng trưởng của các quý tiếp theo năm 2022 của nước ta được đánh giá vẫn khả quan. Động lực tăng trưởng trong thời gian tới sẽ đến từ các ngành thế mạnh như: Nông nghiệp, công nghiệp (đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo) do cầu thế giới tăng và thị trường được khôi phục; bán buôn, bán lẻ; vận tải; lưu trú, ăn uống; vui chơi, giải trí sẽ có lực tăng trưởng cao trong năm do suy giảm âm hơn 1 năm qua và chính sách mở cửa thị trường du lịch... Kỳ vọng về hiệu quả của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội sẽ sớm khôi phục cầu sản xuất, đầu tư và tiêu dùng trong nước, từ đó thúc đẩy sản xuất phát triển.

Theo đó, nếu không có biến động quá bất thường, tốc độ tăng trưởng kinh tế quý II và quý III sẽ cao hơn với cùng kỳ 2021 và khả năng hoàn thành Mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2022 từ 6-6,5% theo Nghị quyết của Quốc hội là hoàn toàn khả thi.



Có thể thấy, bước sang năm 2022, tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo giảm so với các dự báo đưa ra trước đó¹ do cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina xảy ra vào cuối tháng 2/2022, tiếp tục leo thang và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt dẫn đến việc giá dầu, khí đốt, than, kim loại, lương thực, phân bón... tăng cao trên thế giới. Việt Nam là quốc gia có độ mở nền kinh tế khá lớn, tham gia nhiều các hiệp định thương mại tự do toàn cầu, nhất là trong giai đoạn chúng ta đang từng bước phục hồi nền kinh tế do ảnh hưởng của Covid-19 thì cuộc xung đột giữa Nga-Ukraine sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp nhất định đến Việt Nam. Mặc dù vậy, chúng tôi khuyến nghị vẫn giữ nguyên mục tiêu tăng trưởng năm 2022 tăng từ 6-6,5% như Nghị quyết 01/NQ-CP đã đưa ra bởi những lý do sau:

Một là, tăng trưởng kinh tế quý I khá khả quan, nhiều dư địa cho tăng trưởng ở các quý còn lại: Ngành nông nghiệp phát triển ổn định, nuôi trồng thủy sản tăng cao, đảm bảo an ninh lương thực trong nước, hướng tới xuất khẩu; sản xuất công nghiệp từng bước phục hồi, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao, đặc biệt ngành công nghiệp chế biến chế tạo; các ngành thương mại và dịch vụ bước qua giai đoạn khó khăn sau những ngày giãn cách xã hội, phục hồi và nhiều dư địa tăng trưởng tốt ở các quý sau.

Hai là, chương trình phục hồi phát triển kinh tế xã hội với các chính sách giảm thuế VAT, giảm lãi suất góp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng đầu tư, kích cầu tiêu dùng.

1. OECD dự báo kinh tế toàn cầu giảm hơn 1 điểm %, Fitch Rating đã điều chỉnh giảm 0,7 điểm % xuống mức 3,5%; WB dự báo đạt 4,1%; IMF dự báo đạt 4,4%.

Ba là, sản xuất phục hồi, thu nhập của người lao động có xu hướng tăng góp phần thúc đẩy tiêu dùng cuối cùng của người dân, tăng tổng cầu của nền kinh tế.

Bốn là, xung đột Nga – Ucraina mặc dù có tác động tiêu cực đến kinh tế Việt Nam, nhưng có thể là cơ hội để Việt Nam tăng cường xuất khẩu vào hai thị trường lớn và truyền thống này (năm 2021 kim ngạch xuất khẩu Việt Nam sang EU chiếm tỷ trọng 12%, sang Mỹ chiếm tỷ trọng 28,6%), đặc biệt là hàng nông sản và hàng tiêu dùng vì cung hàng hóa của EU và Mỹ có thể thiếu hụt do ảnh hưởng của xung đột.

mọi dự báo bị đảo lộn do giá nguyên nhiên vật liệu tăng quá nhanh, thậm chí còn dẫn tới gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng. Ngay kể cả đối với các ngành sản xuất không phụ thuộc trực tiếp vào năng lượng đầu vào vẫn có thể bị ảnh hưởng thông qua mối liên kết của chúng với các ngành sử dụng nhiều năng lượng như ngành điện và giao thông vận tải. Đối với Việt Nam, tác động tức thời và nổi bật nhất là sự gia tăng giá nhiên liệu trong thời gian qua. Về phía cầu, tác động chủ yếu là đối với các ngành xuất khẩu, cầu thế giới sụt giảm do dự báo tăng trưởng của tất cả các

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam sang Nga và Ukraine chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch XNK (kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2021 với Nga đạt 5,5 tỷ USD, chiếm 0,8% tổng kim ngạch XNK; với Ucraina đạt 720 triệu USD, chiếm 0,1%) nên tác động trực tiếp từ xung đột Nga-Ukraine đối với nước ta là không đáng kể. Tuy nhiên, khi Nga bị loại khỏi hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu (SWIFT) đã có những tác động nhất định tới tâm lý và các giao dịch thương mại của doanh nghiệp Việt Nam. Đồng thời, khi căng thẳng địa chính trị diễn ra, nền kinh tế Hoa Kỳ và Châu Âu tăng trưởng chậm lại so với kịch bản không có xung đột Nga-Ukraine. Chi tiêu nhiều hơn cho năng lượng và giảm chi tiêu cho các mặt hàng tiêu dùng khác, ảnh hưởng đến các quốc gia xuất khẩu vào hai thị trường này, trong đó có Việt Nam. Do đó, tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường Mỹ, Châu Âu dự báo sẽ phần nào bị ảnh hưởng.

Năm là, do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19, tăng trưởng GDP năm 2021 thấp nhất trong nhiều năm (2,58%), trong năm 2022 sẽ có cơ hội bứt phá, nhất là các quý cuối năm.

Nhưng khi xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế (tháng 12/2021), Chính phủ cũng như tất cả các định chế tài chính trong và ngoài nước chưa thể lường trước diễn biến bất ngờ xảy ra, đó là xung đột Nga-Ukraine khiến

đối tác thương mại lớn đều được điều chỉnh giảm. Hoạt động đầu tư có thể bị trì hoãn do bất ổn gia tăng.

Hiện nay, xung đột Nga-Ucraina đã bớt căng thẳng tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều bất đồng nên khả năng tác động đến thị trường thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng vẫn còn khá lớn. Do vậy, để hạn chế các tác động này, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Các cơ quan chức năng cần theo dõi sát sao diễn biến căng thẳng Nga - Ucraina và động thái, chính sách của các quốc gia như Mỹ và phương Tây, từ đó có những nhận định, đánh giá và các chính sách điều hành phù hợp, kịp thời.

- Để hạn chế tác động tới hoạt động sản xuất, cần có giải pháp tổng thể đảm bảo nguồn cung xăng dầu (gồm cả trong nước và nhập khẩu); chính sách điều tiết hệ thống phân phối, tránh đứt đoạn nguồn cung, ảnh hưởng tới đời sống người dân và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoài ra, cần tích cực hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, thủ tục hành chính; phối hợp và phản ứng chính sách kịp thời để thực hiện tốt chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội cũng như giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tận dụng được cơ hội, thu hút đầu tư, nhất là trong bối cảnh xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng, dòng vốn đầu tư tiếp tục diễn ra nhanh hơn. Cùng đó là phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa, tiền tệ và giá cả nhằm thực hiện tốt chương trình phục hồi cũng như kiểm soát lạm phát.

- Doanh nghiệp cần đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa ngoại tệ thanh toán và chủ động biện pháp kiểm soát rủi ro kịp thời, phù hợp, giảm sự phụ thuộc vào thị trường Nga và Ucraina./

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP QUÝ I/2022

Tiếp tục phục hồi và tăng trưởng

Phí Thị Hương Nga

Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Thống kê
Công nghiệp và Xây dựng - TCTK

Trong những tháng đầu năm 2022, dịch Covid-19 ở nước ta vẫn đang lây lan nhanh, một bộ phận lao động phải nghỉ việc để cách ly, gây tình trạng thiếu hụt lao động tạm thời, khiến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước gặp khó khăn. Thực hiện phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” theo Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ, trong thời gian vừa qua, các doanh nghiệp đã có nhiều phương án để khắc phục khó khăn về thiếu hụt lao động, đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh được diễn ra bình thường. Nhờ vậy, sản xuất công nghiệp quý I/2022 tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, nhiều ngành công nghiệp trọng điểm khởi sắc, tăng trưởng cao so với cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất tăng khá so cùng kỳ năm trước

Tính chung quý I/2022, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn so với mức tăng 5,7% của cùng kỳ năm 2021 và 5,6% của cùng kỳ năm 2020. Trong đó: nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7%, đóng góp 5,57 điểm phần trăm; nhóm ngành sản xuất, phân phối điện tăng 7,1%, đóng góp 0,63 điểm phần trăm; nhóm ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 5,3%, đóng góp 0,08 điểm phần trăm; nhóm ngành khai khoáng tăng 1%, đóng góp 0,16 điểm phần trăm vào mức tăng chung của ngành công nghiệp.

Điểm sáng của nhóm ngành khai khoáng, sau ba năm sụt giảm liên tiếp, quý I/2022 nhóm ngành khai khoáng đã bắt đầu có sự hồi phục với mức tăng trưởng 1% so với cùng kỳ năm 2021 (cùng kỳ năm 2020 giảm 5,5% và năm 2021 giảm 8,1%), chủ yếu do ngành khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm ở mức thấp, giảm 2,2% (trong đó: khai thác dầu thô giảm 1,6%; khai thác khí đốt tự nhiên giảm 2,7%); ngành khai thác cứng và than non tăng 3,2%; ngành khai thác quặng kim loại tăng 5%. Nguyên nhân chính làm cho ngành khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên có sự phục hồi là do xung đột Nga - Ucraina, Liên minh Châu Âu (EU) cấm vận Nga làm cho giá dầu thô, khí đốt thế giới tăng cao, ngành khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên tăng sản lượng khai thác để xuất khẩu.

Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (ngành chiếm trên 74% giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp) là ngành quyết định chủ yếu đến tốc độ tăng trưởng toàn ngành công nghiệp, quý I/2022 tăng 7% so cùng kỳ năm 2021.

Điểm sáng của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý I/2022 là sự phục hồi mạnh mẽ của các ngành dệt may, da giày. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng dệt, may quý I/2022 ước tăng 22,5%, nhóm hàng xơ, sợi dệt các loại tăng 21,9% so với cùng kỳ năm 2021. Với đơn hàng xuất khẩu tăng cao đã thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển. Ngành sản xuất trang phục quý I/2022 tăng 24,1% so với cùng kỳ năm 2021, là ngành có mức tăng trưởng cao nhất trong nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, đồng thời đây cũng là mức tăng trưởng quý I cao nhất của ngành này trong vòng 7 năm trở lại đây sau mức sụt giảm ở quý I/2020 (giảm 2,2%) và mức hồi phục ở quý I/2021 (tăng 3,5%). Ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2021, đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất của ngành này trong vòng 7 năm qua.

Ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học, một trong những ngành chủ lực trong xuất khẩu của Việt Nam, vẫn tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá, quý I/2022 tăng 9,4% so với cùng kỳ (cao hơn mức tăng 9,1% của năm 2021). Ở thời điểm đầu năm 2022, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu, nguồn cung nguyên liệu chip điện tử khan hiếm (thiếu nguồn cung) do khâu vận chuyển và cung ứng bị gián đoạn, tuy nhiên, đến cuối quý I/2022 khi có đủ nguồn cung nguyên liệu,

các doanh nghiệp trong ngành này đã tăng tốc sản xuất để bù đắp lượng sản xuất còn thiếu từ đầu năm nên ngành này vẫn tăng khá, đặc biệt sản phẩm linh kiện điện thoại quý I/2022 tăng 19%, đồng hồ thông minh tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh một số ngành có mức tăng trưởng khá, một số ngành cũng có mức sụt giảm mạnh. Điển hình nhất là ngành sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế. Đây là năm thứ hai liên tiếp, quý I ngành này có mức tăng trưởng âm. Quý I/2022 giảm 11,7% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2021 giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước). Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm mạnh của ngành này là do Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn từ đầu tháng 1/2022 đã giảm công suất sản xuất từ mức 100% xuống mức 80% và sau đó chỉ ở mức 55 - 60% công suất.

Ngành sản xuất và phân phối điện quý I/2022 tăng khá với mức tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2021, đây là mức tăng cao nhất trong vòng 3 năm trở lại đây (năm 2020 tăng 6,7%, năm 2021 tăng 3,3%), ngành điện luôn đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước.

Theo địa phương, nhiều tỉnh, thành phố đang trên đà phục hồi sản xuất, có 61/63 tỉnh, thành phố trong cả nước có chỉ số sản xuất công nghiệp quý I/2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021, trong đó, chỉ số sản xuất công nghiệp của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn tăng cao, cụ thể như sau: Bắc Giang tăng 23,6%; Hải Dương tăng 22,5%; Quảng Nam tăng 17,6%; Thanh Hóa tăng 15,7%; Vĩnh Phúc tăng 15,3%; Bắc Ninh và Hải Phòng cùng tăng 9,8%; Cần Thơ tăng 9,1%; Bình Dương tăng 7,1%; Quảng Ngãi tăng 6,9%;

Đồng Nai tăng 6%; Thái Nguyên tăng 5,9%; Quảng Ninh tăng 5,7%; Hà Nội tăng 5,3%; Bà Rịa-Vũng Tàu tăng 4,7%; Đà Nẵng tăng 2%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 1%.

Chỉ số tiêu thụ ở một số ngành tăng cao

Cùng nhịp với mức tăng 7% của chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I/2022 tăng cao ở mức 6,6% (cùng kỳ năm 2021 tăng 5,8%). Một số ngành có chỉ số tiêu thụ quý I/2022 tăng cao so với cùng kỳ năm 2021 gồm: Sản xuất trang phục tăng 25,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 16,7%; sản xuất da và sản phẩm có liên quan tăng 15,2%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 14,2%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 13,1%; sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 12,6%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 11,7%; chế biến gỗ và sản xuất từ gỗ, tre, nứa tăng 10,7%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số tiêu thụ quý I/2022 giảm so với cùng kỳ như: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và quang học giảm 14,1%; in, sao chép bản ghi giảm 7,3%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 6,8%.

Chỉ số tồn kho tăng thấp hơn so cùng thời điểm năm 2021

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thời điểm 31/3/2022 ước tăng 17,7% so với cùng thời điểm năm trước, thấp hơn so với mức tồn kho 22,5% cùng thời điểm năm 2021. Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 55,9%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 17,4%;

(Xem tiếp trang 45)



Tiếp tục đẩy mạnh CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG NĂM 2022

ThS. Nguyễn Hữu Bình - ThS. Lưu Thị Duyên
Trường Đại học Lao động - Xã hội

Với chủ đề “Đoàn kết - Kỷ cương - Chủ động - Thích ứng - An toàn - Hiệu quả - Phục hồi - Phát triển”, công tác cải cách hành chính năm 2022 tiếp tục được tập trung đẩy mạnh nâng cao hiệu quả, hiệu lực, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới và phục vụ ngày càng tốt hơn mong muốn của người dân, doanh nghiệp.

Đẩy mạnh cải cách hành chính đạt nhiều kết quả nổi bật

Với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu lực hiệu quả của Ban Chỉ đạo và các thành viên, công tác cải cách hành chính năm 2021 có nhiều kết quả nổi bật, trong đó phải kể đến công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua 2 luật và xem xét, cho ý kiến 6 dự án Luật. Chính phủ xem xét, cho ý kiến, thông qua đối với 23 đề nghị xây dựng luật; ban hành 200 nghị quyết,

139 nghị định. Thủ tướng Chính phủ ban hành 41 quyết định quy phạm pháp luật; 36 chỉ thị. Các Bộ, ngành ban hành gần 800 thông tư...

Công tác cải cách thủ tục hành chính được thúc đẩy mạnh mẽ với việc cắt giảm, đơn giản hóa 1.101 quy định kinh doanh; đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 924 quy định và sửa đổi, bổ sung 166 văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của 7 bộ. Chỉ số về cải thiện chất lượng các quy định pháp luật năm 2021 trong bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới đánh giá tăng 6 bậc. Các bộ, ngành, địa phương cũng đã chủ động xây dựng, ban hành các kế hoạch và triển khai các biện pháp cụ thể, thiết thực để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương mình. Tính đến ngày 15/12/2021 đã có 18/30 bộ, ngành và 32/63 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

ban hành kế hoạch cải cách hành chính 5 năm hoặc 10 năm.

Trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa các cấp thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận một cửa tại các bộ, ngành, địa phương ngày càng được cải thiện theo hướng chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, dân chủ và hiện đại. Chất lượng cung cấp dịch vụ công được nâng lên rõ rệt qua đó đã góp phần quan trọng phòng, chống các hiện tượng nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà, bức xúc cho người dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, đồng thời, giúp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư phục vụ phát triển đất nước.

Cơ cấu tổ chức bộ máy đã được kiện toàn, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Chế độ công vụ có nhiều đổi mới tích cực; Chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới

Chính phủ số đạt nhiều bước tiến, trong đó đã hoàn thành đưa vào vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân, sử dụng thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử. Ngoài ra, trực liên thông văn bản quốc gia; Cổng dịch vụ công quốc gia; Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đều được quan tâm, tổ chức vận hành tốt, phát huy hiệu quả tích cực...

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả nổi bật, công tác cải cách hành chính năm vừa qua vẫn còn những khó khăn, hạn chế như: Tiến độ xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát để tháo gỡ các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách tại một số nơi còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu; vẫn còn tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trong đó một số lĩnh vực có tỷ lệ trễ hẹn cao; đầu tư cho lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và bố trí nguồn lực cho cải cách hành chính có nơi, có lúc còn hạn chế, thiếu quan tâm.

Để tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và thực hiện mục tiêu năm 2022 là tạo bước đột phá về cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của các bộ, ngành, địa phương... trong thời gian tới công tác cải cách hành chính cần tập trung thực hiện tiếp Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021- 2030 và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 2/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Theo đó, Nghị quyết đặt mục tiêu chung là tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn 2021 - 2030.

Một trong những quan điểm Nghị quyết này đưa ra là quán triệt chủ trương của Đảng về cải cách hành chính là một trong những đột phá phát triển đất nước; gắn cải cách hành chính đồng bộ với cải cách lập pháp, cải cách tư pháp và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, góp phần xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp.

Sáu nội dung cần tập trung thực hiện cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030 mà Nghị quyết này đưa ra là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Nghị quyết cũng đặt ra mục tiêu cải cách hành chính đến năm 2025 như: Cơ bản hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính Nhà nước, trọng tâm là thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức,

nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử; Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%; Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%; 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính Nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời; Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước đạt tối thiểu 90%; 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc; 100% Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương; 80% các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trực liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ

liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại; 100% hệ thống báo cáo của các bộ, ngành, địa phương được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI)...

Đến năm 2030, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển đất nước. Tối thiểu 90% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%; 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương; Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%; Môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu; Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%; Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; 100% dịch vụ công

trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI)...

Giải pháp đẩy mạnh hoạt động cải cách hành chính trong thời gian tới

Để tiếp tục đẩy mạnh nâng cao hiệu quả cải cách hành chính và thực hiện mục tiêu Nghị quyết đặt ra trong thời gian tới hoạt động cải cách hành chính cần tập trung vào các giải pháp như:

Một là, tiếp tục quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính để tổ chức thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030 một cách toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả

Hai là, đẩy mạnh rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, gắn kết chặt chẽ với thực hiện các nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa các quy định về hoạt động kinh doanh theo quy định của Chính phủ. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan. Đồng thời tăng cường phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính.

Ba là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ cải cách hành chính của

các bộ, ngành, địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Huy động sự đóng góp của xã hội, người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện cải cách hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực.

Bốn là, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm là, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của cơ quan hành chính các cấp; Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, trên các nội dung quản lý Nhà nước khác nhau.

Sáu là, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

Bảy là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp trong việc giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ./.

PHÁT TRIỂN

LOGISTICS XANH

TẠI VIỆT NAM



ThS. Nguyễn Thị Phương Liên
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Là một mắt xích quan trọng trong thương mại toàn cầu, dịch vụ hậu cần (logistics) cũng ngày càng phát triển và có nhiều đóng góp cho nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam. Đặc biệt với xu thế phát triển bền vững, Việt Nam giống với nhiều quốc gia khác trên thế giới cũng đang hướng đến phát triển logistics xanh với nhiều lợi ích từ việc tiết giảm chi phí, tiết kiệm năng lượng và ngăn ngừa tác hại đến môi trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày nay.

Nhờ xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế giữa các quốc gia ngày càng sâu rộng, thương mại quốc tế phát triển không ngừng, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên thế giới nói chung và doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam nói riêng. Năm 2021, mặc dù sản xuất và thương mại trong nước và thế giới còn bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 nhưng đã có những bước phục hồi đáng kể. Kết thúc năm, kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 336,2 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020, kim ngạch nhập khẩu đạt 332,2 tỷ USD, tăng 26,5%. So sánh với giá trị và tăng trưởng của năm 2019, khi đại dịch chưa xảy ra, kim ngạch xuất nhập khẩu đều ghi nhận mức tăng.

Song hành với tăng trưởng sản xuất, thương mại là sự phát triển

của hoạt động logistics. Các chỉ số về logistics của Việt Nam trong những năm qua liên tục ghi dấu ấn bằng sự thăng hạng trên các bảng xếp loại quốc tế. Năm 2018, Ngân hàng Thế giới đã có đánh giá tích cực khi chỉ số năng lực hoạt động logistics (LPI) của Việt Nam vươn lên vị trí 39 trên tổng số 160 quốc gia, đứng thứ 3 trong khu vực ASEAN, tăng 25 bậc so với 2 năm trước đó. Gần đây nhất, Báo cáo Chỉ số Logistics thị trường mới nổi năm 2021 của Agility cũng cho thấy, Việt Nam đã tăng 3 bậc trên bảng xếp hạng so với năm 2020, đứng ở vị trí thứ 8 trong top 10 thị trường mới nổi với tốc độ tăng trưởng ngành này đạt 14-16%. Cũng theo Báo cáo, Việt Nam hiện có khoảng 4-4,5 nghìn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics trực tiếp và có khoảng 30 nghìn doanh nghiệp có liên quan.

Logistics đóng vai trò nền tảng để hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất, thương mại của quốc gia, là môi trường, cầu nối để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đang từng bước khẳng định vị trí của ngành kinh tế quan trọng.

Mặc dù giữ vị trí quan trọng trong chuỗi sản xuất, thương mại, nhưng logistics lại là một trong những lĩnh vực gây ô nhiễm môi trường khi hoạt động vận chuyển hàng hóa chiếm tới khoảng 8% tổng lượng khí thải CO₂ trên toàn thế giới. Trong khi đó, thị trường logistics khu vực Mê Kông trong đó có Việt Nam được cho là đang trong tình trạng tổ chức cục bộ, manh mún, sử dụng chủ yếu hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng và phương tiện chưa theo kịp công nghệ và thời đại dẫn đến nhu cầu sử dụng nhiên liệu cao, làm tăng phát thải khí CO₂ ra môi trường.

Việt Nam hiện đang dùng nhiều nỗ lực để phát triển kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, vì vậy, phát triển hoạt động logistics theo hướng xanh hóa với những hoạt động cụ thể như kiểm soát bao bì xanh, vận tải xanh, kho xanh... đang là mối quan tâm hàng đầu của nhà nước cũng như doanh nghiệp.

Mục đích của logistics xanh là tối ưu hóa mối liên hệ giữa việc vận hành kho, phân phối hàng hóa và môi trường tự nhiên, phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm giảm tính sẵn có và chất lượng tài nguyên. Cốt lõi của xu hướng này là việc áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm tổn thất, giảm mức tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị mà vẫn đảm bảo nhu cầu, mục tiêu đặt ra đối với quá trình sản xuất và đời sống. Logistics xanh được coi là mục tiêu để tạo ra giá trị bền vững khi cân bằng giữa hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường trong chuỗi hoạt động từ sản xuất đến thương mại của Việt Nam. Đây cũng là một mắt xích quan trọng góp phần giảm lượng khí thải CO₂, tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động kinh doanh và gia tăng giá trị thương hiệu cho hàng hóa Việt Nam cả trong nước và trên thế giới.

Vấn đề cắt giảm chi phí logistics từ trước đến nay luôn là mối quan tâm của Nhà nước, các bộ, ngành và doanh nghiệp do những lợi ích lớn mà nó đem lại trong việc thuận lợi giao thương hàng hóa, đặc biệt là giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cũng như năng lực cạnh tranh của quốc gia. Ứng dụng các phương án logistics xanh có xu hướng sử dụng nhiên liệu sạch và ưu tiên sử dụng phương tiện vận tải

tiết kiệm nhiên liệu được kỳ vọng sẽ giải quyết được vấn đề này. Ngoài ra, việc lập kế hoạch mạng lưới vận chuyển hàng hóa sử dụng vận tải đa phương thức, bố trí trung tâm phân phối, lựa chọn tuyến đường giao thông hợp lý để tận dụng tối đa khoảng hàng ở 2 chiều vận chuyển cũng giúp tiết giảm chi phí.

Logistics xanh cũng thể hiện ưu điểm đáng kể trong giảm thiểu rác thải công nghiệp, một trong những vấn đề nan giải và tốn nhiều chi phí của ngành công nghiệp Việt Nam hiện nay. Điển hình như bao bì sử dụng trong đóng gói sản phẩm, nguyên vật liệu là một trong những chất thải công nghiệp và sinh hoạt được sử dụng và thải ra nhiều nhất hiện nay, điển hình như màng plastic bọc hàng hóa được sử dụng trong các kho khô, kho lạnh góp phần trầm trọng thêm vấn đề rác thải nhựa không chỉ ở Việt Nam mà còn trên thế giới. Nếu tham gia vào hoạt động logistics xanh, doanh nghiệp được khuyến khích sử dụng bao bì làm từ vật liệu tái chế, dễ phân hủy trong môi trường tự nhiên hoặc sử dụng các thùng pallet làm từ gỗ, nhựa... để chứa sản phẩm. Bên cạnh đó, ứng dụng logistics xanh để tối ưu hóa chiến lược bố trí kho bãi, hàng hóa tồn kho, sử dụng năng lượng hiệu quả, nâng cao chất lượng

cơ sở vật chất để sử dụng lâu dài còn giúp doanh nghiệp tránh được sự lãng phí.

Ngành logistics Việt Nam hiện đang sử dụng phương thức vận tải đường bộ để lưu thông hàng hóa là chính với khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ năm 2021 là 1.213,9 triệu tấn trên tổng số 1.620,4 triệu tấn, chiếm tỷ trọng 74,91%. WorldBank cũng nhận định, công nghiệp vận tải của Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi kinh tế của đất nước, tuy nhiên tác động xấu đến môi trường của ngành này không phải là nhỏ khi đội xe tải của Việt Nam chủ yếu gồm xe tải nhỏ và cũ, gây tác động lớn về phát thải khí nhà kính và tắc nghẽn giao thông. Hoạt động giao thông vận tải nằm trong chuỗi logistics là hoạt động phát thải khí nhà kính chủ yếu, lớn thứ 3 sau ngành năng lượng và công nghiệp với mức đóng góp khoảng 10% lượng phát thải khí nhà kính của cả nước. Chính vì vậy, phương thức vận tải đa phương tiện cũng là một trong những biện pháp đem lại hiệu quả cao cho quá trình xanh hóa hoạt động logistics và được nhiều doanh nghiệp chuyển hướng khai thác. Hiện nay, phương thức vận chuyển này được cho là tạo ra lượng khí thải thấp hơn 4-5 lần, đường sắt, thấp hơn 7-8 lần so với vận tải bằng đường bộ.



Bên cạnh đó, vận tải thủy nội địa bao gồm vận tải đường sông và vận tải biển cũng được coi là một hướng đi tích cực trong lộ trình chuyển đổi logistics xanh với những lợi ích lớn về môi trường do phương thức vận chuyển này sử dụng ít nhiên liệu hóa thạch, thải ít khí nhà kính và an toàn hơn so với các phương thức vận tải khác. Việt Nam có hệ thống sông ngòi dày đặc cùng đường bờ biển kéo dài từ Bắc vào Nam có thể xây dựng các cảng nước sâu chính là tiềm lực to lớn cho phát triển phương thức vận tải đường thủy với các phương tiện vận chuyển bằng sà lan, thuyền có tải trọng lớn.

Ở khía cạnh môi trường, lợi ích của sử dụng phương tiện vận tải đường thủy được thể hiện thông qua lượng nhiên liệu tiêu thụ trên mỗi tấn hàng vận chuyển. Theo nghiên cứu của Hiệp hội cảng sông Mỹ, với cùng 1 lít nhiên liệu để chuyên chở cùng 1 tấn hàng, sà lan có thể đi được 85km trong khi xe đầu kéo chỉ có thể di chuyển 1 khoảng cách xấp xỉ 10km. Còn ở khía cạnh kinh tế, sẽ không thể chối bỏ những lợi ích kinh tế khi sử dụng vận tải đa phương thức như một trong các biện pháp phát triển logistics xanh khi mà một sà lan 72 Teu - 90 Teus chạy đường thủy có thể thay thế cho lượng xe container từ 35-40 chiếc. Thêm vào đó, các tuyến đường vận chuyển bằng sà lan thường nằm cách xa các khu vực dân cư đông đúc, giúp giảm thiểu vấn đề tiếng ồn, tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường dân cư, phù hợp với quy hoạch đô thị hóa của các tỉnh thành phố.

Đặc biệt, số liệu từ Tổng cục Thống kê cũng cho thấy, bên cạnh vận tải đường bộ, vận chuyển hàng hóa bằng đường biển đã cho thấy khả năng thích ứng

linh hoạt trong bối cảnh dịch bệnh ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống giao thông trong và ngoài nước. Tính chung năm 2021, vận tải hàng hóa ước đạt 1.620,5 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 8,7% so với năm trước (năm 2020 giảm 5,2%) và luân chuyển 333,4 tỷ tấn.km, giảm 1,8% (năm trước giảm 6,7%). Nhưng vận chuyển bằng đường biển lại tăng 3,3% so với năm trước với khối lượng hàng hóa vận chuyển là 85,02 triệu tấn, trong khi vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ giảm 10,1%

Điều đáng chú ý là, trong bối cảnh vận tải đường bộ và đường hàng không gặp rất nhiều khó khăn trong 2 năm vừa qua khi dịch bệnh covid-19 phủ bóng toàn cầu, một số cảng biển lớn khu vực phía Nam cũng chịu tác động mạnh của dịch bệnh nhưng tổng khối lượng hàng container qua cảng biển cả nước vẫn duy trì mức tăng trưởng rất tích cực. Kết quả khảo sát doanh nghiệp ngành logistics do Vietnam Report thực hiện trong tháng 11/2021 cũng cho thấy, 80% số doanh nghiệp đạt được tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong năm nay so với năm 2020, thậm chí 83% số doanh nghiệp còn ghi nhận tăng trưởng so với năm 2019 - thời điểm trước đại dịch. Bên cạnh đó, số liệu từ Cục Hàng hải Việt Nam cho thấy, tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 12 tháng của năm 2021 là: 703 triệu tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, khối lượng hàng container thông qua cảng biển 12 tháng đầu năm 2021 là: 23,8 triệu Teus, tăng 6% so với năm 2020, hàng xuất khẩu đạt khoảng 7,85 triệu Teus, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020; hàng nhập khẩu đạt khoảng 7,86 triệu Teus, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2020 và hàng nội địa

đạt khoảng 8,1 triệu Teus, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.

Tuy nhiên, để có được năng lực cần và đủ cho các doanh nghiệp trên lộ trình thực hiện logistics xanh không thể thiếu sự liên kết, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau của mỗi doanh nghiệp trong ngành. Điều này là thật sự cần thiết bởi theo nhận định của Agility, các đợt bùng phát dịch bệnh liên tiếp đã, đang làm suy yếu sức chống chịu của hầu hết các doanh nghiệp logistics. Những tác động chủ yếu bao phủ lên bộ phận (chiếm hơn 90% số doanh nghiệp toàn ngành) doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khi các doanh nghiệp lớn có thể hạn chế bớt tác động tiêu cực nhờ vị thế thị trường và nền tảng vốn vững chắc. Vì vậy, các doanh nghiệp ngành logistics cần tăng cường hợp tác, xây dựng chuỗi liên kết cùng hỗ trợ nhau một cách chặt chẽ và hiệu quả.

Hiện nay, trong hệ thống khung pháp lý về tăng trưởng xanh trong hoạt động giao thông vận tải, Chính phủ Việt Nam đã dành nhiều sự quan tâm đặc biệt cho việc bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu bằng những chính sách, văn bản cụ thể phải kể đến như: Chiến lược quốc gia tăng trưởng xanh; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh; Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh của Bộ Giao thông vận tải. Cùng với đó là những dự án thiết thực với chính sách và cơ chế hỗ trợ cả trong ngắn hạn và dài hạn để đẩy mạnh sự phát triển logistics xanh như một phần của phát triển công nghiệp xanh, tăng trưởng xanh và bền vững của Việt Nam./.

Dầu ổi

NGÀNH LÂM NGHIỆP NĂM 2021 VÀ NHỮNG NỖ LỰC TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

Thu Hòa

Năm 2021, trong bối cảnh khó khăn chung do ảnh hưởng của dịch Covid-19, ngành Lâm nghiệp đã nỗ lực vượt khó, đạt được những thành tích đáng tự hào trong công tác bảo vệ rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp, đóng góp quan trọng cho sự phát triển chung của toàn ngành Nông nghiệp.

Từ những thành tích đáng tự hào...

Những năm gần đây, công tác trồng cây, gây rừng ở nước ta có nhiều tiến triển tích cực, nhờ đó diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước tăng hàng năm, tỷ lệ độ che phủ rừng ngày càng cao. Năm 2021, tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,02%, tương ứng tăng khoảng 3.300 ha

so với năm 2020 chủ yếu là tăng về rừng đặc dụng và phòng hộ, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Mặc dù, so với các năm trước, đây là con số tăng không lớn về trữ lượng rừng, nhưng con số này rất có ý nghĩa, do năm 2021 toàn ngành đang tiến tới nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên. Cùng với đó, cơ cấu các loại rừng như:

rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất đã có sự bố trí phù hợp hơn giúp cho công tác trồng rừng mang lại hiệu quả cao.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2021, diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước ước tính đạt 277,8 nghìn ha, tăng 2,8% so với năm 2020 (quý IV/2021 đạt 101,9 nghìn ha, tăng 3%); số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 99 triệu cây, tăng 3% (quý IV đạt 33,9 triệu cây, tăng 4,3%); sản lượng gỗ khai thác đạt 18,1 triệu m³, tăng 5,4% (quý IV đạt 5.245,2 nghìn m³, tăng 8,1%); sản lượng củi khai thác đạt 18,8 triệu ste, giảm 1,6% (quý IV đạt 4,5 triệu ste, giảm 3,8%).

Cùng với việc gia tăng diện tích trồng rừng, công tác bảo vệ rừng cũng được phát huy với nhiều

thành tích. Trong năm 2021, số vụ vi phạm bảo vệ rừng và diện tích rừng bị thiệt hại cơ bản đều giảm so với năm 2020. Cụ thể, đã phát hiện 2.653 vụ vi phạm các quy định về bảo vệ rừng, giảm 411 vụ, tương ứng giảm 13% so với cùng kỳ năm 2020; diện tích thiệt hại 852 ha, giảm 6% (56 ha) so với cùng kỳ.

Ngoài ra, trong quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, toàn ngành Lâm nghiệp đã chỉ đạo, đơn đốc các địa phương triển khai xây dựng các phương án quản lý hiệu quả tích cực. Đến nay, đã có đã có 199 chủ rừng là tổ chức đã xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững với tổng diện tích 3,1 triệu ha, còn lại 195 chủ rừng đang xây dựng và 122 chủ rừng chưa xây dựng phương án quản lý rừng bền vững với tổng diện tích khoảng 4,1 triệu ha. 6 Vườn quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn có tổng diện tích 299.467 ha đã được Bộ phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững. Tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững còn hiệu lực đến nay là 314.205 ha tại 27 địa phương (diện tích cấp theo chứng chỉ FSC gồm 258.526 ha; diện tích được cấp theo Hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam VFCS/PEFC là 55.679 ha). Trong đó, từ đầu năm 2021 đến nay đã thực hiện cấp chứng chỉ cho 67.000 ha rừng.

Đặc biệt, trong năm 2021, ngành Lâm nghiệp cũng đã phối hợp cùng các bộ, ngành, các tổ chức, cá nhân trong cả nước triển khai có hiệu quả Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 4/2021. Theo đó, ngay sau khi Đề án được phê duyệt, ngành lâm nghiệp đã cùng các tỉnh, thành phố xây dựng kế

hoạch, phương án triển khai; rà soát hầu hết các quỹ đất trồng cây và trồng rừng. Kết quả triển khai thực hiện cho thấy, năm 2021, cả nước trồng đạt 115% kế hoạch, trong đó một số địa phương có kết quả tốt như: Nghệ An (7,3 triệu cây); Thanh Hóa (5,3 triệu cây); Lâm Đồng (4 triệu cây)... Có nhiều mô hình trồng cây xanh được triển khai bước đầu mang lại hiệu quả tích cực. Cụ thể như: mô hình từ một mẫu rừng cho bạn đến trồng 20.000 cây xanh tại huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang của thầy trò Trường Marie Curie và mô hình được cam kết tiếp tục đồng hành trong những năm tiếp theo. Hay dự án Cùng phục hồi rừng đầu nguồn sông Gianh của Công ty TNHH Xã hội Trồng và Phục hồi rừng Việt Nam (VARIS) với thông điệp "góp một cây để có rừng" đã huy động từ các cá nhân trồng và phục hồi 80 ha rừng đầu nguồn sông Gianh. Trong năm 2022, dự án tiếp tục đặt mục tiêu trồng ít nhất 100 ha và vận động các nguồn lực từ xã hội để trồng và phục hồi rừng bằng những giống cây bản địa. Cùng với đó, nhiều tổ chức, doanh nghiệp đã đồng hành trồng cây, trồng rừng vì một Việt Nam xanh như Tập đoàn Novaland cam kết trồng 50 triệu cây ở Lâm Đồng, Công ty TNHH giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam cam kết trồng mới 30 triệu cây xanh và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cam kết trồng một triệu cây phân tán...

Riêng ngành Lâm nghiệp, để chuẩn bị cung ứng giống cây trồng có chất lượng cao cũng đã chuẩn bị được hơn 400 triệu cây giống phù hợp với các điều kiện địa hình, thổ nhưỡng và khí hậu để phục vụ việc trồng rừng cho kế hoạch trồng một tỷ cây xanh trong 5 năm và các năm tiếp theo...

Không chỉ đảm bảo các chỉ tiêu về bảo vệ và phát triển rừng, trong năm 2021 kinh tế lâm nghiệp cũng đã có nhiều khởi sắc. Theo đó, mặc dù chịu tác động của dịch Covid-19 gây ảnh hưởng đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gỗ và lâm sản, song kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành nông, lâm, thủy sản đạt gần 16 tỷ USD, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra với 14 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2020, xuất siêu cả năm đạt gần 13 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2020. Trong đó, giá trị xuất khẩu lâm sản đã chiếm trên 30% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu ngành hàng nông lâm thủy sản cả nước; chiếm 4,7% kim ngạch xuất khẩu toàn quốc và là 1 trong 7 mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 10 tỷ USD. Giá trị xuất siêu lâm sản lớn nhất trong nhóm các ngành nông lâm thủy sản, đóng góp quan trọng vào giá trị xuất siêu của ngành. Trong giá trị kim ngạch xuất khẩu, riêng lâm sản ngoài gỗ đã xuất khẩu được gần 1,2 tỷ USD và tăng gần 40%.

Năm 2021 cũng là năm ghi nhận thu dịch vụ môi trường rừng lần đầu tiên đạt con số kỷ lục với 3.115 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch thu năm 2021 và tăng 20% so với cùng kỳ. Trong đó, Quỹ Trung ương thu 1.922 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch năm 2021 và bằng 121% cùng kỳ 2020; Quỹ tỉnh thu 1.193 tỷ đồng đạt 116% kế hoạch năm 2021 và bằng 134% cùng kỳ. Đây là nguồn thu rất quan trọng, góp phần rất lớn phục vụ cho công tác bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng. Đáng chú ý, trong năm qua, ngành lâm nghiệp đã ký thỏa thuận về bán tín chỉ các-bon rừng, với khoảng 5,15 triệu tấn tại 5 tỉnh Tây Nguyên và Nam Trung bộ, thu về hơn 50 triệu USD...

...đến những nỗ lực trong giai đoạn tới

Với kết quả trên có thể nói trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, ngành lâm nghiệp đã càng khẳng định vị trí quan trọng góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp cũng như phát triển chung của cả nước. Theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025, ngành Lâm nghiệp đặt mục tiêu cơ cấu lại ngành theo chuỗi và nâng cao giá trị gia tăng, hướng đến mục tiêu tiếp tục huy động tối đa các nguồn lực xã hội, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm phát huy tối đa các tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng, phát triển bền vững ngành lâm nghiệp. Qua đó, đóng góp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Trong năm 2022, ngành Lâm nghiệp phấn đấu trồng mới khoảng 230 nghìn ha rừng tập trung (rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất), tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc duy trì ổn định 42%, trồng 122 triệu cây phân tán; khai thác gỗ rừng sản xuất khoảng 31,5 triệu m³ (khai thác từ rừng trồng tập trung 21 triệu m³; khai thác cây trồng phân tán, cây vườn nhà 5,5 triệu m³; gỗ cao su 5 triệu m³). Đồng thời, thu dịch vụ môi trường rừng từ 2.800-3.000 tỷ đồng; diện tích rừng được cấp chứng chỉ 90 nghìn ha. Đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng rừng.

Để nâng cao chất lượng rừng, giai đoạn tới, ngành sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp: Rà soát, đánh giá diện tích đất lâm nghiệp và rừng để bố trí hài hòa các loại rừng: Phòng hộ, đặc dụng

và sản xuất; đánh giá, lựa chọn, lập danh mục cơ cấu loài và giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất cao, phù hợp với từng điều kiện lập địa, đáp ứng yêu cầu của thị trường để đưa vào trồng rừng; nghiên cứu chọn tạo giống mới, khảo nghiệm các giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng yêu cầu kinh doanh gỗ lớn và thúc đẩy hoạt động chuyển giao những giống mới vào sản xuất; nghiên cứu xây dựng kỹ thuật tối ưu về chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng cung cấp gỗ lớn, trồng lại rừng sau khai thác, trồng rừng mới theo hướng thâm canh...

Để hoàn thành các mục tiêu đề ra, ngành Lâm nghiệp sẽ tập trung tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, đảm bảo hoàn thành mục tiêu năm 2022. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng liên quan để kịp thời ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; duy trì cung cấp thông tin cảnh báo cháy rừng hàng ngày để kiểm tra, phát hiện, xử lý. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức, trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về lâm nghiệp; ứng dụng công nghệ tiên tiến (công nghệ thông tin, viễn thám) trong phát hiện sớm, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, theo dõi diễn biến rừng.

Bên cạnh đó, toàn ngành sẽ tập trung triển khai các hoạt động về bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; sử dụng môi trường rừng bền vững; triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện rà soát chặt chẽ việc thực hiện các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hoàn tất việc công nhận hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia và đủ điều kiện

để liên thông với chứng chỉ rừng PEFC quốc tế; triển khai rộng rãi việc thực hiện cấp chứng chỉ rừng theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Chủ động hợp tác nhằm vận động, thu hút nguồn vốn ODA và FDI thông qua các chương trình, dự án quốc tế.

Về chế biến, thương mại lâm sản: Sẽ tập trung thực hiện phối hợp trong việc ngăn chặn tình trạng gian lận thương mại của một số doanh nghiệp xuất khẩu, kiểm soát chặt gỗ nhập khẩu từ các nước có nhiều rủi ro về nguồn gốc gỗ bất hợp pháp. Đối với sản phẩm chủ lực quốc gia, sẽ tập trung đầu tư, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững. Ưu tiên nguồn lực đầu tư để thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng các chuỗi giá trị gắn với hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu quốc gia.

Bên cạnh những giải pháp trên, trong giai đoạn 2021-2025, ngành lâm nghiệp sẽ đổi mới, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp; tập trung đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và dịch vụ logistics; tăng cường hợp tác quốc tế, khai thác tối tiềm năng thị trường từ các hiệp định, cam kết quốc tế; tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức lâm nghiệp quốc tế, khu vực và song phương; tăng cường thu hút các nguồn vốn quốc tế, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; chủ động hợp tác trong nghiên cứu, giáo dục, đào tạo để tiếp cận khoa học và công nghệ lâm nghiệp tiên tiến.../.

QUẢN LÝ DỮ LIỆU

NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP



Hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài

Ở Việt Nam, hoạt động hợp tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài được triển khai từ những năm 80 của thế kỷ trước chủ yếu dưới hình thức hợp tác lao động và chuyên gia giữa VN với 4 nước Xã hội chủ nghĩa bao gồm (Liên Xô (cũ), Cộng hòa dân chủ Đức (cũ), Tiệp Khắc (cũ) và Bungari), ngoài ra còn hợp tác với một số nước ở Trung Đông, Châu Phi (I- Rắc, Libya, An- ghê- ri, Ăng-gô- la, Mô- zamb- ích, Công- gô, Y- ê- men, Ma- đa- gax- ca...). Mục tiêu của hợp tác lao động là nhằm bù đắp sự thiếu hụt nhân lực trong phát triển kinh tế ở các nước nhận lao động, còn Việt Nam thì cần giải quyết việc làm cho một bộ phận người lao động và qua đó đào tạo và nâng cao tay nghề cho lao động, phục vụ cho quá trình đổi mới đất nước.

Cơ chế quản lý kinh tế của nước ta thời kỳ này mang tính chất quản lý tập trung, bao cấp: Cơ quan Nhà nước trực tiếp ký kết các Hiệp định, thỏa thuận và tổ chức thực hiện đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài (từ việc tuyển chọn, đưa đi, quản lý người lao động ở nước ngoài và làm thủ tục, giải quyết chế độ cho họ sau khi về nước).

Trong 10 năm (1980-1990) hợp tác lao động, bắt tay vào đổi mới

Theo số liệu từ Ngân hàng (NH) Nhà nước Việt Nam, năm 2021, lượng kiều hối thu hút về nước đạt 12,5 tỉ USD, tăng khoảng 10% so với năm 2020. Trong đó, chủ yếu từ nguồn lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. NH Thế giới (WB) và Tổ chức Hợp tác quốc tế về người di cư KNOMAD ước tính năm 2021, Việt Nam được xếp trong nhóm 10 nước có lượng kiều hối lớn nhất thế giới. Có thể nói, với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam thì kiều hối là một trong những nguồn lực quan trọng giúp hỗ trợ phát kinh tế, ổn định xã hội. Tuy nhiên, muốn phát huy hiệu quả kênh tài chính này thì nhất thiết phải quản lý tốt nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài hay còn gọi là nguồn lao động di cư quốc tế.

kinh tế, ta đã đưa được gần 300 nghìn lao động, trong đó có khoảng 220 nghìn lao động đi làm việc tại Liên Xô và các nước Đông Âu; hơn 30 nghìn người đi làm việc ở Iraq và Libi; 7,2 nghìn lượt chuyên gia đi làm việc ở Châu Phi và 23,7 nghìn thực tập sinh vừa học vừa làm ở nước ngoài ở Đông Âu. Ngân sách Nhà nước thu được khoảng 800 tỷ đồng (theo tỷ giá Rúp/Đồng Việt Nam năm 1990). Đồng thời, người lao động và chuyên gia đã đưa về nước một lượng hàng hoá thiết yếu với trị giá hàng nghìn tỷ đồng. Giai đoạn 10 năm tiếp theo số lượng lao động đưa đi hàng năm vẫn tăng lên song không nhiều so với nguồn lao động được cho là khá dồi dào trong nước do cơ chế, chính sách hạn chế.

Ngày 01 tháng 7 năm 2007, Luật Người lao động Việt Nam đi làm

việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 (được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006) chính thức được thực thi cùng với đầy đủ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động này, từ Luật đến các văn bản hướng dẫn Luật khá đồng bộ, đánh dấu bước ngoặt hoàn thiện văn bản thể chế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và các tổ chức tham gia hoạt động theo Luật.

Từ khi có Luật số 72 đến hết năm 2019 đã có trên 1,3 triệu lượt người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, bình quân mỗi năm có khoảng 110 nghìn người ra nước ngoài làm việc. Đặc biệt trong 5 năm gần đây (2016 - 2020), số lượng lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài tăng trung bình 8%/năm;

mỗi năm có khoảng 130 nghìn người lao động ra nước ngoài làm việc, chiếm 7%-10% số người được giải quyết việc làm mới của cả nước mỗi năm. Để đáp ứng yêu cầu trong điều kiện mới, ngày 13/11/2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật số 69/2020/QH14 thay thế cho Luật 72, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

Có thể nói, với Luật pháp, cơ chế, chính sách mới đã tạo ra một hành lang thông thoáng giúp công tác xuất khẩu lao động thuận lợi và hiệu quả hơn. Thị trường xuất khẩu lao động cũng ngày càng rộng mở giúp số lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài tăng nhanh, chất lượng lao động đi không ngừng được nâng cao; hoạt động của doanh nghiệp dần đi vào chuyên nghiệp, quyền lợi của người lao động xuất khẩu được bảo đảm v.v... Trong 5 năm, từ 2016 - 2020 Việt Nam đã đưa trên 600 nghìn lao động đi làm việc theo hợp đồng tại hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, chủ yếu trong khoảng 30 ngành nghề khác nhau từ lao động giản đơn đến chuyên môn kỹ thuật và chuyên gia. Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài góp phần đáng kể phát triển kinh tế xã hội, cải thiện rõ rệt về phúc lợi xã hội và bình đẳng giới hộ gia đình. Đồng thời, người lao động đi làm việc ở nước ngoài khi trở về phần lớn đã được đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn, ý thức kỷ luật lao động, trở thành nguồn lao động chất lượng cao phục vụ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tuy nhiên năm 2020-2021, do ảnh hưởng của dịch covid 19 trên toàn thế giới khiến hoạt động đưa người ra nước ngoài làm việc theo hợp đồng bị sụt giảm đáng kể: Năm 2020 Việt Nam chỉ đưa được 78,6 nghìn lao động đi làm việc

ở nước ngoài, đạt 60,5% so với kế hoạch đề ra và bằng 51,55% so với cùng kỳ năm 2019 (năm 2019, tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là 152,5 nghìn lao động); Năm 2021, tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo thống kê của Bộ LĐTBXH là 45 nghìn lao động, bằng 57,3% so với năm 2020.

Bước sang năm 2022, mặc dù dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp trên thế giới song cùng với xu hướng mở cửa, phục hồi kinh tế toàn cầu, dự báo số lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc theo hợp đồng sẽ tăng trở lại. Hiện nay các doanh nghiệp đã nghiên cứu, triển khai sản phẩm bảo hiểm liên quan đến dịch bệnh COVID-19 cho công dân Việt Nam xuất cảnh, di cư ra nước ngoài để xem xét phê chuẩn; đưa lao động sang các nước yêu cầu lao động cần có bảo hiểm COVID-19 ...

Quản lý dữ liệu về lao động cư quốc tế tại Việt Nam

Tại Việt Nam dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, được cung cấp bởi Cục QLLĐNN, Cục Việc làm (Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội); Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) và dữ liệu tổng hợp từ điều tra Lao động việc làm của Tổng cục Thống kê...

Theo Cục QLLĐNN, giai đoạn mới bắt đầu đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là thời kỳ chưa có máy vi tính để quản lý dữ liệu, khi đó công tác quản lý, thống kê, tổng hợp đều bằng thủ công, sổ sách ghi chép là phổ biến. Đến các giai đoạn sau này, mặc dù có máy vi tính, có phần mềm quản lý song phía Cục mới chỉ lưu giữ số liệu đơn thuần, chưa có sự tổng hợp, phân tích bằng phương pháp thống kê chuyên nghiệp, các khái niệm, chỉ tiêu thống kê thiếu thống nhất dẫn tới số liệu

bị chênh giữa các bộ, ngành và bị vênh so với số liệu được tổng hợp từ các cuộc điều tra lao động việc làm của Tổng cục thống kê. Về cơ bản mới chỉ thống kê được số lao động ra nước ngoài làm việc theo hợp đồng và lao động trở về nước (dựa trên báo cáo do các doanh nghiệp dịch vụ, các tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc nước ngoài, các Sở Lao động - Thương Binh và xã hội... cung cấp theo Quy định báo cáo tại Luật số 72), trong khi số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức khác như lao động tự do, bị ép đi lao động, vượt biên hoặc thông qua đường du lịch ước tính hàng nghìn người mỗi năm song chưa có con số thống kê đầy đủ, chính xác. Bên cạnh đó, số liệu thống kê về số lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam cũng chưa cập nhật đầy đủ, liên tục... Nguyên nhân là do chưa có cơ quan nào đứng ra làm đầu mối tổng hợp, công bố số liệu để sử dụng chung một cách hiệu quả dữ liệu di cư quốc tế, việc thu thập số liệu giữa các bộ ngành, địa phương thiếu thống nhất đã gây rất nhiều khó khăn công tác lập kế hoạch xuất khẩu lao động, quản lý và thực hiện các chính sách bảo vệ người lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc.

Việt Nam là nước đang phát triển, với dân số gần 90 triệu người, đứng thứ 15 về dân số trong các nước đông dân nhất thế giới, trong đó có khoảng 75% lao động sống ở nông thôn, trình độ chuyên môn tay nghề thấp, tiền công lao động rẻ, sức ép việc làm lớn. Trong khi đó, Chương trình giải quyết việc làm quốc gia hàng năm vẫn không đáp ứng được hết nhu cầu việc làm của người lao động. Trong thời gian tới, khi dịch bệnh đã được kiểm soát,

cùng với quá trình mở cửa và hội nhập quốc tế, Việt Nam không chỉ có tiềm năng mà còn rất nhiều cơ hội về cung cấp nguồn lao động cho thị trường thế giới, đồng thời Việt Nam cũng là địa chỉ hấp dẫn thu hút nhiều tập đoàn, doanh nghiệp FDI vào đầu tư, xây dựng nhà máy, khu công nghiệp cùng với số lượng lớn chuyên gia, lao động kỹ thuật cao nước ngoài đến sinh sống và làm việc. Thực tế này đòi hỏi công tác quản lý lao động di cư chuyên nghiệp hơn, hiệu quả hơn do đó việc ra đời một cơ sở dữ liệu về di cư quốc tế đầy đủ, chính xác, kịp thời là cực kỳ cần thiết và cấp thiết.

Có thể nói, lĩnh vực di cư lao động nước ngoài đang đặt ra nhu cầu lớn về số liệu thống kê chính xác, được phân tách theo giới tính và thường xuyên cập nhật, phục vụ công tác hoạch định chính sách và đưa ra các hỗ trợ hoặc can thiệp kịp thời giúp người di cư, đặc biệt là phụ nữ tối đa hóa được lợi ích từ việc di cư lao động của mình, cũng như giảm thiểu các nguy cơ bị bạo lực và bóc lột có thể xảy ra. Tăng cường nỗ lực thu thập dữ liệu về di cư lao động thông qua việc áp dụng các cách tiếp cận và khái niệm nhất quán sẽ giúp quản lý rủi ro và tận dụng các cơ hội mà di cư lao động quốc tế mang lại.

Mới đây, với quy định tại khoản 4, Điều 69 Luật số 69: *"Thực hiện quản lý người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bằng mã số, tích hợp trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng"* đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý lao động di cư quốc tế của Việt Nam.

Đồng thời, để hướng tới hoàn thiện dữ liệu thống kê về di cư

lao động; góp phần thực hiện Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di cư lao động một cách nhất quán và có sự kết nối với số liệu thống kê của các bộ, ngành phục vụ công tác hoạch định kế hoạch chính sách tại Việt Nam cũng như thu thập thông tin về tiến độ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững,... thời gian vừa qua, Tổng cục Thống kê đã phối hợp với Tổ chức lao động quốc tế (ILO) nghiên cứu các nguồn dữ liệu sẵn có về lao động di cư quốc tế ở Việt Nam. Theo đó, Tổng cục Thống kê cùng với các bộ, ngành, các chuyên gia trong nước và quốc tế sẽ hợp tác, chia sẻ với nhau các kiến thức, kinh nghiệm trong việc thu thập các nguồn thông tin, từ đó có thể khai thác, tổng hợp, tính toán một cách tốt nhất các chỉ tiêu thống kê về lao động di cư quốc tế, đáp ứng công tác quản lý về lao động di cư quốc tế đồng thời góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững. Theo đó, thời gian tới các cơ quan hữu quan cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

- Xây dựng phần mềm cập nhật cơ sở dữ liệu di cư đồng bộ thống nhất từ cấp xã, đến trung ương, từ đó liên kết cơ sở dữ liệu giữa các ngành Công an, biên phòng, Lao động, Tư pháp; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý lao động di cư quốc tế;

- Sớm có chiến lược quốc gia và hệ thống chính sách pháp luật toàn diện, nhất quán và minh bạch về di cư quốc tế;

- Hoàn thiện các văn bản, quy phạm pháp luật, các khái niệm, chỉ tiêu, biểu mẫu liên quan đến báo cáo, tổng hợp cơ sở dữ liệu di cư, để các ngành, các cấp, địa phương triển khai thực hiện báo cáo.

- Tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ thông tin hiệu quả giữa các bộ, ngành hữu quan; tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế, chia sẻ thông tin về di cư; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý di cư quốc tế

- Cần hình thành các cơ chế giám sát và thực thi chính sách pháp luật về di cư có hiệu lực, hiệu quả nhằm tăng cường trách nhiệm của Nhà nước và các chủ thể có liên quan đối với việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài; nâng cao năng lực của các Bộ, ngành có chức năng quản lý nhà nước về di cư theo ngành, lĩnh vực, đặc biệt phải xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan làm đầu mối, chủ trì, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

- Tiếp tục nghiên cứu, thúc đẩy việc đàm phán, ký kết các hiệp định, thỏa thuận song phương về lao động, tương trợ tư pháp về hình sự, dân sự và hôn nhân gia đình; nghiên cứu, phê chuẩn và triển khai thực hiện các văn bản pháp lý quốc tế về di cư, đặc biệt về di cư lao động nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam trong tất cả các giai đoạn của quá trình di cư;

- Tăng cường sự trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các chính phủ, các cơ quan chức năng, các tổ chức quốc tế hữu quan; thu hút sự tham gia của các tổ chức dân sự, các tổ chức của người di cư vào quá trình xây dựng, đối thoại, và giám sát thực thi chính sách, pháp luật và công ước quốc tế về di cư./

P.V

(Tổng hợp từ các tham luận tại Hội thảo về khoảng trống dữ liệu thống kê di cư lao động quốc tế tại Việt Nam)



Đào tạo kỹ năng số CHO LAO ĐỘNG

CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN THÀNH CÔNG CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

ThS. Nguyễn Thị Vân Anh

Đại học Công nghiệp Hà Nội

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) bùng nổ mạnh mẽ với sự xuất hiện của robot, trí tuệ ảo, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn... cùng chất xúc tác là dịch bệnh Covid-19, cơ cấu việc làm trên toàn cầu đã và đang có xu hướng chuyển đổi sang tự động hóa, số hóa. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), đến 2025 có 85 triệu việc làm trên toàn cầu sẽ bị xóa bỏ, nhưng đồng thời có 97 triệu việc làm mới được tạo ra. Thực hiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cơ cấu thị trường lao động Việt Nam cũng đang trong vòng quay dịch chuyển, thay đổi theo hướng từ các ngành sử dụng nhiều lao động sang các ngành ứng dụng công nghệ. Bên cạnh đó, sự phân hóa theo hai nhóm kỹ năng thấp/lương thấp và kỹ năng cao/lương cao đang ngày càng rõ nét. Điều này không chỉ đe dọa tới việc làm của những lao động trình độ thấp mà ngay cả lao động có kỹ năng

Đại dịch Covid-19 cùng tốc độ xoay chuyển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra thách thức rất lớn cho lực lượng lao động, một nguồn lực quan trọng của nền kinh tế. Do đó, Việt Nam cần tăng cường cơ hội tiếp cận đào tạo kỹ năng số cho lao động trẻ, để hình thành nên lực lượng lao động số - yếu tố nòng cốt để phát triển kinh tế - xã hội đất nước và xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

bậc trung cũng sẽ bị ảnh hưởng nếu người lao động không được trang bị các kiến thức mới, kỹ năng số cần thiết.

Lực lượng lao động có chất lượng, kỹ năng và hiệu quả cao

được xác định là nhân tố quyết định sự phát triển của quốc gia. Do đó, để nâng cao kỹ năng cho người lao động thích ứng xu hướng số hóa, tự động hóa của CMCN 4.0, thời gian qua, Chính phủ đã xây dựng và ban hành hàng loạt các văn bản, chính sách tập trung đào tạo kỹ năng cho người lao động như: Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới; Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 về Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030; Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/8/2021 Phê duyệt Chương trình "Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư"... Đây là những cơ sở pháp lý nền tảng để Việt Nam thực hiện các giải pháp tăng



số lượng lao động có kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường; xây dựng mô hình đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực ở các trình độ giáo dục nghề nghiệp để có kiến thức, kỹ năng phù hợp, có thể tiếp thu, làm chủ, khai thác, vận hành hiệu quả những tiến bộ công nghệ của cuộc CMCN; góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia.

Để chuẩn bị cho việc hình thành nguồn nhân lực lao động số tương lai của đất nước, ngay từ các cấp học phổ thông, thậm chí là cấp học mầm non, nhiều cơ sở giáo dục trên cả nước đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và đưa hoạt động giáo dục STEM-STEAM sáng tạo vào chương trình dạy học một cách linh hoạt như: dạy học các môn khoa học theo bài học STEM-STEAM; tổ chức hoạt động trải nghiệm; tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Phương pháp giáo dục này đã mở ra cơ hội cho học sinh được trải nghiệm môi trường sáng tạo, phát triển tư duy và ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn. Các cơ sở giáo dục phổ thông đồng thời tổ chức tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

Ở cấp học cao hơn, hàng loạt chuyên ngành đào tạo mới để đáp ứng nhu cầu nhân lực CMCN 4.0 được đưa vào danh mục của Nhà nước và triển khai đào tạo trong các trường cao học, đại học trên toàn quốc như: Tự động hóa và Tin học, Công nghệ Hàng không - Vũ trụ, Vật liệu và Linh kiện nano, Trí tuệ nhân tạo, Thương mại điện tử, Quản trị công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Quản trị năng lượng và Phát triển bền vững, Logistic, Thiết kế công nghiệp và Đa phương tiện, Quản lý đô thị và công trình

(thông minh), Công nghệ tài chính và kinh doanh kỹ thuật số...

Bên cạnh việc tham gia vào các chương trình đào tạo kỹ năng số, học sinh, sinh viên còn được tham gia nhiều sân chơi, chương trình hướng tới tạo lập nền tảng kỹ thuật số cho thế hệ công dân số tương lai của Việt Nam. Đơn cử như Dự án giáo dục miễn phí "Lập trình tương lai cùng Google" của Google Châu Á Thái Bình Dương (APAC) phối hợp thực hiện cùng Quỹ Dariu, bắt đầu khởi động từ tháng 5/2018, đến nay đã đào tạo lập trình ngôn ngữ Scratch và Robotics, ứng dụng bo mạch Micro:bit, kiến thức kỹ năng số và sử dụng Internet an toàn cho hơn 300.000 học sinh, sinh viên tại 9 tỉnh, thành phố trên cả nước. Đây là sự khởi đầu, tạo nền tảng vững chắc cho học sinh, sinh viên Việt Nam tự tin bước vào kỷ nguyên kỹ thuật số.

Đối với giáo dục nghề nghiệp, việc đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn bị nhân lực có kỹ năng nghề trong những năm qua cũng có nhiều chuyển biến tích cực, xuất hiện ngày càng nhiều mô hình đào tạo chất lượng cao, đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Để tái cơ cấu lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hiện Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) đang xúc tiến chủ trương thành lập Trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, dự kiến tại 3 miền Bắc, Trung, Nam, trên cơ sở đầu tư, cấu trúc lại 3 trường: Trường CĐ nghề Kỹ thuật công nghệ (tại Hà Nội), Trường CĐ Kỹ nghệ Dung Quất (trụ sở tại Quảng Ngãi) và Trường CĐ Kỹ nghệ II (trụ sở tại TP.HCM). 3 trung tâm

quốc gia này sẽ đặt trong mạng lưới các trường cao đẳng và có tính chất lan tỏa dẫn dắt trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Các trung tâm quốc gia và các trường cao đẳng chất lượng cao sẽ được bổ sung thêm chức năng đào tạo và tổ chức thực hành những ngành nghề mới tương lai, vượt trội; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, quản trị hiện đại; công nghệ mới, phương pháp mới trong giáo dục nghề nghiệp; bổ sung thêm chức năng tổ chức đánh giá kỹ năng quốc gia đổi mới sáng tạo. Các cơ sở giáo dục nghề đồng thời sẽ tiếp nhận chuyển giao các chương trình từ nước ngoài đào tạo chất lượng cao, trong đó có các nghề trong lĩnh vực CMCN 4.0 như cơ điện tử, điện tử công nghiệp, quản trị mạng máy tính, công nghệ sinh học... Theo lộ trình thực hiện, dự kiến đến năm 2025, cả nước sẽ có tổng 70 trường cao đẳng chất lượng cao, trong đó 40 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và 3 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong G20. Đến năm 2030, hình thành thêm từ 3 đến 5 trung tâm quốc gia về đào tạo và thực hành nghề cùng 90 trường chất lượng cao (trong đó có 40 trường tương đương với trình độ các nước ASEAN-4 và 3 trường tương đương các nước phát triển trong nhóm G20).

Điều đáng nói là việc đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng số cho lao động còn có sự tham gia chủ động từ nhiều doanh nghiệp trong nước như: Tập đoàn Microsoft Việt Nam, Tập đoàn FPT... Là một trong những cánh chim đầu đàn trong công động doanh nghiệp trong nước góp phần đáng kể trong đào tạo kỹ năng số cho lao động, năm 2020, Tập đoàn Microsoft Việt Nam đã khởi động sáng kiến

Kỹ năng Toàn cầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của thị trường lao động trong kỷ nguyên Cách mạng công nghệ 4.0, nhằm giải quyết những thách thức đang gia tăng đối với vấn đề việc làm, đặc biệt trong bối cảnh bị tác động bởi đại dịch Covid-19. Chỉ sau 1 năm triển khai, tính đến đầu năm 2021, Microsoft đã giúp hơn 60.000 lao động Việt Nam tiếp cận được các kỹ năng số. Tháng 6/2021, Tập đoàn Microsoft Việt Nam tiếp tục phối hợp cùng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) và Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) Việt Nam chính thức ra mắt Nền tảng học trực tuyến www.congdanso.edu.vn, thuộc Dự án “Tăng cường cơ hội tiếp cận đào tạo kỹ năng số cho lao động trẻ tại Việt Nam” giai đoạn 2020-2021. Nền tảng học trực tuyến trên cung cấp 6 khóa học kỹ năng số cơ bản theo hình thức các khóa học đại trà trực tuyến mở và miễn phí (MOOCs) cho mọi người, đặc biệt là những lao động nữ di cư. Trong giai đoạn thí điểm, nền tảng hướng đến 3.000 lao động di cư và sinh viên học nghề tại TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai.

Mặc dù công tác đào tạo kỹ năng cho người lao động được chú trọng trong những năm qua song trên thực tế nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng nói chung và kỹ năng số nói riêng của nước ta rất hạn chế cả về chất và lượng. Lượng lao động Việt Nam đã qua đào tạo, có chứng chỉ, bằng cấp còn thấp; dẫn đến số lao động có việc làm khu vực phi chính thức và số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động vẫn khá cao. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2021 đạt 50,5 triệu người, lao động đã qua đào tạo

từ trình độ “Sơ cấp” trở lên năm 2021 chỉ đạt 26,1%. Trong năm 2021, số lao động có việc làm phi chính thức là 19,8 triệu người, số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động là hơn 1,4 triệu người. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động năm 2021 là 3,22%. Chất lượng đào tạo cũng chưa thực sự sát với yêu cầu công việc thực tế. Theo số liệu từ một cuộc khảo sát của Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông, có tới 70% sinh viên tốt nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin phải đào tạo lại để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, riêng đối với lĩnh vực lập trình máy tính thì tỷ lệ này là 80%.

Bên cạnh đó, Việt Nam còn xếp hạng thấp trong khu vực về kỹ năng số. Trong các năm 2019-2021, Việt Nam gần như không có sự cải thiện nhiều trong bảng xếp hạng Chỉ số Đổi mới sáng tạo Toàn cầu (GII). Cụ thể, Việt Nam luôn giữ vị trí thứ 42 trong 2 năm liên tiếp 2019 và 2020. Trong bảng xếp hạng GI 2021, Việt Nam xếp thứ 44 trên 132 quốc gia, nền kinh tế sau khi WIPO đã cập nhật số liệu GDP theo tính toán mới của Việt Nam (tức là vị trí này vẫn chỉ tương ứng với thứ hạng của những năm trước). Tại Diễn đàn Doanh Nghiệp Thường niên (VBF) diễn ra vào tháng 2 mới đây, các chuyên gia cũng nhận định, trình độ kỹ năng số của Việt Nam vẫn chưa bắt kịp một số quốc gia láng giềng như Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Singapore. Nếu Việt Nam không đáp ứng được số lượng lao động có tay nghề cao trong quá trình chuyển đổi số đang diễn ra nhanh chóng, thì nền kinh tế có thể mất tới 2 triệu việc làm vào năm 2045.

Hiện Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài và các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước cũng đang

ngày càng lớn mạnh. Do đó, nhu cầu tuyển dụng lao động kỹ năng cao và có đào tạo sẽ ngày càng lớn, đặc biệt trong các ngành như điện tử và bán dẫn, hàng tiêu dùng - bán lẻ, công nghệ thông tin, tài chính ngân hàng... Vì thế, trong thời gian tới, Việt Nam sẽ có những giải pháp mạnh mẽ hơn trong đào tạo kỹ năng cho người lao động, và coi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những ưu tiên hàng đầu cho sự phát triển trong trung và dài hạn.

Mới đây nhất, ngày 28/01/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 146/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Thực hiện Quyết định, trong thời gian tới, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các bộ, ngành, địa phương sẽ tập trung thực hiện nhóm các nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số, xây dựng khung nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, công nghệ số cho đội ngũ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác tham mưu chuyển đổi số trong cơ quan trên cơ sở ý kiến góp ý từ tất cả các bộ, ngành, địa phương. Đối với nhóm các nhiệm vụ phổ cập kỹ năng chuyển đổi số, các bộ, ngành, địa phương ưu tiên tổ chức phổ cập kỹ năng số, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà MOOCs.

Để chuẩn bị lực lượng lao động có kỹ năng nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ giải pháp được đưa ra trong Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn

đến năm 2045 vừa mới được phê duyệt vào tháng 12/2021, để đến năm 2030, giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cho quốc gia đang phát triển, có công nghệ hiện đại, một số nghề tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20. Đến năm 2045, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của một nước phát triển; trở thành quốc gia phát triển hàng đầu về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN, bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

Bên cạnh đó, đến nay, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ LĐ-TB&XH) đã xây dựng chương trình Đào tạo theo chuẩn đầu ra có những chuẩn kiến thức, kỹ năng, công nghệ của CMCN 4.0. Theo chương trình, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đang cập nhật những kỹ năng 4.0 trong khoảng 50-60 nhóm ngành, nghề được tổ chức thi kỹ năng ở khu vực ASEAN và thế giới. Đồng thời, sẽ tiếp nhận chuyển giao 34 chương trình từ nước ngoài đào tạo chất lượng cao, trong đó có các nghề trong lĩnh vực CMCN 4.0 như cơ điện tử, điện tử công nghiệp, quản trị mạng máy tính, công nghệ sinh học... Đặc biệt, Tổng cục đang chuẩn bị triển khai đào tạo các ngành nghề mới và các kỹ năng nghề mới cho ít nhất 20 ngành, nghề; đào tạo lại nâng cao kiến thức, kỹ năng gắn với chuyển đổi việc làm cho người lao động bị tác động của CMCN lần thứ 4 cho ít nhất 300.000 lượt người...

Có thể nói, nâng tầm kỹ năng lao động thích ứng CMCN 4.0 đang là một chiến lược ưu tiên, được Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương cùng chung tay hành động. Tuy nhiên, trên hành trình đó vẫn rất cần sự đồng hành, hợp tác của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hệ thống các trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp, để xây dựng một lực lượng lao động lớn mạnh, có kỹ năng, đáp ứng yêu cầu của CMCN 4.0, góp phần giải thành công bài toán chuyển đổi số quốc gia, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong sân chơi kinh tế toàn cầu rộng lớn./.

Hà Nội quyết liệt thực hiện mục tiêu kép, phát triển kinh tế trong điều kiện bình thường mới

Năm 2021, kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội diễn ra trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường trên thế giới và trong nước. Đặc biệt vào tháng Tư dịch Covid-19 bùng phát mạnh với biến thể Delta lây lan nhanh, phức tạp tại nhiều địa phương, trong đó có các tỉnh, thành phố kinh tế trọng điểm đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân.

Trước tình hình đó, để đảm bảo an toàn cho Thủ đô và sức khỏe của Nhân dân, Thành phố đã triển khai quyết liệt các biện pháp phù hợp với diễn biến dịch bệnh; ban hành nhiều Chỉ thị, Công điện và văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng các phương án, kịch bản cụ thể, bảo đảm xử lý kịp thời các tình huống dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Tập trung triển khai chiến dịch tiêm chủng diện rộng với quy mô lớn nhất từ trước tới nay, đến ngày 28/12/2021, Thành phố đã tiêm được 11,8 triệu liều cho các đối tượng đủ điều kiện, đạt 98,8% dân số 18 tuổi trở lên đã tiêm mũi 1 và 95,4% mũi 2. Cùng với đó, Thành phố quyết liệt thực hiện “mục tiêu kép”, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, chuyển sang trạng thái “thích ứng an toàn, linh hoạt”, bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh.

Nhờ đó, kinh tế Hà Nội thể hiện rõ xu hướng phục hồi trong những tháng cuối năm 2021, GRDP quý IV tăng 6,69% so cùng kỳ trong khi GRDP quý III giảm 6,89%, đóng góp vào mức tăng 2,92% GRDP cả năm 2021 của Thành phố. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 267,7 nghìn tỷ, bằng 113,7% kế hoạch Trung ương giao; sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng khá, tiếp tục khẳng định vai trò trụ đỡ của nền kinh tế; công nghiệp nhanh chóng vượt qua khó khăn, giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng chung của Thành phố, khu vực dịch vụ phục hồi tích cực, cung ứng hàng hóa ổn định; chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát; an sinh xã hội được quan tâm thực hiện.

Bước sang năm 2022, kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội tiếp tục diễn ra trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp với biến thể Omicron lây lan nhanh, xuất hiện nhiều ca mắc trong cộng đồng cùng căng thẳng địa chính trị, xung đột giữa các nước, nhất là xung đột giữa Nga và U-cờ-rai-na khiến giá dầu thô, lương thực và nhiều loại hàng hóa cơ bản tăng cao ảnh hưởng đến sản xuất và gia tăng áp lực lạm phát cho các nền kinh tế.

Trước tình hình đó, thành phố Hà Nội đã chủ động triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 theo các cấp độ phù hợp với mỗi địa phương, mỗi lĩnh vực trong điều kiện bình thường mới; đẩy nhanh triển khai hiệu quả Chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 thần tốc mùa Xuân năm 2022 trên địa bàn với độ bao phủ lớn. Tính đến ngày 24/3/2022, tỉ lệ tiêm 2 mũi cơ bản cho người



Khởi sắc

KINH TẾ - XÃ HỘI HÀ NỘI QUÝ I/2022

Trần Phương Thảo

*Phó trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp
Cục Thống kê TP. Hà Nội*

từ 12 tuổi trở lên đạt 99,9%, mũi nhọn lại 82,8%, nhờ đó tình hình dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ ca nhập viện điều trị chuyển nặng và tử vong giảm. Bên cạnh đó, Thành phố Hà Nội tiếp tục thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt mở cửa trở lại các hoạt động kinh doanh, du lịch, nhà hàng, khách sạn, vận tải, văn hóa, thể thao... tạo đà tích cực cho sự phục hồi các ngành, lĩnh vực góp phần tăng trưởng kinh tế.

Kết quả hoạt động của các ngành, lĩnh vực trong quý I/2022 có nhiều chuyển biến tích cực, cụ thể: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý I/2022 ước tăng 5,83% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,39%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,61%; khu vực dịch vụ tăng 6,15%; tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng 15,6% so với cùng kỳ năm trước; chi ngân sách địa phương tăng 31,6%; vốn đầu tư phát triển tăng 7,8%; thu hút

đầu tư nước ngoài đạt 513,1 triệu USD, gấp 5 lần cùng kỳ; số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng 2%. Ngành công nghiệp đang nỗ lực phục hồi tích cực, giá trị tăng thêm quý I ước tính tăng 5,74%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,3%. Khu vực dịch vụ có nhiều tín hiệu khởi sắc, cung ứng hàng hóa ổn định, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,1%; hoạt động vận tải hàng hóa tăng nhanh, đáp ứng yêu cầu vận chuyển và lưu thông hàng hóa, doanh thu vận tải hàng hóa tăng 43%. Hoạt động xuất nhập khẩu của Thành phố những tháng đầu năm đạt kết quả tích cực, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 12,7 tỷ USD, tăng 14,7%, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 3,6 tỷ USD, tăng 6,1%; nhập khẩu hàng hóa đạt 9,1 tỷ USD, tăng 18,5%.

Một trong những điểm nổi bật nữa là ngành Du lịch Thủ đô đang tích cực đưa ra nhiều sự kiện nhằm thu hút khách du lịch trong nước

và quốc tế sau một thời gian dài đóng cửa để phòng, chống dịch Covid-19. Từ giữa tháng Hai, Hà Nội cho phép các điểm du lịch, di tích, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng hoạt động trở lại đón du khách trong dịp đầu năm mới Nhâm Dần. Giữa tháng Ba, Hà Nội cùng cả nước mở cửa đón khách du lịch quốc tế, các hãng hàng không mở rộng thêm nhiều đường bay tới các nước trong khu vực và quốc tế, trong đó có nhiều quốc gia là thị trường khách du lịch lớn của Hà Nội, cho thấy ngành Du lịch Thủ đô đang phục hồi trở lại.

Công tác giải quyết việc làm cho người lao động cũng được Thành phố quan tâm chú trọng, ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, Thành phố đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ, phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn. Tính chung quý I/2022, toàn Thành phố giải quyết việc làm cho hơn 50 nghìn lao động, đạt 31,3% kế hoạch năm và tăng 29,2% so với cùng kỳ

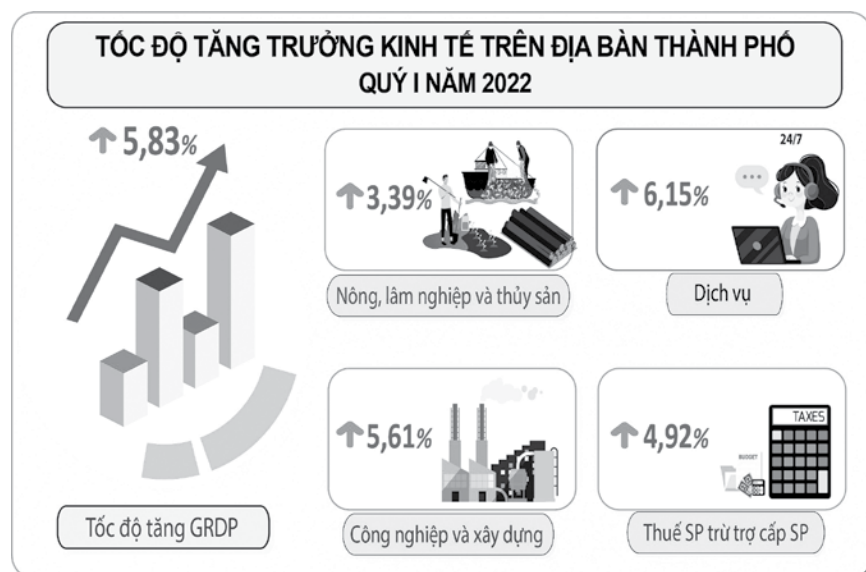
năm 2021. Công tác bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội tiếp tục được Thành phố và các cấp, các ngành quan tâm thực hiện tốt, nhiều gói hỗ trợ cùng quà tặng được thực hiện đầy đủ, kịp thời đến các đối tượng chính sách. Thành phố đã tặng hơn 1,9 nghìn suất quà dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 cho các đối tượng chính sách với tổng số tiền 724,7 tỷ đồng, đạt 183,3% kế hoạch. Công tác hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19 được Thành phố quan tâm đẩy mạnh, hỗ trợ người dân theo chính sách của Trung ương và cơ chế đặc thù của Thành phố. Đến nay, Thành phố đã quyết định hỗ trợ bằng tiền mặt và cho vay gần 5,7 triệu lượt đối tượng gặp khó khăn với tổng kinh phí 7.204 tỷ đồng, trong đó đã thực hiện hỗ trợ cho hơn 5,6 triệu lượt đối tượng với kinh phí 7.153 tỷ đồng. Các hoạt động văn hóa, thể thao đã mở cửa trở lại sau thời gian dài tạm dừng để phòng chống dịch Covid-19. Cùng với đó, Thành phố đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các ngành, lĩnh vực, các sự kiện lớn về chính trị, xã hội. Hiện, Thành phố đang hoàn thành

các khâu cuối cùng trong việc cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị đảm bảo yêu cầu về mỹ quan, kỹ thuật, yêu cầu thi đấu theo tiêu chuẩn quốc tế quy định để chào đón SEA Games 31.

Quyết tâm hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra trong năm 2022 với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp

Trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, lây lan nhanh trong cộng đồng, tình hình thế giới biến động khó lường, mức tăng trưởng quý I ước đạt 5,83% của Thành phố là rất quan trọng thể hiện xu hướng phục hồi tích cực ở nhiều ngành, lĩnh vực. Để hoàn thành tốt các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố năm 2022, trong đó GRDP tăng từ 7,0% - 7,5%. Thời gian tới, Hà Nội tiếp tục thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, đảm bảo kiểm soát tình hình dịch Covid-19; đồng thời tập trung thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế, tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh của Thành phố. Thực hiện đồng bộ các hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh như

chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi, các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai, nhân lực. Bên cạnh đó, cần tập trung đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; huy động tốt nguồn vốn tư nhân cho đầu tư phát triển. Tiếp tục tháo gỡ về thủ tục cho các nhà đầu tư, đẩy nhanh tiến độ cấp phép, thực hiện các dự án; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thực hiện quyết liệt các giải pháp giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai dự án, nhất là các dự án trọng điểm, công trình lớn, quan trọng, thiết yếu, có sức lan tỏa, các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các làng nghề, làng nghề truyền thống. Ngoài ra, chú trọng khai thác và phát triển thị trường nội địa, nâng cao sức tiêu dùng trong nước và phát triển thương hiệu Việt. Đẩy mạnh các chương trình kích cầu tiêu dùng, tuyên truyền đến nhân dân trong nước và kiều bào nước ngoài ủng hộ có hiệu quả chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước. Tổ chức thêm nhiều chương trình khuyến mại tập trung của Thành phố để kích cầu tiêu dùng; vận động các doanh nghiệp đưa ra nhiều chương trình kích cầu tiêu dùng trong nhiều lĩnh vực kết hợp với các chương trình xúc tiến du lịch để tăng sức mua và tiêu dùng dân cư. Thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm. Chăm lo sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần của người dân; tiếp tục hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Phát huy, lan tỏa tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ lẫn nhau vượt khó, sớm ổn định cuộc sống./.





Quảng Nam

VƯỢT "BÃO" COVID-19 VÀ NHỮNG KỲ VỌNG PHỤC HỒI, PHÁT TRIỂN TRONG NĂM DU LỊCH QUỐC GIA 2022

Gia Linh

Trong 2 năm 2020-2021, du lịch Quảng Nam cũng như các địa phương khác trong cả nước chịu không ít tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, với sự nỗ lực triển khai và áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ, du lịch Quảng Nam đã từng bước được phục hồi. Năm 2022, Quảng Nam được chọn là địa phương đăng cai tổ chức Năm Du lịch Quốc gia 2022 với chủ đề "Quảng Nam - Điểm đến du lịch xanh", đây sẽ là cơ hội lớn để du lịch Quảng Nam nói riêng và du lịch cả nước nói chung có được sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Du lịch Quảng Nam - nỗ lực vượt khó trong đại dịch Covid-19

Trong 02 năm 2020-2021, trước tác động chung từ đại dịch Covid-19, có những thời điểm dịch bệnh diễn biến phức tạp đã khiến các hoạt động kinh doanh du lịch của Tỉnh phải tạm dừng toàn bộ, các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch gặp rất nhiều khó khăn, nguồn lực tài chính của các doanh nghiệp cạn kiệt do phải trang trải các chi phí nhằm giữ người lao động, duy tu bảo dưỡng, trả các khoản nợ và lệ phí... Nhiều doanh nghiệp đối mặt với nguy cơ phá sản, giải thể do không có khả năng trả nợ, lãi vay, các khoản nợ từ ngân hàng, thuế, bảo hiểm... Theo thống kê, tại thời điểm quý III năm 2021, trên 90% doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã phải tạm dừng hoạt động, chỉ còn khoảng

90 doanh nghiệp hoạt động cầm chừng. Đã có khoảng 14 nghìn lao động ngành du lịch mất việc làm; trong 9 tháng đầu năm 2021 dịch bệnh Covid-19 đã gây thiệt hại về du lịch khoảng 15 nghìn tỷ đồng.

Trong bối cảnh đó, để khắc phục khó khăn, tỉnh Quảng Nam đã nỗ lực triển khai, áp dụng nhiều giải pháp. Trong đó, thực hiện triển khai tốt công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, lao động trong lĩnh vực du lịch. Các Sở, ngành đã kịp thời triển khai cơ chế, chính sách của Trung ương và tổ chức hỗ trợ cho doanh nghiệp, lao động trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực du lịch. Triển khai hướng dẫn cho các doanh nghiệp du lịch về điều kiện và thủ tục tạm dừng đóng BHXH vào quỹ hưu trí và tử tuất; trả lương ngừng việc và giải quyết chế độ cho người lao động trong thời gian ngừng việc do dịch bệnh Covid-19; hướng dẫn

các cơ sở lưu trú du lịch thủ tục miễn, giảm giá tiền điện theo quy định; triển khai Thông tư số 35/2020/TT-BTC quy định mức thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp hướng dẫn viên du lịch; triển khai hỗ trợ cho hướng dẫn viên bị mất việc làm, gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Bên cạnh đó, Quảng Nam tổ chức Hội nghị đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đối với ngành du lịch, bàn giải pháp mở cửa đón khách du lịch nội địa và quốc tế; làm việc với một số doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh để nghe tình hình hoạt động kinh doanh, những khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp phát triển du lịch trong thời gian tới.

Với sự hỗ trợ của UBND tỉnh, các sở, ban ngành địa phương

mặc dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, song các doanh nghiệp du lịch đã nỗ lực nâng cấp các sản phẩm du lịch, dịch vụ hiện có; xây dựng sản phẩm du lịch, dịch vụ mới. Theo đó tập trung hoàn thiện đưa các dự án nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí đi vào hoạt động đón khách như: Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An (Hoiana), Khu nghỉ dưỡng TUI Blue Nam Hội An, Shilla Monogram & The five villas; một số sản phẩm du lịch mới cũng được hình thành để thu hút khách du lịch như: Tour trải nghiệm tuần hoàn rác thải, tour tâm linh, sự kiện festival biển, festival ẩm thực, Chợ ẩm thực làng quê, Chợ phiên Tân Thành,...

Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của lĩnh vực du lịch trong tình hình mới được triển khai thực hiện tốt. Tỉnh đã thành lập Tổ Công tác xử lý phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong hoạt động du lịch; tổ chức Hội nghị doanh nghiệp du lịch về triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh Covid - 19; tổ chức trực 24/24 giờ và tiếp nhận hàng nghìn cuộc gọi qua đường dây nóng để hỗ trợ thông tin và xử lý các trường hợp liên quan đến dịch bệnh cho khách du lịch và các doanh nghiệp du lịch; xây dựng Hướng dẫn về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 đối với hoạt động trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh tuyên truyền hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh; triển khai thực hiện tốt Bộ tiêu chí đánh giá an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trong lĩnh vực du lịch và thực hiện khuyến cáo 5K của Bộ Y tế, quy chế tổ chức đón tiếp, bàn giao, quản lý, điều hành và bảo vệ khu cách ly tập trung phòng, chống dịch bệnh Covid-19 có thu phí tại khách sạn; triển khai

ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, tuyên truyền, hướng dẫn cài đặt và sử dụng các ứng dụng như Bluzone, “ Du lịch Việt Nam an toàn”... trên cổng thông tin điện tử, mạng xã hội.

Không chỉ quan tâm tới công tác hỗ trợ, tăng cường chất lượng môi trường du lịch, Quảng Nam còn quan tâm tới công tác đào tạo, bồi dưỡng lao động du lịch: Theo đó, trong năm 2020-2021, đã tổ chức 11 lớp tập huấn: Kỹ năng kinh doanh lưu trú nhà dân (homestay) cho các hộ dân tham gia hoạt động kinh doanh này tại xã Tam Hải, huyện Núi Thành; tập huấn kiến thức văn hóa, lịch sử địa phương, kỹ năng giao tiếp du lịch cộng đồng cho người dân tại huyện Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang; tập huấn kiến thức quản lý chung về du lịch cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về du lịch; truyền nghề dệt thổ cẩm cho người dân tại các điểm du lịch huyện Đông Giang; tổ chức các lớp tập huấn kiến thức hướng dẫn viên tại điểm và giao tiếp ứng xử cho cán bộ quản lý các khu, điểm du lịch, cho lái xe và nhân viên phục vụ trên xe vận chuyển khách du lịch; tập huấn nghiệp vụ cứu hộ và nâng cao nhận thức về môi trường du lịch tại các bãi biển trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Hiệp hội Du lịch phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức: 05 lớp đào tạo online “Giữ lửa nghề” cho ngành du lịch; 01 lớp tập huấn về quy trình du lịch an toàn cho quản lý khách sạn, nhà hàng; 01 lớp tập huấn về áp dụng bộ tiêu chí Du lịch xanh cho Ban Chấp hành Hiệp hội Du lịch và quản lý doanh nghiệp; 03 khóa tập huấn nghiệp vụ cho nhân sự du lịch Quảng Nam và nhiều khóa

chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn nghiệp vụ về marketing, tiêu chí du lịch bền vững, du lịch an toàn và phòng chống Covid-19...

Đặc biệt, khi dịch bệnh dần được kiểm soát, để sẵn sàng cho việc đón khách du lịch trở lại, công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, kích cầu du lịch trên địa bàn tỉnh được triển khai rộng khắp, với nhiều hình thức truyền thông phong phú, việc giới thiệu, quảng bá được đẩy mạnh trên các trang mạng xã hội như: facebook, youtube và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Song song với đó, Sở Văn hóa Thể thao và du lịch, Hiệp hội Du lịch và các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp du lịch tại Quảng Nam đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động nhằm kích cầu, phục hồi du lịch như: Hội nghị toàn quốc về du lịch, Hội thảo Tái cơ cấu thị trường khách du lịch Quảng Nam, tổ chức Lễ phát động Diễn đàn du lịch “Ấn tượng Việt Nam” chủ đề “Quảng Nam: An toàn, mến khách”; phát động chương trình khuyến mãi, kích cầu du lịch Quảng Nam sau ảnh hưởng của dịch Covid-19 với nhiều sản phẩm, dịch vụ du lịch ưu đãi, hấp dẫn, chất lượng cao nhằm thu hút du khách đến Quảng Nam tham quan, nghỉ dưỡng, từng bước khôi phục thị trường khách nội địa như: Chương trình “Thank you” miễn phí cho tập thể y, bác sĩ ở tuyến đầu chống dịch; chương trình khuyến mãi “Ở 3 trả 2” hoặc “Ở 2 trả 1” hoặc giảm 50% giá dịch vụ hoặc áp dụng chính sách ưu đãi phù hợp của từng đơn vị, doanh nghiệp du lịch; tổ chức các hoạt động nhằm thu hút khách du lịch như: Festival biển, Festival ẩm thực, Chợ ẩm thực làng quê, Chợ phiên Tân Thành; Tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang,

chương trình “Thức giấc Hội An”, Hội An Show...; thành lập tổ Giám sát chương trình kích cầu du lịch Quảng Nam.

Bên cạnh đó, công tác liên kết, hợp tác phát triển du lịch được đẩy mạnh. Tổ chức nhiều sự kiện du lịch lớn, với nhiều nội dung như: Diễn đàn liên kết phát triển du lịch giữa Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định); triển khai chương trình liên kết hành động khôi phục và phát triển du lịch 03 địa phương: Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế; phối hợp với Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình tổ chức Chương trình Amazing Central Heritage - Miền Di sản diệu kỳ; ký kết hợp tác về Chương trình hợp tác toàn diện giữa tỉnh Quảng Nam và Việt Nam Airlines giai đoạn 2021 - 2025...

Quảng Nam - điểm đến du lịch xanh và những kỳ vọng trong năm 2022

Có thể thấy, với nhiều điểm sáng trong phục hồi phát triển du lịch, tháng 11/2021, Quảng Nam là một trong 5 điểm đến đầu tiên của Việt Nam thực hiện thí điểm đón khách quốc tế. Những du khách quốc tế đầu tiên trở lại Quảng Nam sau thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh đã góp phần tạo ra động lực mới cho ngành du lịch.

Năm 2022, Quảng Nam là địa phương được chọn tổ chức Năm du lịch quốc gia, với chủ đề “Quảng Nam - Điểm đến du lịch xanh”. Theo đánh giá của các chuyên gia, Quảng Nam đăng cai Năm Du lịch Quốc gia 2022 sẽ là yếu tố thuận lợi để du lịch dần phục hồi và phát triển. Đây cũng là một trong những địa phương đầu tiên công bố mục tiêu hướng đến du lịch xanh,

nhân rộng ở những điểm đến đã chiếm nhiều lợi thế, hướng đến mục tiêu du lịch an toàn và bền vững. Sự kiện này cũng là cơ hội để Quảng Nam quảng bá, xúc tiến hình ảnh mới của thương hiệu Quảng Nam - du lịch xanh.

Theo kế hoạch tại Đề án Tổ chức Năm Du lịch Quốc gia 2022, tỉnh Quảng Nam sẽ chủ trì tổ chức 50 hoạt động hưởng ứng sự kiện du lịch lớn nhất trong năm này theo 6 chủ đề bao gồm: Chương trình Du xuân đất Quảng từ tháng 1-3/2022; Chương trình Du lịch sông nước, nông nghiệp và sản phẩm OCOP từ tháng 4-6/2022; Chương trình Du lịch Chu Lai điểm hẹn từ tháng 4-9/2022; Chương trình Du lịch văn hóa các dân tộc và đường Hồ Chí Minh huyền thoại từ tháng 5-8/2022; Chương trình Quảng Nam - Cảm xúc mùa hè từ tháng 5-9/2022; Chương trình Du lịch - Sắc màu di sản từ tháng 9-12/2022.

Ngoài ra, UBND tỉnh Quảng Nam, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam và các ban ngành liên quan sẽ phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tỉnh, thành phố trên cả nước tổ chức hàng loạt các hoạt động hưởng ứng Năm Du lịch Quốc gia 2022 tại Quảng Nam hoặc tại các tỉnh, thành phố trong cả nước nhằm ghi dấu sự phục hồi và tăng trưởng trở lại của ngành trong bối cảnh mới. Đây được xem là cơ hội tốt để hoạt động du lịch quốc tế và nội địa khôi phục, khởi sắc; góp phần kích cầu du lịch, đẩy mạnh truyền thông, giới thiệu điểm đến Quảng Nam nói riêng và Việt Nam nói chung.

Hiện, tỉnh Quảng Nam đã xây dựng xong kế hoạch tổ chức Lễ khai mạc Năm Du lịch Quốc gia 2022. Theo đó, ngoài chương trình

nghệ thuật, nhiều hoạt động sẽ diễn ra trước, trong và sau lễ khai mạc như: Gặp mặt doanh nghiệp, lễ hành, báo chí; Festival nghệ truyền thống vùng miền lần thứ nhất; Chương trình “Nét xưa Hội An”; Hội thảo Phát triển du lịch xanh; Tour trải nghiệm các sản phẩm du lịch xanh Quảng Nam...

Qua sự kiện này, Quảng Nam hi vọng sẽ huy động được sự tham gia mạnh mẽ của cộng đồng doanh nghiệp và các đơn vị hoạt động du lịch, nâng cao chất lượng chương trình du lịch, đồng thời khai thác các sản phẩm du lịch đa dạng, hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu khách du lịch; cải thiện, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và dịch vụ du lịch; thu hút nguồn lực đầu tư phát triển du lịch; tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức đối với việc phát triển du lịch bền vững, du lịch xanh, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn...

Tỉnh Quảng Nam cho biết, hiện các phương án phòng, chống dịch bệnh Covid-19, phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường... cũng đã được xây dựng nhằm đảm bảo Năm Du lịch Quốc gia 2022 diễn ra an toàn, hiệu quả, để lại ấn tượng mạnh mẽ đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Đồng thời định hình rõ nét thương hiệu du lịch Quảng Nam, góp phần tạo ra những sản phẩm, chương trình du lịch đặc trưng, đặc sắc và hấp dẫn.

Với sự quyết tâm và nỗ lực cao, Quảng Nam đã sẵn sàng chào đón du khách và đang đặt nhiều kỳ vọng vào Năm Du lịch Quốc gia 2022 với mong muốn tạo dấu ấn, truyền đi thông điệp ấn tượng về hình ảnh mới của du lịch Quảng Nam - Du lịch xanh, tạo đà phục hồi và phát triển du lịch trong giai đoạn 2022-2023./.

Hoạt động nuôi trồng và chế biến thủy sản của tỉnh Đồng Tháp có nhiều diễn biến tích cực

Sau thời gian dài bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch bệnh covid-19 nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản của tỉnh Đồng Tháp đang có nhiều diễn biến tích cực.

Ước tính đến quý I/2022, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 3.745 ha, tăng 22,63% so với cùng kỳ; sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 129.620 tấn, tăng 11,54% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó diện tích nuôi cá tra thâm canh ước đạt 1.265 ha, tăng 0,72% so với cùng kỳ, sản lượng thu hoạch ước đạt 113.821 tấn, tăng 12,41% so với cùng kỳ năm trước; diện tích thả nuôi tôm ước đạt 655 ha, tăng 49,05% so với cùng kỳ, sản lượng thu hoạch đạt 437 tấn, bằng 221,83% so với cùng kỳ.

Giá cá tra nguyên liệu tăng lên từ những tháng cuối năm 2021 là nguyên nhân chính để người dân gia tăng diện tích nuôi trồng. Hiện nay việc xuất khẩu cá phi lê đông lạnh tương đối thuận lợi, nhất là ở các thị trường Hoa Kỳ, Châu Âu./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp

Hoạt động tín dụng ngân hàng tại tỉnh Bến Tre tiếp tục tăng trưởng ổn định

Hoạt động tín dụng ngân hàng tại Bến Tre tăng trưởng ổn định, an toàn góp phần hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế. Tổng vốn huy động đến cuối quý I/2022 ước đạt 49,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,1% so đầu năm; tổng số tiền cho vay ước đạt 19,5 nghìn tỷ đồng, tăng 20,9% so cùng kỳ; dư nợ ước đạt 49,8 nghìn tỷ đồng, tăng 5,1% so đầu năm; chất lượng tín dụng được kiểm soát, nợ xấu chiếm khoảng 0,9% tổng dư nợ. Chương trình “Đồng Khởi khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp” gắn với Chương trình Kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp: Cho vay doanh nghiệp (DN) ước đạt 6,2 nghìn tỷ đồng, tăng 9,9% so cùng kỳ, chiếm 31,8% tổng cho vay, trong đó cho vay DN khởi nghiệp 50 tỷ đồng, vay mở rộng sản xuất kinh doanh 800 tỷ đồng; dư nợ ước 12 nghìn tỷ đồng, tăng 4% so đầu năm. Chương trình cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai thực hiện tốt: Dư nợ ước đạt 35,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so đầu năm, chiếm 70% tổng dư nợ cho vay, trong đó dư nợ cho vay phục vụ xây dựng nông thôn mới ước 29 nghìn tỷ đồng, chiếm 82% dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn. Hỗ trợ khách hàng bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kịp thời:

TIN ĐỊA PHƯƠNG

Tính đến 14/02/2022, đã hỗ trợ 116,8 nghìn khách hàng, miễn/giảm 122,6 tỷ đồng tiền lãi. Chi nhánh ngân hàng chính sách đã giải ngân 53,3 tỷ đồng cho 37 DN để trả lương cho 5.342 người lao động bị ngừng việc và phục hồi sản xuất./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bến Tre

Chỉ số giá tiêu dùng tại tỉnh Hậu Giang có tín hiệu tăng tốt

Tại tỉnh Hậu Giang, chỉ số giá cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 3/2022 so tháng trước bằng 100,64%; so với kỳ gốc 2019 bằng 106,84%; so với tháng 3 năm trước bằng 102,61%. Bình quân 3 tháng năm 2022 so với bình quân 3 tháng năm 2021 bằng 102,38%. Do ảnh hưởng của giá xăng dầu tăng theo giá nhiên liệu thế giới, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 9 nhóm tăng so tháng trước. Cụ thể: Đồ uống thuốc lá tăng 0,05%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,09%; nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 0,52%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,03%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,04%; giao thông tăng 4,93%; giáo dục tăng 0,10%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,03%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,69%. Có 1 nhóm giảm so tháng trước. Cụ thể: Hàng hóa và dịch vụ ăn uống giảm 0,09%. Trong đó: lương thực giảm 2,32%; thực phẩm giảm 0,28%.

Chỉ số giá cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng quý I/2022 so quý trước bằng 106,15%. Bình quân 3 tháng năm 2022 so với bình quân 3 tháng năm 2021 bằng 102,38%.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

Chăn nuôi lợn (heo) trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu tiếp tục gặp khó khi dịch tả lợn Châu Phi vẫn còn tái phát và diễn biến phức tạp, có nguy cơ lây lan sang các cơ sở quy mô chăn nuôi lớn. Từ đầu năm đến nay toàn tỉnh ghi nhận ổ bệnh dịch ở 51 hộ chăn nuôi trên địa bàn 23 ấp thuộc 06 xã, thị trấn của huyện Hòa Bình và huyện Hồng Dân 8... Hiện nay, tổng đàn lợn đang có dấu hiệu phục hồi (tăng 5,20% so cùng kỳ) do giá lợn hơi được điều chỉnh tăng nhẹ so với

những tháng trước nên các hộ chăn nuôi đang tích cực tái đàn. Sản lượng thịt lợn hơi xuất đạt 4.108 tấn, tăng 0,08%.

Chăn nuôi trâu, bò trong quý không có dịch bệnh lớn xảy ra. Đàn trâu có xu hướng giảm do hiệu quả kinh tế không cao. Đàn bò phát triển khá do được hỗ trợ vốn, kỹ thuật chăn nuôi và thị trường tiêu thụ nên người chăn nuôi có lãi. Ước tính từ đầu năm đến nay, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 17 tấn, tăng 11,77% so cùng kỳ; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 21,18 tấn, tăng 5,69%.

Chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, tổng đàn và sản lượng tiếp tục tăng do bà con nông dân mở rộng quy mô chăn nuôi. Ước tính trong quý, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 4.642 tấn, tăng 3,88%; sản lượng trứng gia cầm đạt 6,93 triệu quả, tăng 2,77%/.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tại tỉnh Cà Mau ghi nhận mức tăng

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 3/2022 tại tỉnh Cà Mau ước đạt 5.418,77 tỷ đồng, tăng 8,57% so tháng trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,25%; tăng 12,79% so cùng kỳ, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 10,31%. Quý I năm 2022 ước đạt 15.308,19 tỷ đồng, tăng 5,38% so cùng kỳ, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 3,37%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa trên địa bàn tỉnh tháng 3/2022 tăng so với tháng trước nguyên nhân chủ yếu do giá xăng dầu tăng quá cao nên chi phí vận chuyển tăng kéo theo giá tăng cao ở hầu hết ở các nhóm hàng; cụ thể: lương thực, thực phẩm tăng 5,56%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 14,42%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 10,78%; xăng, dầu các loại tăng 13,61%;...

Doanh thu bán lẻ một số nhóm hàng quý I năm 2022 so cùng kỳ như: doanh thu nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 5,98%; hàng may mặc giảm 6,51%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 6,73%; vật phẩm văn hóa, giáo dục giảm 19,48%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 8,07%; ô tô các loại tăng 5,37%; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 2,06%; xăng dầu các loại tăng 7,57%; nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) tăng 8,33%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm giảm 8,57%/.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Cà Mau

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 22)

in, sao chép bản ghi giảm 17,2%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 12,9%; dệt giảm 12,8; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 12,4%; sản xuất từ kim loại đúc sẵn giảm 11,8%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao: Sản xuất kim loại tăng 72,4%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 60,7%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và quang học tăng 36,7%; sản xuất thiết bị điện tăng 36,5%; sản xuất xe có động cơ tăng 32,6%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 25%.

Lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại một số tỉnh, thành phố có quy mô công nghiệp lớn có mức tăng cao

Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/3/2022 tăng 1,9% so cùng thời điểm tháng trước và tăng 2,7% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm 01/3/2021 giảm 0,4%). Tại thời điểm trên, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 1,9% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 2,9%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,4%; cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 2,1%.

Lao động của các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/03/2022 so với cùng thời điểm năm trước của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quy mô công nghiệp lớn có mức tăng cao: Thanh Hóa tăng 24,9%; Hải Dương tăng 21,8%; Quảng Ngãi tăng 20,6%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 20,3%; Cần Thơ tăng 19,9%; Hải Phòng tăng 13,3%. Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số lao động thời điểm 01/03/2022 giảm như: thành phố Hồ Chí Minh giảm 6,9%; Bắc Giang giảm 1,5%; Bắc Ninh giảm 1,3%; Đà Nẵng giảm 1%.

Để ngành công nghiệp tiếp tục đà phục hồi và tăng trưởng trong những tháng tiếp theo của năm 2021, một số giải pháp chủ yếu hỗ trợ sản xuất cần được thực hiện đó là: Có biện pháp nhanh chóng bình ổn giá xăng dầu; đảm bảo hoạt động lưu thông hàng hóa diễn ra bình thường, không bị đứt gãy, gián đoạn; tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, hỗ trợ thuế, phí xuất khẩu; triển khai nhanh các gói hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động trong “Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế” kịp thời và hiệu quả; có biện pháp hiệu quả trong ngăn chặn hàng nhập lậu, chống chuyển giá, gian lận nhãn mác trong các doanh nghiệp/.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP BÁN LẺ HÀNG TIÊU DÙNG VIỆT NAM

TS. Trần Ngọc Trang

Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Thương mại

Trên cơ sở nghiên cứu định tính đã xác định, có 7 nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bán lẻ (DNBL) Việt Nam bao gồm: Năng lực tài chính, Năng lực quản trị, Năng lực Marketing, Năng lực cạnh tranh thương hiệu, Văn hóa doanh nghiệp, Thể chế và chính sách và Năng lực nguồn nhân lực địa phương.



Trong những năm qua cùng với nền tảng và thể mạnh sẵn có, ngành bán lẻ vẫn tiếp đà tăng trưởng và đang trở thành một trong những ngành kinh tế chủ chốt của nền kinh tế Việt Nam. Việc tổ chức các kênh phân phối tới người tiêu dùng cuối cùng sao cho hiện đại và phù hợp với nhu cầu mua sắm của người dân một cách hiệu quả nhất đã trở thành vấn đề cấp thiết. Các doanh nghiệp nước ngoài đã sớm nắm bắt xu hướng và đã tổ chức các hình thức phân phối bán lẻ thực sự hiệu quả và hiện đại với các hệ thống siêu thị, như Big C, Mega market, Aeon... Chính điều đó đã đặt ra nhiều cơ hội và thách thức cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam là làm sao có thể chiếm lĩnh, thâm nhập, tổ chức hệ phân

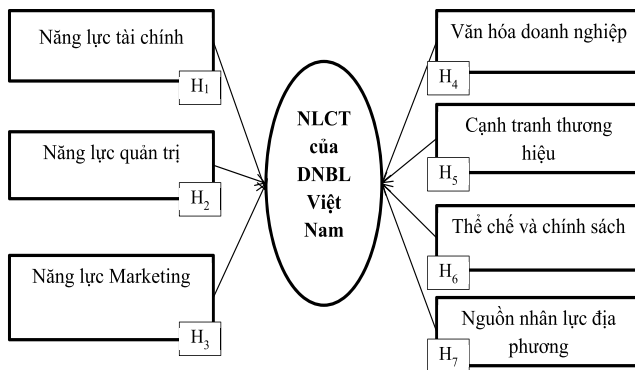
phối một cách hiệu quả nhất, tạo sức cạnh tranh với các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài có nguồn tài chính mạnh, có kinh nghiệm trong tổ chức quản lý và kinh doanh trong môi trường kinh tế quốc tế. Do vậy, việc nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tới năng lực cạnh tranh của các DNBL Việt Nam trên thị trường bán lẻ trong nước là đề tài cấp thiết, góp phần hỗ trợ, định hướng cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung hiện nay xác định mức độ ưu tiên trong chiến lược đầu tư cho sự phát triển bền vững.

Phương pháp và mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính và phương pháp định lượng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh

tranh của DNBL Việt Nam. Dựa trên cơ sở lý thuyết nghiên cứu xây dựng thang đo năng lực tài chính; năng lực quản trị; năng lực marketing; cạnh tranh thương hiệu; văn hóa doanh nghiệp; thể chế và chính sách; và nguồn nhân lực địa phương được thực hiện theo một trình tự chặt chẽ và khoa học. Dữ liệu nghiên cứu được xử lý bằng phần mềm SPSS; Phân tích kết quả bằng phương pháp kiểm định độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha), phân tích nhân tố khám phá (EFA) và kiểm định mô hình hồi quy. Từ đó, tác giả tiến hành đánh giá sự ảnh hưởng của các nhân tố đến năng lực cạnh tranh của DNBL hàng tiêu dùng Việt Nam trên thị trường bán lẻ trong nước.

Hình 1. Mô hình nghiên cứu



Kết quả nghiên cứu

Kết quả kiểm định thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo đều có giá trị lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3. Tuy nhiên, qua kết quả kiểm định sự tin cậy thang đo cho nhân tố NLQT lần 1 cho thấy, hệ số tương quan biến tổng của 2 biến NLQT2 (0,155) và NLQT5 (0,209) đều nhỏ hơn 0,3 và hệ số α riêng của 2 biến đều lớn hơn hệ số α chung nên 2 biến này đã bị loại. Kết quả kiểm định lần 2 chỉ ra, nhân tố năng lực quản trị chỉ đạt tin cậy khi loại đi hai biến quan sát trên (Hệ số Cronbach's Alpha = 0,811). Do đó, tất cả các thang đo đều được chấp nhận và đưa vào các phân tích tiếp theo.

Bảng 2. Kết quả kiểm định thang đo

Mã hóa	Yếu tố	Hệ số Cronbach's Alpha
NLTC	Năng lực tài chính	0,904
NLQT	Năng lực quản trị	0,811
NLMK	Năng lực Marketing	0,946
CTTH	Năng lực cạnh tranh thương hiệu	0,931
VHDN	Văn hóa doanh nghiệp	0,815
CS	Thế chế và chính sách	0,913
NLDP	Nguồn nhân lực địa phương	0,826

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

Phân tích nhân tố khám phá EFA

Với các biến quan sát đạt tin cậy sẽ được đưa vào phân tích nhân tố nhằm kiểm tra xem các nhân tố có hội tụ giống với giả thuyết hay không. Nghiên cứu thực hiện phân tích nhân tố thành hai phần cho biến độc lập riêng và biến phụ thuộc riêng.

Kết quả phân tích chỉ ra, phân tích nhân tố cho nhóm biến độc lập và biến phụ thuộc đều thỏa mãn khi hệ số KMO lần lượt 0.797 và 0.728 đều lớn hơn 0.5 và phương sai giải thích lớn hơn 50%. Đồng thời kết quả chỉ ra, có 7 nhân tố nhóm biến độc lập và 1 nhân tố biến phụ thuộc được tạo thành giống với giả thuyết ban đầu đưa ra. Các nhân tố hội tụ sẽ được tính trung bình để đưa ra nhân tố đại diện để tiếp tục phân tích tương quan và hồi quy.

Bảng 3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Khái niệm	KMO	Phương sai trích (%)	Hệ số tải
1.Nhóm biến độc lập	0,797	72,83	
Năng lực tài chính			0,732 - 0,847
Năng lực quản trị			0,661 - 0,793
Năng lực Marketing			0,773 - 0,895
Năng lực cạnh tranh thương hiệu			0,765 - 0,887
Văn hóa doanh nghiệp			0,555 - 0,843
Thế chế và chính sách			0,681 - 0,89
Nguồn nhân lực địa phương			0,735 - 0,825
2.Biến phụ thuộc			
Năng lực cạnh tranh	0,728	89,03	0,795 - 0,871

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

Phân tích hồi quy tuyến tính

Kết quả phân tích hồi quy chỉ ra mô hình không tồn tại đa cộng tuyến với các chỉ số VIF đều nhỏ hơn 10. Do đó, việc đưa đồng thời các biến độc lập vào chạy hồi quy là phù hợp và các nhân tố đều ảnh hưởng tích cực tới năng lực cạnh tranh tổng thể (p-value đều nhỏ hơn 0.05 và 0.1 - lấy mức ý nghĩa 5% và 10% và hệ số beta đều dương). Thông qua hệ số beta chuẩn hoá có thể thấy được nhân tố có tác động mạnh nhất tới năng lực cạnh tranh tổng thể là năng lực marketing với hệ số beta chuẩn hoá lớn nhất = 0.362. Nhân tố có tác động mạnh thứ hai là Năng lực quản trị (0.317); Cạnh tranh thương hiệu (0.238); Năng lực tài chính (0.205); Văn hóa doanh nghiệp (0.141) và nhân tố tác động yếu nhất là năng lực nguồn nhân lực địa phương (0.084).

Bảng 5. Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính

Biến phụ thuộc: Cạnh tranh tổng thể	Hệ số beta chưa chuẩn hoá		Hệ số beta chuẩn hoá	Giá trị t	Sig.	VIF
	B	Std. Error	Beta			
(Constant)	0.032	0.191		0.166	0.868	
VHDN	0.084	0.030	0.141	2.811	0.006	1.413
CS	0.093	0.033	0.140	2.864	0.005	1.33
NLQT	0.205	0.033	0.317	6.292	0.000	1.419
CTTH	0.159	0.032	0.238	4.931	0.000	1.306
NLMKT	0.240	0.033	0.362	7.342	0.000	1.366
NLTC	0.160	0.037	0.205	4.303	0.000	1.266
NLDP	0.069	0.036	0.084	1.921	0.057	1.066

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ rõ 7 yếu tố có ý nghĩa tới NLCT của DNBL hàng tiêu dùng Việt Nam. Thứ tự ảnh hưởng của các yếu tố như sau: Năng lực marketing, Văn hóa doanh nghiệp, Thể chế chính sách, Năng lực tài chính, Năng lực quản trị, Cạnh tranh thương hiệu và Năng lực nguồn nhân lực địa phương.

Từ kết quả phân tích trên gợi mở những hàm ý quản trị cho các DNBL Việt Nam các giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời gian tới. Trước hết, các nhà quản lý doanh nghiệp cần thấy rõ tầm quan trọng của yếu tố Marketing, xác định được giá trị cốt lõi của doanh nghiệp để tạo nên thương hiệu, xây dựng chiến lược marketing mang tính lâu dài và hiệu quả nhất; đồng thời cần tiết kiệm chi phí bán hàng và tìm ra cách quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp tốt nhất. Một hoạt động marketing của doanh nghiệp có chất lượng càng cao, phạm vi càng rộng thì lợi thế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp càng lớn.

Trong xu thế xã hội ngày nay thì nguồn lực quan trọng nhất của doanh nghiệp là con người mà văn hóa doanh nghiệp đóng vai trò liên kết và nhân lên nhiều lần các giá trị cho nguồn lực đó. Doanh nghiệp cần tạo cho nhân viên một môi trường làm việc năng động, tích cực để nhân viên có động lực làm việc. Người đứng đầu doanh nghiệp cũng cần quan tâm đến những cố gắng và thành quả mà nhân viên mình đạt được để kịp thời động viên và có những hình thức khen thưởng xứng đáng.

Bên cạnh đó, các DNBL Việt Nam cần quan tâm hơn trong việc xây dựng thương hiệu, tạo ra một phong cách riêng cho mình. Các giải pháp là tăng cường các panô, băngrôn về khuyến mại hay những mặt hàng mới và về hình ảnh doanh nghiệp ở nơi công cộng. Để sẵn thông báo danh mục các sản phẩm mới được tập hợp, phát hành hàng tuần hoặc hàng ngày đặt trước cửa ra vào siêu thị, trung tâm thương mại hay ở các cửa hàng. Thiết kế lại các túi đựng hàng có hình ảnh, màu sắc gây ấn tượng mạnh với tên doanh nghiệp được in nổi bật. Có thể thiết kế quà tặng cho khách hàng mang biểu tượng của doanh nghiệp. Việc trưng bày sắp xếp hàng hoá cần được quan tâm đặc biệt theo những nguyên tắc của trưng bày hàng hoá của các nhà kinh doanh nước ngoài.

Năng lực tài chính của doanh nghiệp chính là yếu tố quan trọng, là nhân tố trực tiếp tạo nên năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Hiện nay, đa số các doanh nghiệp thường gặp khó khăn trong việc huy động vốn. Do đó, doanh nghiệp cần tìm ra hướng tiếp cận nguồn vốn tối ưu nhất và có thể đảm bảo huy động được nguồn vốn trong những tình huống cần thiết, với chi phí thấp nhất để có kế hoạch cũng như quyết định sử dụng vốn hiệu quả cho doanh nghiệp.

Quản lý doanh nghiệp là một quá trình tích lũy kiến thức thực tế của thị trường, giúp người quản lý ứng phó dễ dàng với các khó khăn doanh nghiệp gặp phải và hạn chế rủi ro trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Người quản lý doanh nghiệp cần cập nhật thường xuyên thông tin và nhu cầu thị trường để có những quyết định kịp thời đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Porter. M. E. (1980,1988). *Competitive strategy : Techniques for analysing industries and competitors*. New York: The Free Press
- Ajitabh Ambastha; Monmaya. K. (2004). *Copetiveness of Firms: Review of Theory, Frameworks, and models*. Singapore Management Review, vol 26; pp 45- 61.
- Arthur A.Thompson, Jr; A J.Strickland and John Gamble. (2008). *Crafting and Excuting Strategy: The quest for competitive advantage:concepts and cases*. New York: Mc Graw - Hill.
- Nguyễn Thanh Hải (2011), *Nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại bán lẻ hiện đại trên địa bàn thành phố Hà Nội*.
- Nguyễn Thu Hà (2015), *Chất lượng dịch vụ bán lẻ của các siêu thị và cửa hàng tiện ích tại Hà Nội*. Hà Nội. Đại học Quốc Gia.

DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI QUÝ I VÀ CẢ NĂM 2022

I. XU HƯỚNG KINH TẾ VĨ MÔ TOÀN CẦU

1. Tăng trưởng toàn cầu trong năm 2022

Kinh tế toàn cầu được dự báo giảm trong năm 2022 so với các dự báo đưa ra trước đó của các tổ chức quốc tế. Báo cáo sơ bộ Triển vọng kinh tế thế giới tháng 03/2022 cho thấy, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) nhận định cuộc xung đột giữa Nga và U-cờ-rai-na đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn, ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc kinh tế nghiêm trọng. Cuộc chiến sẽ tạo ra một lực cản lớn đối với tăng trưởng toàn cầu trong ngắn hạn và tạo áp lực lạm phát mạnh hơn. Theo ước tính của OECD, tăng trưởng toàn cầu năm 2022 có thể giảm hơn 1 điểm phần trăm trong năm 2022 từ mức dự báo 4,5% đưa ra vào tháng 12/2021.

Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Fitch Ratings nhận định triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu đã xấu đi đáng kể khi các thách thức lạm phát gia tăng và xung đột

giữa Nga và U-cờ-rai-na đe dọa nguồn cung năng lượng toàn cầu. Theo đó, tăng trưởng GDP thế giới năm 2022 điều chỉnh giảm 0,7 điểm phần trăm so với mức dự báo hồi tháng 12/2021, chỉ đạt 3,5%.

Trong tháng 1/2022, WB dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2022 đạt 4,1%, IMF hạ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2022 xuống 4,4%, giảm 0,5 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 10/2021.

2. Tổng quan biến động thị trường thế giới

Thương mại toàn cầu có xu hướng tăng sau khi đã chạm đáy.

Thước đo thương mại hàng hóa của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) trong tháng 02/2022 cho thấy sự gián đoạn nguồn cung đã làm giảm sức mạnh của phục hồi thương mại hàng hóa toàn cầu, nhưng điều này có thể sẽ thay đổi khi áp lực chuỗi cung ứng có dấu hiệu giảm bớt. Chỉ số tổng hợp là 98,7. Tuy nhiên, dấu hiệu chạm đáy của chỉ số tổng hợp cho thấy giao dịch hàng hóa có thể sớm tăng lên quanh mức cơ sở (100) trong ngắn hạn.

Hầu hết các chỉ số thành phần của thước đo đều gần với giá trị cơ sở cho thấy xu hướng tăng trưởng, ngoại trừ chỉ số các sản phẩm ô tô (92,0) và vận chuyển công-ten-nơ (97,2). Chỉ số vận chuyển công-ten-nơ tiếp tục giảm xuống dưới xu hướng do tắc nghẽn tại các cảng, nhưng tốc độ giảm chậm lại có thể cho thấy dấu hiệu của sự thay đổi trong tương lai gần.

Giá cả và lạm phát tăng. Theo Bộ phận dự báo của Tổ chức The economist (EIU), giá các mặt hàng năng lượng tiếp tục tăng trong năm 2022. Xung đột giữa Nga và U-cờ-rai-na đã khiến giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng vọt. Cuộc chiến ở U-cờ-rai-na và mối bất hòa giữa Nga và phương Tây có thể kéo dài trong vài tháng tới, điều này sẽ khiến giá năng lượng duy trì ở mức cao như hiện tại trong phần lớn thời gian của năm. Dầu thô hỗn hợp Brent hiện đang giao dịch trên 100 USD/thùng và giá sẽ còn tăng nếu xung đột tiếp tục diễn ra giữa Nga và U-cờ-rai-na.

Chỉ số giá lương thực, thực phẩm FAO (FFPI) đạt trung bình

140,7 điểm vào tháng 2 năm 2022, tăng 5,3 điểm (3,9 phần trăm) so với tháng 1 và cao hơn 24,1 điểm (20,7 phần trăm) so cùng kỳ năm trước. Đây là mức cao kỷ lục, vượt mức cao nhất trước đó trong tháng 2/2011 (3,1 điểm). Giá toàn cầu đối với các mặt hàng nông sản đã tăng vọt và sẽ tiếp tục tăng lên chừng nào xung đột vẫn diễn ra ở U-cờ-rai-na.

Theo IMF, năm 2022, lạm phát dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới, trung bình 3,9% ở các nền kinh tế phát triển và 5,9% ở thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển. Áp lực lạm phát đặc biệt rõ rệt ở Hoa Kỳ, khu vực đồng Euro, Mỹ Latinh và Caribe.

Điều kiện tài chính có xu hướng thắt chặt trên toàn cầu. Ngày 16/3/2021, Fed đã tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản (0,25%) và đạt mức 0,5% nhằm làm giảm đà gia tăng của chỉ số giá tiêu dùng. Fed cũng cho biết đã lên kế hoạch tăng thêm sáu lần nữa trong năm 2022 với lãi suất dự kiến đạt 1,9% vào cuối năm 2022.

Theo IMF, việc tiết giảm chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ sẽ khiến các điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt hơn, gây áp lực lên các đồng tiền của thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển. Lãi suất cao hơn cũng sẽ làm cho việc đi vay trên toàn thế giới trở nên đắt đỏ hơn. Mặc dù việc củng cố tài khóa được thực hiện ở nhiều thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển vào năm 2022, gánh nặng nợ cao sau đại dịch sẽ là một thách thức trong những năm tiếp theo.

Thị trường lao động phục hồi chậm và không chắc chắn. ILO cho rằng khả năng phục hồi của thị trường lao động năm 2022 chậm và không chắc chắn do đại dịch sẽ tiếp tục tác động đáng kể

đến thị trường lao động toàn cầu. ILO đã hạ mức dự báo về khả năng phục hồi của thị trường lao động năm 2022, dự kiến mức thâm hụt thời gian làm việc toàn cầu trong năm 2022 so với Quý IV/2019 sẽ tương đương với 52 triệu việc làm toàn thời gian. Ước tính thất nghiệp toàn cầu năm 2022 là 207 triệu người, so với 186 triệu năm 2019. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động toàn cầu năm 2022 dự kiến sẽ vẫn thấp hơn 1,2 điểm phần trăm so với năm 2019.

Đầu tư quốc tế dự kiến tăng trong thời gian tới. Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển UNCTAD nhận định nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu tăng trở lại mạnh mẽ vào năm 2021, nhưng không đồng đều. Theo báo cáo, FDI toàn cầu có thể tăng trưởng trong năm 2022, song khó có thể lập lại tốc độ tăng trưởng phục hồi như của năm 2021. Nguồn vốn dự án quốc tế trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng của FDI.

Một số nhân tố rủi ro tác động tới triển vọng kinh tế thế giới. Theo WB, sau sự phục hồi tăng trưởng đáng kể vào năm 2021, triển vọng toàn cầu tiếp tục có nhiều bất ổn và tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm. Tái bùng phát đại dịch do biến thể Omicron có thể áp đảo các hệ thống y tế và dẫn tới các biện pháp kiểm soát đại dịch bổ sung trên toàn cầu. Đại dịch có thể tiếp tục làm trầm trọng thêm tình trạng tắc nghẽn nguồn cung, làm tăng lạm phát, gia tăng áp lực thắt chặt hơn chính sách tiền tệ ở nhiều nền kinh tế. Sự phục hồi các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi cũng có thể bị ảnh hưởng do thiên tai và các sự kiện liên quan đến biến đổi khí hậu.

Tác động kinh tế toàn cầu của cuộc xung đột giữa Nga và U-cờ-rai-na

Theo IMF, xung đột giữa Nga và U-cờ-rai-na là một đòn giáng mạnh vào nền kinh tế toàn cầu, sẽ ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng và lạm phát. Các tác động sẽ phản ánh qua ba kênh chính. Thứ nhất, giá các mặt hàng như thực phẩm và năng lượng cao hơn sẽ đẩy lạm phát lên cao hơn nữa, từ đó làm giảm giá trị thu nhập và tác động đến nhu cầu. Thứ hai, các nền kinh tế, đặc biệt là các quốc gia láng giềng, sẽ phải vật lộn với thương mại, chuỗi cung ứng và kiểu hối bị gián đoạn cũng như sự gia tăng dòng người tị nạn. Thứ ba, niềm tin kinh doanh giảm và sự không chắc chắn của nhà đầu tư cao hơn sẽ tác động lớn đến giá tài sản, thắt chặt các điều kiện tài chính và có khả năng thúc đẩy dòng vốn chảy ra từ các thị trường mới nổi.

Nga và U-cờ-rai-na là những nhà sản xuất hàng hóa lớn, xung đột giữa hai quốc gia này đã khiến giá toàn cầu tăng cao, đặc biệt là đối với dầu và khí đốt tự nhiên. Chi phí lương thực đã tăng vọt. Về lâu dài, chiến tranh có thể làm thay đổi cơ bản trật tự kinh tế và địa chính trị toàn cầu nếu thương mại năng lượng thay đổi, chuỗi cung ứng được cấu hình lại, mạng lưới thanh toán bị phân mảnh và các quốc gia phải xem xét lại việc nắm giữ tiền tệ dự trữ. Căng thẳng địa chính trị gia tăng càng làm tăng thêm rủi ro phân tán kinh tế, đặc biệt là đối với thương mại và công nghệ.

Theo EIU, xung đột giữa Nga và U-cờ-rai-na sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu thông qua ba kênh chính: trừng phạt tài chính, giá hàng hóa và gián đoạn chuỗi cung ứng. Giá hàng hóa cao hơn

sẽ làm tăng lạm phát toàn cầu trong năm nay và có thể kéo dài sang năm 2023. Trước đây EIU dự báo lạm phát toàn cầu lên mức gần 6% trong năm 2022, nhưng giờ đây, mốc đó dự kiến sẽ bị vượt qua do giá hàng hóa tăng đột biến. Giá cao hơn cũng sẽ khiến các ngân hàng trung ương thắt chặt tiền tệ để kiểm chế lạm phát.

II. TĂNG TRƯỞNG CỦA MỘT SỐ NỀN KINH TẾ

1. Hoa Kỳ

Theo báo cáo Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới của UNDESA, nền kinh tế Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng trưởng 3,5% trong năm 2022. Theo WB, tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ dự báo đạt 3,7% trong năm 2022, điều chỉnh giảm 0,5 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 6/2021. IMF điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế của Hoa Kỳ năm 2022 giảm 1,2 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 10/2021, đạt mức 4,0%.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng tổng hợp (PMI) trong tháng 2/2022 điều chỉnh giảm nhẹ so với ước tính sơ bộ, ở mức 55,9 điểm, nhưng vẫn cao hơn mức 51,1 điểm trong tháng 1/2022.

Đối với tăng trưởng GDP Quý I/2022, Trading Economics dự báo GDP của Hoa Kỳ Quý I/2022 tăng 3,1% so với Quý IV/2021 và tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

2. Khu vực đồng Euro

Theo WB, tăng trưởng kinh tế khu vực đồng Euro đạt 4,2% năm 2022, thấp hơn 0,2 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 6/2021, phản ánh tiêu dùng dịch vụ phục hồi chậm hơn so với dự kiến do sự xuất hiện của biến thể Omicron. UNDESA dự báo GDP khu vực đồng Euro tăng trưởng ở mức 4,0% năm 2022. IMF dự báo tăng trưởng GDP

của khu vực đồng Euro năm 2022 đạt 3,9%, điều chỉnh giảm 0,4 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 10/2021.

Fitch Ratings dự báo tăng trưởng GDP năm 2022 của khu vực đồng Euro đạt 3,0%. Chỉ số PMI tổng hợp trong tháng 2/2022 của khu vực đồng Euro bị điều chỉnh giảm nhẹ từ 55,8 điểm theo ước tính sơ bộ xuống 55,5 điểm nhưng vẫn cao hơn mức 52,3 điểm trong tháng 1/2022.

GDP Quý I/2022 của khu vực đồng Euro theo dự báo của Trading Economics tăng 0,3% so với Quý IV/2021 và tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước.

3. Nhật Bản

Theo WB, nền kinh tế Nhật Bản dự báo tăng trưởng ở mức 2,9% năm 2022, cao hơn 0,3 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 6/2021 nhờ việc giải phóng nhu cầu bị dồn nén sau khi tái bùng phát đại dịch năm 2021 và gói kích cầu tài khóa bổ sung được công bố vào tháng 12 năm 2021.

UNDESA nhận định tăng trưởng GDP của Nhật Bản đạt 3,3% trong năm 2022. IMF dự báo tăng trưởng GDP của nền kinh tế Nhật Bản năm 2022 đạt 3,3%, điều chỉnh tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 10/2021.

Chỉ số PMI tổng hợp tháng 02/2022 của Nhật Bản được điều chỉnh lên 45,8 điểm, tăng so với ước tính sơ bộ 44,6 điểm nhưng giảm mạnh so với 48,8 điểm của tháng 01/2022. Con số này đánh dấu tháng giảm thứ hai liên tiếp của khu vực tư nhân.

Theo Trading Economics, GDP Quý I/2022 của nền kinh tế Nhật Bản dự báo tăng 0,9% so với Quý IV/2021 và tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước.

4. Trung Quốc

Theo WB, tăng trưởng GDP của Trung Quốc dự báo đạt 5,1% năm 2022, điều chỉnh giảm 0,3 điểm phần trăm so với con số dự báo đưa ra trong tháng 6/2021. UNDESA dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đạt 5,2% năm 2022. IMF dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đạt 4,8% năm 2022, điều chỉnh giảm 0,8 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 10/2021.

Chỉ số PMI tổng hợp của nền kinh tế Trung Quốc trong tháng 02/2022 đạt 50,1 điểm, bằng với mức điểm của tháng 01/2022.

Theo Trading Economics, GDP Quý I/2022 của nền kinh tế Trung Quốc dự báo tăng 1,5% so với Quý IV/2021 và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước.

5. Đông Nam Á

Theo ADB, tăng trưởng kinh tế dự kiến của khu vực đạt 5,1% trong năm 2022. Tăng trưởng năm 2022 của In-đô-nê-xi-a đạt 5,0%, Phi-lipin đạt 6%, Thái Lan đạt 4%, Xin-ga-po đạt 4,1%, Ma-lai-xi-a đạt 5,9% và cao nhất là Việt Nam ở mức 6,5%.

6. Việt Nam

Theo WB, GDP của Việt Nam sẽ bật tăng trở lại từ 2,58% năm 2021 lên 5,5% năm 2022, con số này theo dự báo của IMF là 6,6%. ADB dự báo Việt Nam sẽ đạt tốc độ tăng trưởng trước đại dịch là 6,5% trong năm 2022, nhờ tiến độ tiêm chủng nhanh chóng, sự phục hồi kinh tế toàn cầu và một số động lực chính của tăng trưởng kinh tế, bao gồm cả quá trình chuyển đổi kỹ thuật số tại Việt Nam. Fitch Ratings dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 7,9% trong năm 2022.

Trading Economic dự báo GDP Quý I/2022 của Việt Nam tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước./.

Nguồn: Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế - TCTK



KHỦNG HOẢNG CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU

TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA CĂNG THẲNG NGA-UKRAINE

Tiến Long

Xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine đang làm gián đoạn nghiêm trọng chuỗi cung ứng toàn cầu, cắt đứt nhiều tuyến đường vận chuyển quan trọng, buộc các công ty vận tải phải tạm ngừng cung cấp dịch vụ và giá cước hàng không đang tăng vọt.

Vận chuyển hàng hóa tắc nghẽn, chi phí tăng vọt

Dylan Alperin, người đứng đầu bộ phận dịch vụ chuyên nghiệp của nền tảng phần mềm cung ứng Keelvar cho biết, tuyến đường hàng hải ra vào biển Azov - một trong số ít các điểm tiếp cận thương mại đường biển ở Ukraine, đã rơi vào trạng thái "đóng cửa". Điều này đã dẫn tới một lượng lớn tàu thuyền đáng kể đang chờ để đi qua eo biển Kerch. Với 70% hàng hóa xuất khẩu của Ukraine được phân phối qua đường biển, tình trạng tắc nghẽn đang ngày càng trở nên tồi tệ hơn.

Công ty đặt chỗ container ContainerxChange cũng cho biết, các khu vực của Biển Đen và Biển Azov hiện nay rất nguy hiểm, hoặc không thể đi qua. Đã có các cuộc tấn công tên lửa vào các tàu thuyền tại đây, cũng như các vụ bắt giữ tàu, đóng cửa các làn đường vận chuyển thương mại hàng hải.

Một số công ty vận tải cho biết, việc vận chuyển hàng hóa đang bế tắc do các cảng Odessa và Mariupol của Ukraine bị đóng cửa vì bị pháo kích làm cho hư hại... Các hoạt động vận chuyển

bằng container đã bị đình trệ, với rất nhiều hàng hóa bị kẹt tại các cảng. Nhiều công ty trong ngành cung ứng đã tạm ngưng cung cấp dịch vụ giao hàng đến và đi từ Nga cũng như Ukraine. Công ty vận tải biển toàn cầu Maersk đầu tháng 3/2022 thông báo sẽ tạm dừng tất cả các chuyến hàng đến và đi từ Nga bằng đường biển, đường hàng không và đường sắt, ngoại trừ hàng thực phẩm và thuốc men. Ocean Network Express, Hapag-Lloyd và MSC, các hãng vận tải biển lớn khác trên toàn thế giới, cũng đã có các thông báo tương tự. Bên cạnh đó, nhiều công ty logistics cũng đã đình chỉ việc giao hàng đến và đi từ Nga cũng như Ukraine. DHL cho biết họ đã đóng cửa các văn phòng ở Ukraine cho đến khi có thông báo mới, trong khi UPS nói rằng họ đã tạm ngừng các dịch vụ đến và đi từ Ukraine, Nga và Belarus.

Số lượng các hãng vận tải ngưng dịch vụ ở Nga ngày càng tăng, chiếm khoảng 62% tổng năng lực vận tải đường biển. Trong khi đó, giá cước tàu chở dầu đã "tăng vọt," với mức tăng đột biến từ 157% lên 591%. Phòng Vận tải biển Quốc tế (ICS) mới đây cảnh báo rằng, sự gián đoạn chuỗi cung ứng có thể trở nên tồi tệ hơn do sự thiếu hụt đội ngũ vận chuyển liên quan tới căng thẳng Nga-Ukraine.

Theo ICS, các thuyền viên Ukraine và Nga chiếm 14,5% lực lượng lao động vận tải biển

toàn cầu. Những lo ngại về sự an toàn của thủy thủ đoàn và việc tăng phí bảo hiểm để đưa tàu đến Ukraine hoặc Nga cũng đã không khuyến khích các chủ tàu nhận các chuyến hàng đến hai nước này.

Tình hình vận chuyển bằng đường hàng không cũng gặp nhiều khó khăn tương tự. Việc không phận Ukraine đóng cửa với các chuyến bay dân sự và các hãng hàng không tránh bay qua không phận Nga đã đẩy giá cước vận chuyển hàng không tăng đột biến. Điều này sẽ làm giảm đáng kể lượng cung cấp hàng hóa từ các hãng hàng không. Ông Judah Levine, người đứng đầu bộ phận nghiên cứu của công ty Freightos Group (Hong Kong) cho biết, khi các hãng hàng không tránh không phận Nga, họ sẽ thực hiện các đường bay thay thế, dài hơn - làm tăng chi phí nhiên liệu. Theo Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế, giá cước vận chuyển hàng không đã tăng 150% so với thời điểm trước đại dịch, ảnh hưởng tới nhiều lĩnh vực và nền kinh tế trên toàn thế giới, trong khi nhu cầu vận chuyển lại tăng 6,9% so với năm 2019 do thương mại điện tử tăng mạnh và tình trạng thiếu container toàn cầu. Đây cũng là yếu tố góp phần khiến giá cả hàng hóa tăng vọt.

Ngoài ra, nhiều chuyến bay đã bị hủy bỏ hoặc phải đổi tuyến bay, gây áp lực lên khả năng vận chuyển hàng hóa và làm gia tăng

lo ngại về sự cố gián đoạn chuỗi cung ứng có thể tiếp tục xảy ra. Theo phân tích của công ty hậu cần Flexport, các chuyến bay dọc theo những tuyến đường thương mại chính bị chậm lại. Các tuyến đường dài hơn có thể tạo sự chậm chễ và ùn đọng cho các ngành phụ thuộc vào vận tải hàng không, bao gồm điện tử, chất bán dẫn...

Giới chuyên gia phân tích, sau hơn hai năm chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn bởi đại dịch, những thách thức mới đang "khoét sâu hơn vào các mắt xích", khiến quá trình vận chuyển hàng hóa bị chậm trễ, chi phí giao hàng cao hơn. Hậu quả là các mặt hàng sử dụng chuỗi cung ứng toàn cầu đều tăng giá.

Rủi ro cho các ngành sản xuất khiến khủng hoảng thêm trầm trọng hơn

Nhiều chuyên gia nhận định, căng thẳng Nga - Ukraine đang làm xáo trộn các chuỗi cung ứng toàn cầu vốn đã rất mong manh sau "cú đánh" của đại dịch Covid-19. Nhiều sản phẩm nguyên, nhiên liệu đầu vào không được cung cấp kịp thời như hợp chất platinum, nhôm, dầu hướng dương, dầu thô và thép, khiến các nhà máy ở châu Âu, Nga và Ukraine có nguy cơ phải đóng cửa. Ngoài ra, căng thẳng leo thang còn làm cho giá năng lượng tăng vọt, đẩy chi phí vận chuyển lên cao hơn. Tác động từ căng thẳng Nga-Ukraine đối với từng ngành công nghiệp sẽ là khác nhau và phụ thuộc vào thời gian của cuộc xung đột, nhưng chắc chắn chúng sẽ tạo ra ảnh hưởng lớn hơn, do chuỗi cung ứng vốn đã rất mong manh sau những ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19. Hiện, tình trạng tắc nghẽn nghiêm trọng tại các khu cảng biển ở Mỹ; Chi phí vận chuyển hàng hóa hiện rất cao và nhiều nhà máy tại châu Á phải đóng cửa để đối phó với dịch bệnh

là những vấn đề đang hiện hữu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới chuỗi cung ứng toàn cầu.

Hiện nay, Ukraine và Nga đều là những quốc gia quan trọng trong mạng lưới cung cấp hợp chất palladium và platinum cho thế giới. Các hợp chất này được sử dụng trong bộ chuyển đổi xúc tác của động cơ, cũng như nhôm, thép và chrome. Theo tổ chức Capital Economics, sự thiếu hụt một số nguyên liệu quan trọng như palladium và xenon, được sử dụng trong sản xuất chất bán dẫn và ô tô, có thể làm tăng thêm các khó khăn mà những ngành công nghiệp này đang phải đối mặt.

Tình trạng thiếu hụt chất bán dẫn khiến nhiều nhà sản xuất ô tô và một số cơ sở sản xuất khác buộc phải dừng hoạt động, thúc đẩy tình trạng tăng giá hàng hóa và ảnh hưởng đến doanh số bán hàng. Các doanh nghiệp có chuỗi cung ứng toàn cầu phức tạp như các nhà sản xuất ô tô đã và đang đối mặt với một loạt tác động tiêu cực. Công ty sản xuất ô tô Volkswagen đã thông báo ngừng sản xuất ô tô điện tại nhà máy chính của hãng này, và đến tháng 3/2022 lại tiếp tục thông báo sẽ tạm dừng hoạt động tại một số nhà máy khác nữa, bao gồm cả nhà máy chính ở bang Wolfsburg của Đức, do tình trạng thiếu hụt nguyên liệu đầu vào ở tất cả các khâu sản xuất.

Hiện, các nhà sản xuất chất bán dẫn cũng đang lo ngại về lượng dự trữ neon, xenon và palladium toàn cầu, vì vai trò thiết yếu của chúng trong những sản phẩm của họ. Jennifer McKeown, người đứng đầu mảng dịch vụ kinh tế toàn cầu tại Tổ chức Capital Economics nhận định, những gì đang xảy ra hiện nay có thể làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu hụt nguyên vật liệu đầu vào, gây thêm nhiều thiệt hại cho tăng trưởng toàn cầu.

Không những vậy, căng thẳng giữa Nga và Ukraine cũng khiến cho giá lương thực không ngừng leo thang do lo ngại nguồn cung bị gián đoạn. Ukraine và Nga chiếm 30% tỷ trọng xuất khẩu lúa mì, 19% xuất khẩu ngô và 80% xuất khẩu dầu hướng dương của thế giới. Các nhà sản xuất khoai tây chiên và mỹ phẩm có thể phải đối mặt với tình trạng thiếu dầu hướng dương, mà phần lớn trong số đó được sản xuất ở Nga và Ukraine. Thậm chí, tình trạng căng thẳng kéo dài có thể đe dọa đến vụ thu hoạch lúa mì vào mùa Hè tới đây tại cả Nga và Ukraine. Lúa mì do hai nước này sản xuất là nguồn cung cấp chính nguyên liệu để sản xuất bánh mì, mì ống (pasta) và các loại thực phẩm đóng gói khác cho người dân sở tại và cả ở châu Âu, Bắc Phi và Trung Đông. Giá lương thực thế giới đã tăng vọt do sự gián đoạn của chuỗi cung ứng toàn cầu, làm tăng nguy cơ bất ổn xã hội ở các nước nghèo hơn. Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) đã phải lên tiếng báo động về tình hình an ninh lương thực ở khu vực châu Phi và Trung Đông.

Có thể nói, Nga và Ukraine là những nhà sản xuất hàng hóa lớn trên thế giới. Sự gián đoạn nguồn cung từ hai nước này sẽ khiến các chuỗi cung ứng toàn cầu có thể rơi vào tình trạng hỗn loạn và trầm trọng hơn nữa, làm cho giá cả hàng hóa toàn cầu tăng cao. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho rằng, cuộc xung đột Nga - Ukraine có thể gây ra những bất ổn lớn, làm giảm triển vọng phục hồi của nền kinh tế toàn cầu vốn đã suy yếu nghiêm trọng bởi đại dịch. Các nhà kinh tế cảnh báo về nguy cơ đình lạm, tức tăng trưởng kinh tế đình trệ trong khi lạm phát leo thang. Đây được xem như cuộc khủng hoảng lớn nhất ở châu Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay./.

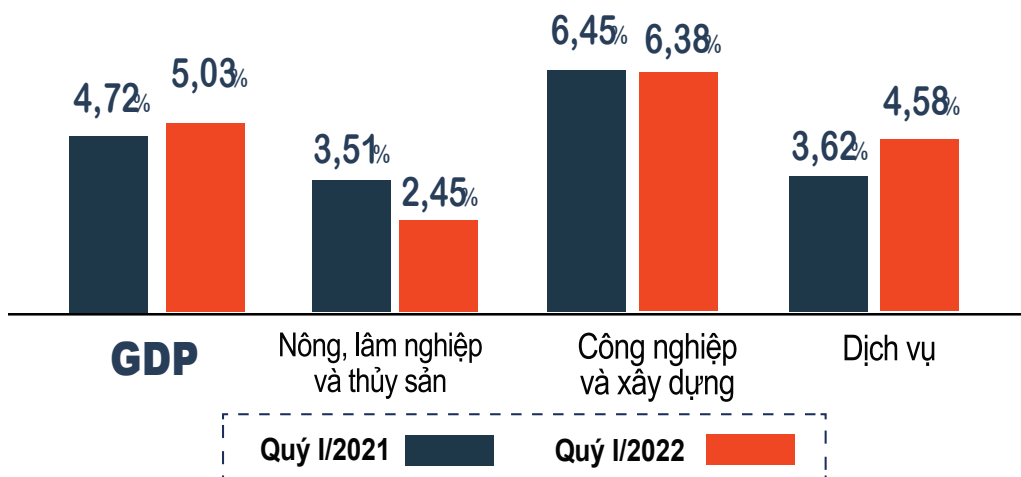


TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

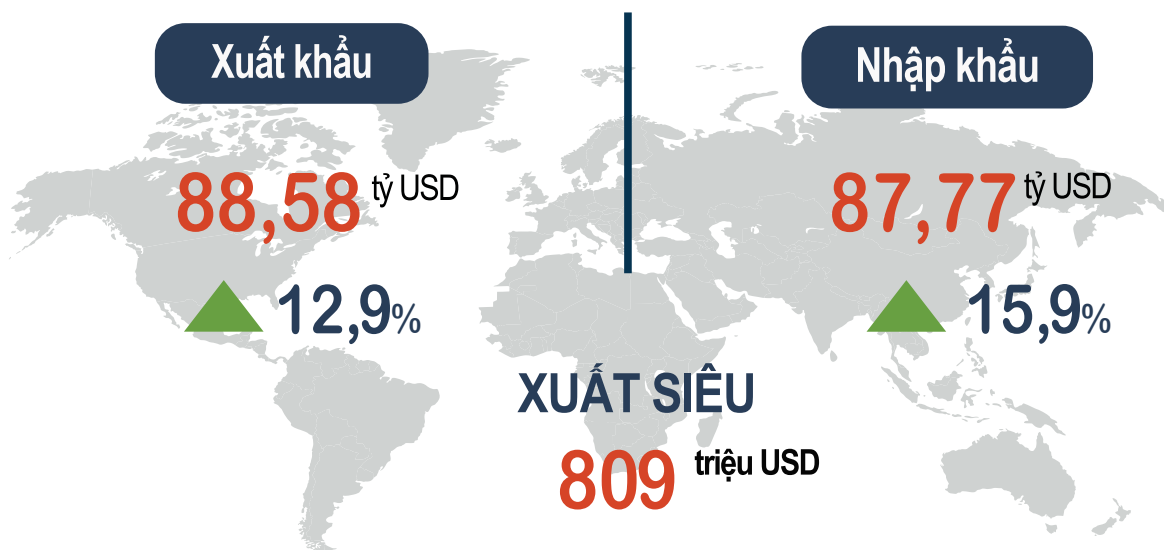
QUÝ I NĂM 2022



Tốc độ tăng GDP quý I so với cùng kỳ năm trước



XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUÝ I NĂM 2022



CHỈ SỐ GIÁ

